Số 12
mỹ sau, 1918

L'INFORMATION FRANÇAISE
LA FRANCE DEVANT LE MONDE. — SON ROLE DANS LA GUERRE DES NATIONS
(Publication autorisée par arrêté du 30 décembre 1916 de M. le Gouverneur Général de l'Indochine)

NAM PHONG

VĂN-HỌC KHOA-HỌC TẠP-CHÍ

LUẬN-THUYẾT

CÁI VẤN-ĐỀ GIÁO-DỤC Ở NƯỚC NAM TA NGÀY NAY
BÀN VỀ BỘ « HỌC-CHÍNH TỔNG-QUI »

(Règlement général de l'Instruction publique)

I

Tổng-luận

Việc giáo-dục nước nào cũng coi là một vấn-đề quan-trọng, mà ở nước Nam ta ngày nay lại là quan-trọng lắm nữa. Đương buổi mới cũ thay đổi, Âu-Á giao nhau, lề-lối trước đã mất, nền-nếp sau chưa thành, phải dạy-dỗ bọn thiếu-niên trong nước thế nào cho hợp thời, cho thành những người hữu-dụng trong việc gây-dựng lại xã-hội sau này? Kể từ khi nhà nước Đại-Pháp mới sang bảo-hộ đây, những người trí-thức trong nước cũng đã thường chú-ý đến cái vấn-đề ấy, và biết rằng cái cựu-học của ta không đủ đem ra ứng-dụng trong thời buổi này. Nhưng cái cựu-học ấy đã lâu năm quá, đã tiêm-nhiễm sâu vào trong não-chất người nước ta, không thể nhất-dán thay đổi ngay được. Bởi thế nên trong hai ba mươi năm sự học trong nước vẫn chưa có phương-trâm nhất-định. Một đàng thì Chính-phủ Bảo-hộ lúc mới đầu các công việc kiến-thiết còn nhiều, chưa kịp lưu-ý đến cái vấn-đề giáo-dục. Sau đặt ra các trường Pháp-Việt là chỉ chủ gây lấy những người biết chữ biết tiếng đủ dùng làm việc trong các sở công sở tư, chưa phải đã đem cái học-thuật Thái-Tây mà giáo-hóa dân Nam-Việt. Người dân vào học các trường ấy cũng là chỉ chủ một đường cận-lợi, kể sinh-nhai, chưa mấy người đã có cái chí muốn mở rộng trí-thức, am-hiểu thời-thế. Vả lại Chính-phủ trông thấy cái cựu-học của ta còn thịnh, nên cũng chưa dám quả-quyết đem tây-học mà truyền-bá cho thật rộng thật sâu. Thành ra mấy mươi năm trong nước ta pháp-học có, hán-học có, mà vẫn thiếu một cái gốc giáo-dục chính-đáng. Không những thế : hán-học pháp-học đồng-sinh cộng-tồn với nhau lại hình như ngăn-trở lẫn nhau không thể tiến-hóa được, chia ra trong quốc-dân thành hai phái, một phái cựu-học, một phái tân-học, tính-cách tư-tưởng đều không giống nhau. Bấy giờ Chính-phủ trông thấy cái tình-trạng ấy mới thật chú-ý đến việc giáo-dục ; từ đấy sự giáo-dục dân An-nam thành một cái vấn-đề rất quan-trọng trong chính-sách nước Đại-Pháp ở xứ này. Nhưng Chính-phủ vẫn còn do-dự, chưa biết giải-quyết ra phương-diện nào. Nếu bỏ hẳn hán-học thời sợ quốc-dân không bằng lòng, mà không bỏ hán-học thời pháp-học

không thể bành-trướng ra được : thực là khó nghĩ thay ! Song có một điều hiển-nhiên là hán-học đã thành một cái học quá-độ rồi, nếu cứ giữ cái hình-thức cũ thì quyết không thể sinh-tồn được trong thời-đại này. Sự đó không những ở nước ta mới thế, chính ngay ở nước Tàu là chốn tổ của cái học ấy, người Tàu cũng đã công-nhận là không thích-hợp với thời-thế và quyết bỏ để theo đòi học-thuật Thái-Tây. Tuy vậy Chính-phủ vẫn còn quá tôn-trọng cái tổ-truyền của nước ta, không muốn dùng cách bạo-động, muốn lấy cái thái-độ rất ôn-hòa mà đối-phó với cái vấn-đề giáo-dục trong quốc dân. Chính-phủ tự nghĩ rằng hán-học sở-dĩ không thích-hợp với thời là trong hán-học có nhiều phần đã già-cỗi quá, vậy nên san-bỏ những phần ấy đi, đem tây-học mà tham-bổ vào, như thế có thể giải-quyết được cái vấn-đề kia mà không đến nỗi mất lòng quốc-dân. Từ đó mới khởi ra cái nghị cải-lương sự học cũ, đem những học-khóa mới như cách-trí, địa-dư, toán-pháp, v. v., thêm vào các chương-trình cũ. Cách thi-cử cũng sửa đổi lại theo một đường như thế : từ khảo-khóa cho đến hương-thí, cho đến đình-thí, đều giảm phần chữ hán và tham-bác chữ quốc-ngữ, chữ pháp vào. Chính-phủ thí-nghiệm như thế trong mười năm. Đến sau xét ra thì cái kết-quả thực là chán thay. Sự học cũ cải-cách lại không những là không tốt hơn ra mà lại xấu kém đi, cái trình-độ học trò không những là không cao hơn trước mà lại thấp kém xưa, thật là đủ khiến cho những người còn có bụng tồn-cổ sinh thất-vọng trong lòng. Mà quả cái *cổ* ấy đã *cổ* quá rồi, không sao bảo-tồn được nữa ! Cứ xem những học-trò đậu mấy khoa sau này, cựu-học không dầy, tân-học cũng mỏng, mới không ra mới, cũ không ra cũ, thời đủ biết, thực như nhời tây gọi là những quả lép của cái cây đã đến ngày cỗi vậy. Cây đã cỗi, không có phì-liệu nào bón cho tốt tươi được nữa. Bấy giờ Chính-phủ cùng quốc-dân đều tỉnh-ngộ mà biết rằng không thể trông mong gì về đường cựu-học nữa, từ đây chỉ nên nhất-quyết gây dựng lấy một nền tân-học cho sau này. Trung-gian trong tư-tưởng quốc-dân khởi ra một cái phong-trào mới : khi mới đầu người nước ta theo học chữ tây chỉ chủ lấy một kế sinh-nhai, không có cái hi-vọng gì khác ; rồi sau dần dần mới hiểu rằng tây-học là cái nguồn của mọi sự tiến-bộ trong thế-giới bây giờ, từ đấy một lòng khuynh-hướng về đường văn-minh học-thuật Thái-Tây, những bọn thiếu-niên trong nước hăm-hở đua nhau học chữ Pháp, coi như cái phù-quyết rất linh có thể làm cho người khôn, của khéo, nước mạnh, dân giàu ! Cái phong-trào ấy càng ngày càng thịnh, mà cái cựu-học kia càng ngày càng suy, như thế thời cái phương-châm giáo-dục của Chính-phủ từ đấy rõ-ràng vậy. Chính-phủ chỉ việc thể cái lòng khuynh-hướng của dân mà cực-lực mở mang nền học mới, đem cái mầm học-thuật nước Đại-Pháp vun-giồng trong não-chất người Việt-Nam, vì như cái đất đã sẵn sàng để cấy những hạt giống tốt tự Tây-phương đem lại. Còn cái học cũ kia thời không cần phải ba-lệnh bỏ, không cần phải chú-ý đến, cứ để y-nhiên mà rồi tất tự mỗi ngày một mòn-mỏi đi vậy. Trông cái cảnh-tượng văn-chương đến ngày tàn-cục, những nhà hiếu-cổ tất không khỏi rầu lòng. Nhưng sao được ? Chính-phủ có muốn hại chi cái cựu-học của ta, không những không muốn hại, mà trong bao lâu lại hết sức duy-trì cho nữa. Quốc-dân cũng không có phụ chi cái tổ-truyền của đời trước. Nhưng cái thế tất-nhiên như thế, không thể nào vãn-hồi được nữa. Thế-giới ngày nay là một thế-giới đương biến-đổi, có biến mới có tiến, không tiến thời tất thoái, cái công-lệ của loài người như thế. Có nhẽ đâu cả các nước đều như thế mà duy một nước mình cứ khư-khư giữ cũ mãi hay sao ?

Kịp đến năm 1915, bãi thi hương ở Bắc-kỳ, tức là hồi trống sau cùng để báo từ nay chợ văn-chương thôi không họp nữa, ai còn gồng nặng gánh nhẹ quẩy về mà giở xoay nghề khác. Cứ thực thời gồng nào gánh nấy đã vợi cả rồi, nên nghe tiếng trống tuy không ai vui mà cũng không ai buồn, ai cũng đã biết rằng buổi chợ này là buổi chợ chiều, mà đồ hàng kia không phải là đồ hàng bán được trên thị-trường thế-giới. Cái thần Cử-nghiệp bắt đầu chia tay với người Nam-Việt từ đấy vậy.

Nay quốc-dân ta về đường giáo-dục đã bước chân vào một thời-kỳ mới. Giữa lúc này lại được gặp quan Toàn-quyền thực là có lòng nhiệt-thành khai-hóa. Đương lúc cơ-hội này, gặp người chủ-trương ấy, tưởng cũng là một cái hạnh-phúc to cho hậu-vận nước Nam ta vậy. Quan Toàn-quyền Sarraut từ khi sang tái-nhậm xứ này quyết thực-hành một cái chính-sách nhất-định về việc giáo-dục người dân. Ngài coi cái vấn-đề giáo-dục là một vấn-đề thuộc về chính-trị, cũng quan-trọng bằng các vấn-đề chính-trị khác. Nên ngài cố giải-quyết ngay cho xong, không còn để do-dự như trước. Ngày 21 tháng 12 năm 1917, ngài ký nghị-định ban-hành một bộ « Học-chính tổng-qui », từ nay thành cái hiến-pháp chung cho việc giáo-dục ở xứ Đông-dương. Lại ngày 20 tháng 3 năm 1918 ngài gửi một tờ chu-trí cho các quan thủ-hiến các xứ, giải-thích rõ-ràng về những đại-ý trong bộ « Tổng-qui » mới. Sau này ta bàn về hai đạo công-văn rất quan-trọng ấy.

II

Tinh-thần cùng hình-thức bộ « Tổng-qui » mới

Trong tờ chu-trí quan Toàn-quyền giải rõ về cái mục-đích sự giáo-dục người dân Đông-dương. Ngài nói rằng nước Pháp đã nhận trách cai-trị xứ này, tất phải mở-mang trí-thức cho người dân, dạy dỗ cho thành một dân sáng-suốt, khôn ngoan, có đủ tư-cách mà sinh-hoạt trong thế-giới bây giờ. Vì cái chính-sách của nước Pháp xưa nay vẫn lấy sự công-lý công-nghĩa làm gốc, nên phàm đặt quyền chính-trị ở đâu cũng chủ giáo-dục khai-hóa cho người dân. Ngài thường nói : « Nước Pháp không muốn làm chủ một dân nô-lệ ». Nhời ấy thực là sác-đáng vậy. Đã là một nước tiên-tiến trong thế-giới, cái nghĩa-vụ là phải đưa dắt các dân đàn em noi theo lên đường tiến-hóa. Nếu lại để cho những dân ở dưới quyền mình ngu-dốt yếu-hèn thời thực là không xứng-đáng cái danh-nghĩa một nước văn-minh. Nhưng không những cái danh-dự nó buộc như thế, mà sự lợi-ích cũng khiến như vậy. Làm thầy đứa ngu tuy tưởng dễ mà thực là khó, vì đứa ngu không rõ sự lợi hại thế nào, dễ tin, dễ hoặc, hay nghe kẻ xui xẳng mà xuẩn-động, không bằng làm thầy đứa khôn nhẹ mình hơn. Bởi thế nên cái chính-sách khai-hóa thực là được « nghĩa-lợi lưỡng-toàn » vậy. Quan Toàn-quyền đã giải rõ cái nhẽ cần nên khai-hóa cho người dân như thế rồi, ngài bèn cực-lực bác cái thuyết của những kẻ nói rằng dạy học cho dân thuộc-địa tức là gây lấy những bọn phản-đối về sau. Cứ theo ý-kiến của những kẻ ấy thì nước Pháp dạy học cho người An-nam tức cũng như ban cho cái khí-giới mạnh, tất có ngày bọn mình học đã khôn, giở giáo lại mà phản thầy, không sai. Cái thuyết ấy không những là không có lượng, mà lại trái với lịch-sử, trái với sự thực. Xưa nay chưa từng có dân-quốc nào được một nước nhớn thành-tâm khai-hóa cho mà đến ngày trưởng-thành lại quên ơn thầy cũ, đem lòng phản-bội. Chỉ thấy những dân đã từng chịu cảm-hóa của một dân khác văn-minh hơn, từ đấy một lòng mến phục, có khi đổi

cả tinh-tình tư-tưởng mà đồng-hóa với dân kia. Xem như thế thì không phải là sự học gây nên những bọn phản-đối. Gây nên phản-đối là bởi những cách khác, không phải bởi sự học. Không những không phải bởi sự học, mà sự học lại là một cách để tiêu-tán những sự hiềm-nghi phản-đối, vì càng có học càng biết suy xét, càng biết am-hiểu nhau, không sợ ngộ-nhận, cái ngộ-nhận ấy mới thực là nguồn gốc mọi sự mâu-thuẫn trong xã-hội. Vả quan Toàn-quyền lại nói nước Pháp đã lấy cái lý-tưởng về công-lý công-nghĩa làm gốc sự chính-trị, thời phải thực-hành cái lý-tưởng ấy cho cùng, không nên sợ những sự nguy-hiểm về sau mà tự mình lại sai cái tôn-chỉ của mình : túng-sử dạy học người dân mà quả có nguy-hiểm về sau thực, cũng nên can-đảm mà nhận lấy sự nguy-hiểm ấy, huống chi cái nguy-hiểm còn là ở trong mộng-tưởng mà thôi ! Nghe một nhời đó cũng đủ biết quan Toàn-quyền Sarraut đối với sự giáo-dục dân ta nhiệt-thành quả-quyết là chừng nào !

Nay việc giáo-dục ấy đã công-nhiên là một sự hay, một sự cần, vậy phải định phương-châm, đặt thể-lệ, cho ai nấy biết cái đường lối phải theo. Không phải rằng trước kia việc học chưa từng tổ-chức. Nhưng xưa là tùy thời tùy xứ mà xếp đặt, chưa có một cái chính-sách nhất-định chung cho cả Đông-dương. Nên các thể-lệ rất là phiền-phức, các chương-trình không được nhất-luật, mỗi xứ theo một đường, mỗi nơi đặt một cách, trên dưới không liên-tiếp, trước sau không ứng nhau, khiến cho người nào muốn khảo về học-chính trong nước, khó lòng mà nhận được cái đại-ý thế nào, như ngập vào trong một đống công-văn phức-tạp ! Vậy trước nhất quan Toàn-quyền xướng lên cái thuyết rằng trong suốt cõi Đông-dương cái sức học của người dân tất cũng sàm-si bằng nhau, sự yếu-cần của người dân tất cũng đại-đề giống nhau, vậy thì cái thể-chế việc học, cái phương-pháp giáo-dục không thể khác nhau được. Chắc trong mỗi xứ phải tùy tình-thế riêng mà châm-chước một đôi chút, nhưng cái đại-cương thời phải giống nhau trong suốt cõi Đông-dương. Thế là quan Toàn-quyền trước đã thi-hành cái phép thống-nhất về đường chính-trị, nay lại thống-nhất đến cả việc giáo-dục vậy. Ngài cứ tuần-tự mà thực-hành một cái chính-sách rõ ràng sáng suốt, lấy sự ích-lợi cả hai nước, lấy sự khai-hóa cho người dân làm mục-đích.

Nay nói tóm cái tôn-chỉ của sự cải-cách việc học đây, thì rút lại có hai điều như sau này :

Thứ nhất là chính-phủ quyết từ nay rộng mở đường học-thuật mới cho người dân An-nam, sức học được đến đâu dạy đến đấy, không có hạn-định nào, chủ gây cho dân một cái tri-thức hoàn-toàn và có đủ tư-cách để sau này có ngày tự quản-trị được quyền lợi của mình. Hiện nay chính-phủ mở trường Đại-học Đông-dương tức là bắt đầu thực-hành cái chủ-nghĩa ấy vậy.

Thứ nhì là cõi Đông-dương về đường chính-trị đã thành một đoàn-thể thống-nhất, thời việc giáo-dục cũng phải theo một phương-châm nhất-định, không thể để mỗi xứ một thể-chế khác nhau như trước được. Vậy từ nay Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, cho đến Cao-man, Ai-lao đều theo một học-qui chung, mỗi xứ tùy trình-độ có cao thấp khác nhau mà cái thể-thống cũng là một. Đó là một cái đặc-sắc của bộ « Học-chính tổng-qui » mới vậy.

Nay xin kể cái hình-thức cùng các điều-mục nhớn trong bộ « Tổng-qui » như sau này.

Gọi tên là « Học-chính tổng-qui » (*Règlement général de l'Instruction publique*), cái nghĩa đã là rõ lắm rồi. Tức là gồm những qui-tắc chung về việc học trong

suốt cõi Đông-dương, từ nay không có những qui-tắc riêng của từng xứ nữa. Lại còn nghĩa là chỉ gồm những điều đại-cương mà thôi, còn những tiểu-mục thì sẽ tùy thời nghĩ-định, cùng là những trường-hợp đặc-biệt chưa thể biết trước được cũng sẽ để giải-quyết về sau. Nhưng tuy sau có thể thêm bớt trong các bộ-phận, mà cái toàn-thể đã là thành rồi, cái phương-châm đã là định rồi. Cho nên bộ « Tổng-qui » này hiện nay có thể coi là cái hiến-pháp rất hoàn-bị về việc học trong toàn-hạt Đông-dương vậy.

Bộ « Tổng-qui » có 558 điều, chia làm bảy « thiên » (*livres*), mỗi thiên lại chia ra từng « mục » (*titres*), mỗi mục chia ra từng « tiết » (*chapitres*).

* * *

Thiên thứ I nói về cái thể-chế chung về việc học (*Organisation générale*).

Tiết thứ I giải sự giáo-dục ở Đông-dương là chủ dạy « học phổ-thông » (*instruction générale*) và dạy « học thực-nghiệp » (*instruction professionnelle*). Các trường học chia làm hai hạng : trường « Pháp » và trường « Pháp-Việt ». Trường Pháp là chuyên dạy người Pháp theo chương-trình bên Mẫu-quốc, trường Pháp-Việt là chuyên dạy người An-nam theo chương-trình riêng của bản-xứ. Tuy phân-biệt như thế, nhưng không phải là có hạn-chế gì, người Pháp người Nam có thể học cùng nhau một trường được, như hiện nay ở trường Trung-học Pháp Hà-nội (*Lycée d'Hanoï*) học-trò vừa là người Tây vừa là người bản-xứ. — Trình-độ học có ba bậc (cấp) : đệ-nhất-cấp (*1er degré*) là tiểu-học (*primaire*), đệ-nhị-cấp (*2e degré*) là trung-học (*secondaire*), đệ-tam-cấp (*3e degré*) là đại-học hay là cao-đẳng-học (*supérieur*). Trong trung-học lại có hai bậc : một là « trung-học », hai là « Cao-đẳng-trung-học ». Cứ trong chương-trình cũ thời đệ-nhị-cấp tức là bậc *complémentaire*, nay ta dịch là « trung-học ». Nguyên xưa cái trình-độ học đến bậc ấy là cao hơn cả, nên đặt tên *complémentaire* là đối với tiểu-học mà gọi, nghĩa là « bổ-túc » cho tiểu-học. Nhưng nay đã có đại-học thời bậc ấy tức là trung-học. Song bậc ấy chỉ có bốn năm, theo chương-trình các trường Pháp thời chưa đủ cái kỳ-hạn trung-học, học trò tốt-nghiệp ra chưa đủ sức mà thẳng lên đại-học được. Nên trên bậc « trung-học » (tức là *complémentaire*), lại đặt một bậc « cao-đẳng trung-học » (tên tây gọi là *secondaire franco-indigène*), để cho đệ-nhị-cấp được hoàn-toàn và ngang bằng với bậc trung-học Pháp.Tức là học-trò ở cao-đẳng trung-học An-nam tốt-nghiệp cũng ra thi lấy bằng « tú-tài » như học trò trung-học Pháp. Chỉ khác trong chương-trình học, chương-trình thi, sẽ châm-chước cho hợp với tư-cách riêng của học-trò bản-xứ. Như trong chương-trình trung-học Pháp có những khóa như cổ-văn La-mã, cổ-văn Hi-lạp, tiếng Anh,tiếng Đức, v. v. Trong chương-trình Cao-đẳng-trung-học An-nam sẽ thay bằng những khóa quốc-văn (văn-nôm),hán-văn,tiếng Tàu,tiếng Nhật,v. v. Bậc cao-đẳng trung-học ấy là một phần đặc-sắc nhất trong nền học-chính mới. Cái cổ-học của ta tức là hán-học. tức là cái học cổ-điển của cả phương Á-đông này, sẽ dành riêng một phần trong bậc học ấy và không phải là bỏ hẳn, như nhiều người tưởng nhầm,ta sẽ bàn tường ở dưới này. Tuy vậy trung-học với cao-đẳng-trung-học vẫn là hai ngạch khác nhau, mỗi ngạch có một khóa thi riêng, trung-học thời thi lấy bằng trung-học-tốt-nghiệp (*diplôme de fin d'études complémentaires*), cao-đẳng-trung-học thời thi lấy bằng « tú-tài » (*baccalauréat*). Hiện nay cao-đẳng-trung-học chưa lập xong, nên trường Đại-học hãy tạm lấy học trò ở những người có bằng trung-học-tốt-nghiệp, nhưng về sau phải có bằng tú-tài mới được vào Đại-học. Trừ những trường như trường Nông-học, Điện-học, v. v., tuy cũng gọi là trường cao-

đẳng mà thực là dạy học thực-nghiệp thời vẫn lấy học-trò có bằng trung-học mà thôi.

Ấy là nói về học phổ-thông. Còn học thực-nghiệp thời đệ-nhất-cấp là gồm những trường « tập-nghề » (*écoles d'apprentissage*), trường « gia-chính » (*écoles ménagères*) dạy con gái coi sóc việc trong nhà, trường « canh-nông » (*écoles agricoles*), trường « kỹ-nghệ » và « mĩ-nghệ » (*écoles d'art industriel et décoratif*). Đệ-nhị-cấp là gồm các trường thực-nghiệp « cụ-thể » (*écoles professionnelles de plein exercice*), nghĩa là dạy toàn-khóa, không phải sơ-lược như bậc trên.

Xem như cái biểu sau này thời biết thứ-tự cái bậc học, và hai bên « phổ-thông » « thực-nghiệp » đối-chiếu nhau thế nào.

	Phổ-thông	*Thực-nghiệp*
Đệ-nhất-cấp	Tiểu-học	Trường tập-nghề, trường gia-chính, v.v., tức là những trường thực-nghiệp sơ-đẳng.
Đệ-nhị-cấp	Trung-học và Cao-đẳng-trung-học	Các trường thực-nghiệp cụ-thể.
Đệ-tam-cấp	Các trường cao-đẳng, tức là những trường chuyên-môn (phải qua trung-học phổ-thông mới lên tới được)	

Như thế thời « phổ-thông » đưa thẳng lên « chuyên-môn » (cao-đẳng), mà « thực-nghiệp » là một ngạch riêng, ngang với phổ-thông mà thôi.

Trừ các trường « cao-đẳng » (*écoles supérieures*) và trường « Trung-học Pháp » ở Hà-nội (*Lycée d'Hanoi*) là thuộc ngay về quyền quản Toàn-quyền, còn các trường học khác của Nhà-nước (hoặc là trường phổ-thông, hoặc là trường thực-nghiệp) thời ở xứ nào thuộc thẳng về quyền quản Thủ-hiến xứ ấy (tức là các quan Thống-sứ, Khâm-sứ, v. v.)

Các trường cao-đẳng họp lại thời lập thành ra trường Đại-học Đông-dương (*Université indochinoise*). Các trường Cao-đẳng hiện chưa đặt hết, trường nào đặt xong đều thuộc về một tòa giám-đốc trung-ương gọi là « Cao-đẳng-học Giám-đốc sảnh » (*Direction de l'Enseignement supérieur*).

Phàm các trường học không phải của Chính-phủ Bảo-hộ lập ra, đối với cái Tổng-quy mới này, đều coi là trường riêng cả, dù là trường của các giáo-hội, của các Triều-đình, hay của người tư-dân cũng vậy. Tức như trường Quốc-tử-giám ở Huế cũng coi là một trường riêng của Triều-đình An-nam ; các trường nhà chùa ở Ai-lao Cao-man cũng là những trường riêng cả. Cách-thức cho đặt các trường riêng thuộc về đệ-nhất đệ-nhị-cấp thời do quan thủ-hiến các xứ nghị-định. Trừ các trường trung-học Pháp thời phải có phép quan Toàn-quyền mới được đặt. Cách dạy học trong các trường riêng ấy được tự-do muốn dùng phương-pháp nào, theo chương-trình nào, học sách vở gì cũng được, miễn là không được trái với luân-lý, với hiến-chính, với pháp-luật trong nước, và không được cho học-trò học những sách đã có lệnh cấm.

Tiết thứ II đặt một tòa « Đông-dương Học-chính tổng-giám-đốc sảnh » (*Inspection générale de l'Instruction publique*), để thay quyền quan Toàn-quyền mà xử-trí hết thảy mọi việc thuộc về học-chính trong toàn-hạt Đông-dương. Quan Tổng-giám-đốc tức cũng như là một quan « Học-bộ tổng-trưởng » riêng cho Đông-dương vậy.

Dưới quyền quan Tổng-giám-đốc sẽ đặt những quan « phó-giám-đốc » (*inspecteurs-adjoints*), tức ta gọi là những quan « thị-học », để thay quan Tổng-giám-đốc mà đi thanh-tra xem-xét các trường học. Có một quan « Phổ-thông-học thị-học » (*inspecteur de l'enseignement général*), một quan « Thực-nghiệp-học thị-học » (*inspecteur de l'enseignemt professionnel*) và một quan « Đồ-họa-học thị-học (*inspecteur de l'enseignement du dessin*). Quan Phổ-thông-học thị-học thời thay quan Tổng-giám-đốc đi thanh-tra các trường đệ-nhất và đệ-nhị-cấp. Quan Thực-nghiệp-học và Đồ-họa-học thị-học thì chuyên xem-xét các trường dạy nghề và dạy vẽ.

Tiết thứ III đặt một viện « Học-chính cố-vấn-hội-nghị » (*Conseil consultatif de l'Instruction publique*) để bàn-bạc nghiên-cứu các vấn-đề quan-hệ đến việc học ở Đông-dương. Quan Toàn-quyền làm chủ-hội ; quan Học-chính-tổng-giám-đốc và quan Đại-học-giám-đốc làm phó chủ-hội. Hội-viên là những quan cai-trị, quan học-chính, quan giáo-viên đệ-tam-cấp và đệ-nhị-cấp, quan đại-biểu các nghị-hội tây và an-nam v. v. — Viện Cố-vấn ít ra mỗi năm cũng họp một lần.

Tiết thứ IV định thể-lệ về các ngạch giáo-viên. Thuộc về ngạch các giáo-viên người bản-xứ thời đặt ra ba hạng như sau này :

1° Trung-học giáo-viên và nữ-giáo-viên (*professeurs de l'Enseignement complémentaire*) ;

2° Tiểu-học giáo-viên và nữ-giáo-viên (*instituteurs et institutrices primaires*) ;

3° Tiểu-học trợ-giáo và nữ-trợ-giáo (*moniteurs et monitrices*).

Hàm-trật và lương-bổng các giáo-viên người bản-xứ định theo cái biểu như sau này :

HÀM-TRẬT		LƯƠNG-BỔNG (hàng-năm)		KỲ-HẠN ĐƯỢC THĂNG-TRẬT
I Trung-học				
		Giáo-viên	Nữ-giáo-viên	
Thượng-hạng giáo-viên	đệ-nhất-hạng...	2.000 $	1.600 $	
	đệ-nhị-hạng ...	1.800	1.400	4 năm
	đệ-tam-hạng ...	1.600	1.200	3 —
Giáo-viên	đệ-nhất-hạng ..	1.400	1.080	2 —
	đệ-nhị-hạng ...	1.300	960	2 —
	đệ-tam-hạng ...	1.200	840	2 —
	đệ-tứ-hạng	1.100	720	2 —
Thí-sai.		1.000	600	

HÀM-TRẬT		LƯƠNG-BỔNG (hàng-năm)		KỲ-HẠN ĐƯỢC THĂNG-TRẬT
II Tiểu-học				
		Giáo-viên	Nữ-giáo-viên	
Siêu-đẳng		1.500 $	1.200 $	
Thượng-hạng	đệ-nhất-hạng	1.200	960	3 năm
	đệ-nhị-hạng	900	840	2 —
Thực-thụ	đệ-nhất-hạng	780	720	2 —
	đệ-nhị-hạng	720	660	2 —
	đệ-tam-hạng	660	600	2 —
	đệ-tứ-hạng	600	540	2 —
	đệ-ngũ-hạng	540	480	2 —
	đệ-lục-hạng	480	420	2 —
Bổ-trợ	đệ-nhất-hạng	420	360	1 —
	đệ-nhị-hạng	360	300	1 —
Thí-sai		300	240	
Trợ-giáo và nữ-trợ-giáo (*lương-bổng cũng ngang nhau*)				
Thực-thụ	đệ-nhất-hạng	720 $		
	đệ-nhị hạng	600		4 năm
	đệ-tam hạng	540		4 —
	đệ-tứ-hạng	480		3 —
	đệ-ngũ-hạng	420		3 —
	đệ-lục hạng	360		3 —
Bổ-trợ	đệ-nhất-hạng	300		2 —
	đệ-nhị-hạng	240		2 —
Thí-sai		180		

Các giáo-viên tiểu-học thời kể từ ngày mồng 1 tháng 6 năm 1918 sẽ chiếu số lương mà sáp-nhập vào ngạch mới như trên kia. Trong khi sáp-nhập xem cái trật mới nào lương gần ngang bằng trật cũ thời đặt vào trật ấy. Hoặc trật mới ấy mà lương có kém trật cũ thời vẫn cứ được lĩnh theo lương cũ cho đến kỳ thăng-trật sau. Sự sáp-nhập ấy là do quan Thủ-hiến các xứ làm.

Các giáo-viên trung-học thời do quan Toàn-quyền sáp-nhập vào ngạch mới cũng theo một cách như thế.

* * *

Thiên thứ II về các trường đệ-nhất-cấp (tiểu-học).

Cứ lệ thời mỗi xã phải có một nhà trường tiểu-học, song những xã không được năm trăm suất đinh có thể họp nhau lại mấy xã đặt một nhà trường chung, tiền kinh-phí cùng chịu. Thầy giáo dạy các trường tiểu-học phải do Nhà-nước bổ theo cách-thức trong thể-lệ. Xã nào muốn lập trường phải làm đơn xin quan trên bổ cho một người thầy giáo.

Tiền lập trường, tiền kinh-phí về việc học và tiền lương các thầy giáo, cứ lệ thời các xã phải chịu cả. Song tiền lương các thầy giáo vẫn do Nhà-nước giả, các quan Thủ-hiến sẽ nghị-định về cách-thức các xã sau phải nộp lại Nhà-nước cái tiền ấy thế nào. Nhà-nước lại sẽ xem xét khi nào nên thời trích tiền ở sổ dự-toán các xứ, hoặc sổ dự-toán hàng tỉnh mà giúp về việc lập trường tiểu-học.

Các xã dựng nhà trường tiểu-học phải theo phép vệ-sinh. Học-trò phải ngồi ghế viết bàn, không được nằm rạp xuống chiếu xuống phản.

Số thầy giáo phải chiếu theo số học-trò, không được ít quá, khi nào học-trò đông thời phải nhiều thầy giáo cho đủ dạy, các xã phải chịu phí, không được cưỡng mà giảm bớt người đi.

Các trường tiểu-học sẽ chia ra hai hạng: « cụ-thể tiểu-học » (*écoles primaires de plein exercice*) và « sơ-đẳng tiểu-học (*écoles élémentaires*).

Trường cụ-thể-tiểu-học thời phải có năm lớp : lớp đồng-ấu (*cours enfantin*) tức là lớp năm, lớp dự-bị (*cours préparatoire*) tức là lớp tư, lớp sơ-đẳng (*cours élémentaire*) tức là lớp ba, lớp trung-đẳng (*cours moyen*) tức là lớp nhì, lớp cao-đẳng (*cours supérieur*) tức là lớp nhất. Mỗi tỉnh-lỵ ít ra cũng phải có một trường cụ-thể như thế, để dạy học trò cho đến thi được bằng tiểu-học-tốt-nghiệp. Nhưng không phải là hạn-định mỗi tỉnh chỉ đặt một trường cụ-thể mà thôi đâu. Càng đặt được nhiều càng hay, dù ở tỉnh, ở phủ huyện, hay các làng cũng vậy. — Còn trường sơ-đẳng tiểu-học là những trường chỉ có hai lớp hay ba lớp dưới mà thôi. Những nơi nhà quê, học-trò phần nhiều chỉ có thể học mấy năm cho biết đọc biết viết rồi về nhà làm ruộng, không có chí học đến lấy được bằng tiểu-học tốt-nghiệp, thời chỉ nên đặt trường sơ-đẳng mà thôi. Hoặc có đứa nào sức theo đuổi được hơn nữa thời lên trường cụ-thể nào gần đó mà học cho đến thi tốt-nghiệp được. Nhưng đó cũng là không phải có hạn-định gì, không phải rằng các xã chỉ được đặt trường sơ-đẳng mà thôi đâu. Xã nào to, có nhiều học-trò, thể đặt được trường cụ-thể thì càng hay lắm.

Ở các trường sơ-đẳng muốn dạy thêm hán-tự cũng được. Sự đó là để tùy-ý các kỳ-dịch trong làng cùng bố mẹ học-trò. Nhưng lớp dạy hán-tự chỉ mỗi tuần-lễ một buổi, là buổi sáng ngày thứ năm mà thôi. Vì dạy hán-tự cho những trẻ-con các trường ấy thì bất quá là dạy cho biết mặt những chữ thường dùng và học thuộc mấy câu luân-lý thông-thường, không cần phải cho học nhiều hơn nữa. Lớp hán-tự ấy thời kỳ-dịch sẽ chọn lấy một thầy đồ nào trong làng cho kiêm dạy, tiền lương-phí chắc chẳng bao nhiêu, hoặc học-trò góp, hoặc lấy công-ngân trong làng mà giả cũng được. Dạy hán-tự như thế phải theo chương-trình Nhà-nước. Buổi nào dạy viên thầy-giáo kiêm chức đốc-học nhà trường cũng phải có mặt ở lớp học, để giữ cho có kỷ-luật, không nên để thầy-đồ dạy một mình.

Còn các trường cụ-thể thời Nhà-nước sẽ chiếu theo ý-kiến các hội-đồng hàng-tỉnh, hàng-phủ hay hàng-huyện mà định những trường nào là phải dạy hán-tự. Trường nào đã dạy hán-tự thời lớp hán-tự ấy những học-trò hai lớp nhì lớp nhất hết thảy đều phải theo, còn học-trò ba lớp dưới thời tùy-ý muốn theo hay không cũng được. Vì rằng hán-tự dạy theo lối mới thời rất giản-dị mà học không có khó gì, chỉ cần chuyên dạy trong hai lớp trên là đủ. Nhưng đã đặt thành một học-khóa, phải bắt học-trò hai lớp trên ấy hết thảy đều theo cả thời mới thực có ích-lợi. Còn những lớp dưới chỉ học cho biết qua mặt chữ mà thôi, nên cho được tùy-ý. Thầy-giáo dạy hán-tự ở các trường cụ-thể-tiểu-học thời chọn trong hàng

huấn-đạo giáo-thụ đương-chức sáp-nhập vào ngạch tiểu-học-giáo-viên, hoặc trong hàng tú-tài cử-nhân cũ, hoặc nữa trong hàng những người có bằng trung-học-tốt-nghiệp mà có trúng khoa phụ-thi chữ hán. Hoặc nơi nào không sẵn có những hạng giáo-viên ấy (như trong Nam-kỳ) thời lớp hán-tự ở các trường tiểu-học có thể giao cho những viên ký-lục các sở công kiêm cũng được. Viên nào kiêm như thế sẽ có tiền phụ-cấp.

Các trường sơ-đẳng và cụ-thể có thể tùy-nghi đặt thêm một phụ-ban để dạy người lớn.

Trường tiểu-học cho con gái thì thể-thức đại-để cũng giống như trường tiểu-học cho con giai. Mỗi tỉnh-lỵ ít ra cũng phải có một trường tiểu-học cụ-thể cho con gái. Song cũng có nơi hiện chưa thể đặt riêng một trường con giai, riêng một trường con gái được, thời có thể đặt chung làm một, hoặc là chung nhà trường, hoặc là chung thầy giáo, nhưng hai đằng phải dạy riêng, trừ ở lớp đồng-ấu thời con giai con gái mới có thể cho ngồi chung được.

Các trường tiểu-học lại có thể đặt thêm nhà « ký-túc » (*internats*) để nhận những học-trò ăn ở đấy. Tiền ký-túc học-trò phải chịu, nhưng cũng có khi Nhà-nước xét người đích-đáng cấp lương học cho.

Việc giám-đốc các trường tiểu-học trong mỗi xứ (Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-man, Ai-lao) thuộc về quan « Tiểu-học giám-đốc » (*Directeur de l'Enseignement primaire*) riêng của xứ ấy. Quan giám-đốc ấy thuộc quyền quan Thủ-hiến mỗi xứ, và coi về hết thảy các việc quan-hệ đến việc học đệ-nhất-cấp, cùng đốc-suất các giáo-viên các trường đệ-nhất-cấp. Dưới quan giám-đốc lại đặt những chức thị-học (*inspecteurs*), kén những giáo-viên tây và ta người nào hàm-trật đã cao cho sung vào để đi thanh-tra xem xét các trường đệ-nhất-cấp.

Những giáo-viên cùng nữ-giáo-viên các trường tiểu-học thì lấy trong những người có bằng tốt-nghiệp một trường tiểu-học-sư-phạm, những người có « Tiểu-học sơ-đẳng văn-bằng » Pháp (*brevet élémentaire*), cùng những người có bằng trung-học. Giáo-viên có thể kiêm-chức đốc-học các trường tiểu-học cụ-thể được. Còn trợ-giáo và nữ-trợ-giáo thời chỉ chuyên dạy các trường tiểu-học sơ-đẳng mà thôi; cũng có thể kiêm chức đốc-học các trường sơ-đẳng được. Trợ-giáo thì lấy trong những người có bằng tiểu-học-tốt-nghiệp, nhưng ai cũng phải làm thi-sai ít là một năm, xét ra có tư-cách dạy học được thời mới được bổ hẳn.

Tuổi học-trò vào tiểu-học định như sau này. (Đây là ước-định, chớ không phải nhất-định như thế, miễn là thầy giáo không nên nhận những học-trò cao tuổi quá thì thôi. Vả học-trò nhiều tuổi thời có thể đặt riêng một lớp phụ-ban cho người lớn cũng được). Tính theo tuổi tây :

Lớp đồng-ấu (lớp 5),	7 tuổi (nghĩa là trong năm vào học đã đầy	7 tuổi rồi)
Lớp dự-bị (lớp 4),	8 tuổi (	—	8 —)
Lớp sơ-đẳng (lớp 3),	9 tuổi (	—	9 —)
Lớp trung-đẳng (lớp 2),	10 tuổi (	—	10 —)
Lớp cao-đẳng (lớp 1),	11 tuổi (	—	11 —)

Học-trò ở lớp cao-đẳng (tức là lớp nhất) ra phải thi bằng tiểu-học-tốt-nghiệp. Nhưng tên nào sức học còn kém có thể học lại lớp nhất một năm nữa. Vả tuổi ra thi tốt-nghiệp định là 13 tuổi, thời học-trò nếu bắt đầu vào học từ năm 7 tuổi vẫn còn thừa một năm, vì có năm lớp mà kỳ-hạn được những sáu năm, cái năm thừa ấy tất phải ở lại nhà trường thời đến khi ra thi mới là đúng tuổi. Năm ở lại đó cũng có ích lắm, có thể học ôn lại những bài trước cho thật kỹ. — Học

trò lớp nhì (trung-đẳng) lên lớp nhất (cao-đẳng) phải thi lên lớp, để kén những tên nào có sức học được mới cho lên.

Tiểu-học là chủ dạy về mấy phương-diện như sau này :

1° Dạy luân-lý ;
2° Dạy thể-dục và vệ-sinh ;
3° Dạy những mối học sơ-lược tầm-thường ;
4° Dạy cho biết qua những việc thủ-công ;
5° Dạy tiếng Pháp.

Cứ lệ thời các môn trong chương-trình tiểu-học đều phải dạy bằng tiếng Pháp cả. Nhưng hiện nay chưa có đủ thầy giáo giỏi có thể dạy toàn bằng tiếng Pháp được. Vả những trẻ con nhà quê chỉ học các trường sơ-đẳng, không có cái hi-vọng ra thi lấy bằng tiểu-học-tốt-nghiệp thời học tiếng Pháp cũng không có ích-lợi gì lắm. Cho nên trong lệ lại định các trường sơ-đẳng thời không cưỡng phải học tiếng Pháp, muốn học cũng được mà không cũng được, nhưng các trường cụ-thể thời từ lớp dưới đến lớp trên đều phải học tiếng Pháp cả.

Còn những thời-khắc dạy các môn trong chương-trình tiểu-học thời định đại-khái như sau này :

1° Các môn phổ-thông mỗi ngày phải dạy 5 giờ 1/2 (kể cả giờ ra chơi), thành mỗi tuần-lễ 5 ngày học (trừ ngày thứ năm và ngày chủ-nhật) cộng là 27 giờ 1/2 ;

2° Các môn thể-thao thể-dục thời dạy trong những giờ ra chơi và trong nửa giờ cuối cùng buổi chiều. Mỗi tuần-lễ chỉ có 2 giờ 1/2 ;

3° Môn hán-tự mỗi tuần-lễ chỉ có 1 giờ 1/2, buổi sáng ngày thứ năm mà thôi;

4° Môn vẽ mỗi tuần lễ không được quá một giờ ;

5° Các môn dạy tiếng Pháp (tập đọc, ám-tả, học mẹo, học làm văn) ở lớp nhì và lớp nhất, ít ra mỗi tuần lễ là 12 giờ ;

6° Ở các trường con gái thời mỗi buổi chiều để 1 giờ 1/2 dạy về gia-chính (thêu thùa cùng cách coi sóc trong nhà).— Vậy các môn khác sẽ liệu giảm kém bên con giai một ít.

* * *

Thiên thứ III về các trường đệ-nhị-cấp (trung-học phổ-thông).

Các trường đệ-nhị-cấp thời có những trường trung-học Pháp (*Lycées, collèges*) và trung-học bản-xứ (*écoles complémentaires franco-indigènes*). Trường trung-học Pháp dạy theo chương-trình bên Mẫu-quốc, hiện nay có trường Trung-học Pháp Hà-nội (*Lycée d'Hanoi*) và trường Trung-học Pháp Sài-gòn (*Collège Chasseloup-Laubat*). Bậc Cao-đẳng-trung-học bản-xứ (*enseignement secondaire local ou franco-indigène*) sẽ lập nay mai rồi cũng dạy ở các trường đó.

Các trường trung-học bản-xứ hiện nay có những trường như sau này :

a) Dạy con giai :

Trường Chasseloup-Laubat ở Sài-gòn (ban An-nam, ban tây là Trung-học [Pháp) ;
Trường Bảo-hộ Hà-nội ;
Trường Quốc-học Huế ;
Trường Trung-học Mỹ-tho ;
Trường Sisowath ở Nam-vang (Cao-man) ;

b) Dạy con gái :

Trường Nữ-học-trung-học Sài-gòn. (Hiện mới có một trường này mà thôi).

Những trường « Tiểu-học-sư-phạm » (*Ecoles normales d'instituteurs*) sẽ đặt nay mai để dạy thầy-giáo cho các trường tiểu-học rồi cũng sáp-nhập vào hạng trường trung-học. Lại trong các trường trung-học có thể đặt thêm một « ban sư-phạm » (*cours normaux*) để dạy thầy-giáo tiểu-học ; trường trung-học nào có sẵn một ngạch tiểu-học phụ-thuộc thời học-trò ban sư-phạm có thể cho ra tập dạy ngay ở các lớp thuộc về ngạch tiểu-học ấy.

Những trường tiểu-học-sư-phạm thời trong mỗi xứ phải có hai trường, một trường dạy các thầy-giáo, một trường dạy các cô-giáo. Chương-trình các trường sư-phạm có hai bậc: bậc thứ nhất bốn lớp mỗi lớp một năm, y như các lớp trung-học; bậc thứ nhì hai năm vừa học thêm cho kỹ hơn, vừa học chuyên về môn sư-phạm và thực-nghiệm về phép dạy học. Trong hai năm sau ấy thời học-trò gọi tên là « học-trò-thầy giáo » (*élèves-maîtres*). Vào học bậc thứ nhất phải chưa đến 18 tuổi và có bằng tiểu học-tốt-nghiệp ; vào bậc thứ nhì phải chưa đến 25 tuổi và có bằng trung-học-tốt-nghiệp mới được. Các trường sư phạm thời học-trò được ăn ở nhà trường không mất tiền. Đến bậc « học-trò-thầy-giáo » lại được thêm lương tháng, năm thứ nhất là tám đồng một tháng, năm thứ nhì mười đồng. Học-trò xin vào học phải làm đơn tình-nguyện khi tốt-nghiệp rồi phải làm tiểu-học-giáo-viên cho Nhà nước trong mười năm. Mãn-hạn hai năm bậc thứ nhì thời phải thi một kỳ « thực-hành sư-phạm », ra dạy học thử trong một trường tiểu-học, dạy hai khóa, mỗi khóa là 1 giờ 1/2. Kỳ thi ấy được bao nhiêu điểm tổng-cộng với cái số điểm những kỳ thi ba tháng một lần từ trước, hễ được ít ra là 100 điểm thời được bằng tiểu-học giáo-viên và được bổ. Ai không đủ số điểm có thể ở lại học một năm nữa.

Trong khi còn đương tổ-chức các trường sư-phạm, và về sau hoặc có cần phải luyện-tập lấy nhiều những tiểu-học-giáo-viên, thời ở các trường trung-học có thể đặt thêm những ban sư-phạm (*cours normaux*). chỉ nhận những học-trò đã có bằng trung-học tốt-nghiệp và tuổi chưa đến 22. Học-trò ấy chỉ phải học có một năm, gọi là « học-trò-thầy-giáo » ăn ở nhà trường và mỗi tháng được lương 25 đồng. Khi vào học phải ký-kết tình-nguyện khi ra phải làm thầy-giáo ít ra là năm năm. Học mãn-hạn có thi, trúng-cách mới được bổ. Một lần không trúng, được thi lần nữa, nhưng trong năm hỏng ấy thời không học nữa mà ra làm thầy-giáo phụ ở một trường tiểu-học. Đến lần thứ hai cũng lại không đỗ nữa thời phải cách.

Các quan đốc những trường trung-học và trung-học Pháp về đường chính-sự thuộc quyền quan thủ-hiến các xứ, về đường dạy học thuộc quyền quan Tổng-giám-đốc Học-chính. Còn sự bổ-dụng thì do quan Toàn-quyền nghị-định.

Trường trung-học nào có « ký-túc-xá » (*internat*) thời đặt một hội-đồng trị-sự (*Conseil d'administration*) để xem xét các việc xếp đặt cùng kỷ-luật trong nhà trường. Chủ hội-đồng là một quan cai-trị ủy-viên của quan Thủ-hiến bản-xứ. Hội-viên là quan đốc nhà trường, một ông giáo cao-hàm hơn nhất hay là có tuổi hơn nhất, một ông thân-hào người Pháp và người ta có con học trong trường.

Trong mỗi xứ (Bắc-kỳ, Trung-kỳ, Nam-kỳ, Cao-man, Ai-lao) đặt một hội-đồng gọi là « Cải-lương học-vụ ủy-viên-hội » (*Conseil de perfectionnement de l'enseignement franco-indigène*) để bàn định các công-việc có ích-lợi cho việc học trong bản-xứ. Quan thủ-hiến bản-xứ làm chủ hội-đồng. Hội-viên là những ông ủy-viên của bản-xứ ở hội « Học-chính cố-vấn hội-nghị » (*Conseil consultatif de l'Instruction publique*), quan Tiểu-học giám-đốc, các quan đốc trường đệ-nhị-cấp, hai ông

giáo tây đệ-nhị-cấp và hai ông giáo trung-học ta, ở Trung-kỳ thời một ông quan thay mặt Triều-đình, ở Bắc-kỳ thời một ông nghị-viên Thương-nghị-hội, các ông tiểu-học thị-học tây và ta, một bà giáo thực-thụ tây và ta thuộc vào mấy hạng đầu.

Ngạch trung-học-giáo-viên ta (*professeurs indigènes de l'enseignement complémentaire*) do quan Học-chính-tổng-giám-đốc tư quan Toàn-quyền ký-bổ. Ngạch ấy có những thượng-hạng-giáo-viên (*professeurs principaux*) và giáo-viên để dạy học, hoặc làm chức xá-giám (*surveillants*), chức phụ-giáo (*répétiteurs*) ở các trường trung-học. Thượng-hạng giáo-viên đệ-nhất đệ-nhị đẳng ở trường nào không có đốc-học tây có thể sung chức đốc-học được. Trung-học-giáo-viên cũng có thể sung chức tham-biện ở tòa « Học-chính tổng-giám-đốc-sảnh ».

Trung-học-giáo-viên thời lấy những người có bằng tốt-nghiệp trường Cao-đẳng-sư-phạm (*Ecole supérieure de Pédagogie*). Ai cũng phải làm thí-sai ít ra trong hai năm, và tuổi đúng 25 mới được bổ giáo-viên hạng tư. Nữ-giáo-viên thời lấy những người có bằng trường Cao-đẳng-sư-phạm (là dự khi trường Cao-đẳng-sư-phạm có nhận nữ-học-sinh), có « tiểu-học-cao-đẳng văn-bằng » Pháp (*brevet supérieur*), bằng tú-tài, hay là bằng trung-học. Người nào không có bằng trường Cao-đẳng-sư-phạm thời hết hạn thí-sai hai năm phải thi lấy bằng sư-phạm (*certificat d'aptitude pédagogique*) mới được bổ giáo-viên hạng 4. Các trung-học-giáo-viên hoặc về hưu-trí, hoặc từ-chức, hoặc vì đau yếu mà phải bãi-chức, thời quan Tổng-giám-đốc có thể tư xin quan Toàn-quyền cho chức « danh-dự-giáo-viên » (*honorariat*).

Những giáo-viên dạy hán-tự ở các trường trung-học thời lấy ở những hạng các quan giáo-chức cũ vào bậc đốc-học hay là giáo-thụ, sáp-nhập vào ngạch trung-học-giáo-viên bậc nào ngang với lương cũ, hoặc không được ngang thời vào bậc trên ngay ; hoặc lấy những người có văn-bằng dạy hán-tự ; hoặc nữa không có những hạng như trên kia thời lấy những chân tiến-sĩ hay là cử-nhân cũ.

Chương-trình học ở các trường trung-học gồm bốn lớp, mỗi lớp một năm. Mục-đích học là :

1° Dạy cho học-trò thực thông tiếng Pháp, vì tiếng Pháp là mối yếu-cần cho sự học-vấn về sau ;

2° Dạy cho thiệp-liệp hết các khoa-học (số học, lý-hóa-học, bác-vật-học, địa-dư-học, đồ-họa-học, v. v.), để sau lên trường cao-đẳng có dư-sức mà học các khoa chuyên-môn, thứ nhất là dạy cho quen biết quan-sát sự-vật, biết suy-lý các nhẽ, biết am-hiểu sự-thực.

Thời-khắc các học-khóa trong chương-trình trung-học lược-định như sau này :

a) Mỗi ngày phải học 5 giờ 1/2 (kể cả giờ ra chơi), tổng-cộng mỗi tuần-lễ (trừ ngày thứ năm và chủ-nhật) là 27 giờ 1/2 ;

b) Trong 27 giờ 1/2 ấy, 12 giờ phải để học tiếng Pháp và học lịch-sử, 8 giờ học các khoa-học (số-học, vật-lý-học, hóa-học, bác-vật-học) và 2 giờ học địa-dư (về hình-thế và kinh-tế).

Thể-thao thời học trong những giờ chơi.

Học quốc-văn (quốc-ngữ và hán-tự) được ba giờ một tuần lễ. Hán-tự và quốc-ngữ tức là một khóa, gọi chung là « quốc-văn », vì Hán-tự dạy theo lối mới chỉ chủ cho học-trò biết rõ từ-nguyên, cú-pháp, điển-tích cũ của chữ tàu để giúp cho việc dạy văn quốc-ngữ mà thôi. Vậy thầy giáo nên chú-ý nhất là văn quốc-ngữ.

c) Trường con gái thời giảm bớt các khóa khác, lấy hai giờ một ngày dạy gia-chính và các nữ-công.

* * *

Thiên thứ IV về các trường thực-nghiệp.

Học thực-nghiệp thời trừ các trường cao-đẳng, có những trường như sau này:

Đệ-nhất-cấp: trường tập nghề, trường gia-chính, trường canh-nông, trường kỹ-nghệ mĩ-nghệ, cùng những lớp dạy thợ;

Đệ-nhị-cấp: các trường thực-nghiệp cụ-thể. Các trường ấy về đường chính-sự cũng sáp-nhập vào hạng những trường trung-học phổ-thông. Dạy thực-nghiệp trong các trường ấy thời vừa dạy về lịch-sử các khoa-học, các công-nghệ, vừa dạy về cách ứng-dụng ra thực-nghiệp thương-nghiệp, lại có dạy phụ thêm một ít phổ-thông.

Trường thực-nghiệp đệ-nhất-cấp thời do quan thủ-hiến các xứ tuỳ-nghi và chiếu theo ý-kiến quan thị-học về thực-nghiệp-học (*inspecteur de l'Enseignement professionnel*) mà dựng đặt. Tiền kinh-phí thuộc về các trường ấy thời do các xứ, các hàng-tỉnh, thành-phố hay hàng-xã chịu. Trường tỉnh nào thuộc quyền cai-trị quan công-sứ đầu tỉnh ấy.

Giáo-viên các trường thực-nghiệp đệ-nhất-cấp do quan Thực-nghiệp-học-thị-học thương-thuyết với quan thủ-hiến các xứ mà kén trong ngạch các tiểu-học-giáo-viên người Tây và người ta; lại tìm những tay đốc-công người tây hay người ta ai có tư-cách dạy nghề được kỳ khế-ước vào làm giáo-viên trong kỳ-hạn 5 năm.

Học-trò trường thực-nghiệp đệ-nhất-cấp tên nào không có bằng tiểu-học tốt-nghiệp thời có thể cho vào học thêm mấy lớp phổ-thông ở một trường tiểu-học nào gần đấy, chọn lớp nào có ích-lợi đến cái nghề đương học mà theo.

Lại những lớp dạy thợ là để dạy nghề thêm cho những thợ-thuyền trong giờ nghỉ, tức như lớp dạy người lớn ở các trường tiểu-học phổ-thông vậy. Những lớp ấy thời do các quan thủ-hiến thương-thuyết với các tòa « Thương-nghiệp-nghị-hội » (*Chambres de commerce*) và các nhà buôn-bán công-nghệ to mà tùy-nghi mở đặt ra.

Còn các trường thực-nghiệp cụ-thể (tức là đệ-nhị-cấp) thời do quan Toàn-quyền sẽ tùy-nghi đặt sau này. Trường nào đặt sẽ có thể-lệ riêng.

Học-trò các trường thực-nghiệp cụ-thể được ăn ở không mất tiền. Khi vào học phải có bằng tiểu-học-tốt-nghiệp phổ-thông, nếu không thời phải thi xem có biết đủ tiếng Pháp không. Khi nào có nhiều học-trò xin học thời ông đốc-học trường nên chọn những con nhà nghèo cho vào trước. Trong khi học, những học-trò nào xét ra chăm-chỉ và nhà nghèo thời Nhà-nước sẽ liệu cấp quần áo cùng đồ cần-dụng cho, hoặc cho ít nhiều tiền lương tháng. Học mãn-hạn phải thi tốt-nghiệp, đỗ thời được cái bằng tốt-nghiệp, trong bằng đề tên học-trò đã chuyên-trị và thi-đỗ về nghề gì. Những công việc trong các xưởng thợ, các nhà máy của Nhà nước sẽ để dành riêng cho những người có bằng tốt-nghiệp ấy.

*
* *

Thiên thứ V về các khóa thi.

Các khóa thi có hai hạng: một là những khóa thi theo chương-trình bản-xứ; hai là những khóa thi theo chương-trình bên Pháp. Hạng trên thời có: thi tiểu-học-tốt-nghiệp (*certificat d'études primaires*) và thi trung-học-tốt-nghiệp (*diplôme d'études complémentaires*), đối với hai bậc học đệ-nhất và đệ-nhị-cấp. Hạng dưới thời có: thi tiểu-học-tốt-nghiệp Pháp, thi lấy bằng cao-đẳng-tiểu-học (*brevet d'enseignement primaire supérieur*), thi lấy « tiểu-học sơ-đẳng và cao-đẳng văn-bằng » (*brevet élémentaire et supérieur*), thi lấy bằng sư-phạm (*certificat d'aptitude pédagogique*), bằng tú-tài tây (*brevet de capacité correspondant au baccalauréat*). — Cách-thức

thi bấy nhiêu hạng đại-đề cũng y như thể-lệ thường từ trước đến nay, trong bộ Tổng-qui mới không thay đổi gì mấy.

*
* *

Thiên thứ VI về cách-thức cấp lương học cho học-trò.

Tiết thứ nhất riêng về học-trò tây. Tiết thứ nhì đinh cách cấp lương cho học-trò ta sang học bên Pháp.

Học trò ta muốn sang học bên Pháp thời phải học trong những trường sau này mới được Chính-phủ Đông-dương cấp cho lương học : các trường tiểu-học-sư-phạm, trường Chuyên-môn-Công-chinh (*Ecole spéciale des Travaux Publics*), trường Kiến-chúc và Công-nghệ (*Ecole du Bâtiment et de l'Industrie*), các trường kỹ-nghệ, trường thợ mỏ Alais (*Ecole des Maîtres mineurs d'Alais*), trường dạy nghề điện và nghề làm giấy ở Grenoble (*Institut électro-technique et Ecole française de papeterie de Grenoble*), trường thuộc da ở Lyon (*Ecole française de Tannerie de Lyon*), trường Hóa-học ở Bordeaux (*Ecole de Chimie de Bordeaux*), trường cao-đẳng về nghề hàng-hải (*Ecole supérieure de Navigation maritime*), các trường dạy nghề dệt vải lụa, nghề buôn, nghề canh-nông, v. v.. — Nhà nước đã cấp lương cho học trường nào thời cấp cho đến ngày tốt-nghiệp; trừ khi học-trò hư hay dốt không xứng-đáng thời giảm đi hoặc thôi không cho nữa.

Học trò xin lương sang học bên Pháp phải từ 13 tuổi giở lên, và làm đơn xin theo thể-thức đã định, trong đơn phải đoan rằng khi học xong phải giở về bản-xứ, nếu không thời phải giả lại tiền lương Chính-phủ Đông-dương đã cấp cho trong khi đi học, hoặc giả lại cả, hoặc giả lại một phần. Khi xin lương sang Pháp học-trò phải thi, có trúng-cách mới được.

Quan Toàn-quyền cử một quan đại-biểu ở Paris để giám-đốc các học-trò ta sang học bên Pháp. Lại nhờ hội « Alliance française » (là hội truyền-bá tiếng Pháp) có ủy-viên ở các tỉnh bên Pháp để trông nom hộ nữa.

*
* *

Thiên thứ VII về các trường Cao-đẳng. Phần này là phần mới nhất trong bộ Học-chính-tổng-qui, vì cái thể-chế những trường cao-đẳng ngày nay không giống trường Đại-học năm 1907. Song các trường cao-đẳng chưa mở hết, tuy có trường đã khai-giảng được một năm rồi mà nhiều trường nữa còn lục-tục sắp dựng, nên đây mới là định cái đại-cương cho cả nền Đại-học, chưa có chương-trình thể-thức riêng của từng trường một.

Các trường cao-đẳng mở chung cho cả các học-sinh người Pháp và người bản-xứ, gồm lại làm thành ra « Đông-dương Đại-học cục » (*Université indochinoise*). Đặt một tòa « Cao-đẳng-học Giám-đốc-sảnh » (*Direction de l'Enseignement supérieur*) để quản-trị chung cả các trường cao-đẳng. Những việc sáng-lập, tổ-chức, đặt thể-lệ, định chương-trình cho các trường cao-đẳng đều thuộc quyền sảnh ấy.

Hiện ở Huế có trường Hậu-bổ, ở Hà-nội có trường Sĩ-hoạn, hai trường ấy hồi nào những học trò nhập-học trước ngày 1 tháng 11 năm 1917 tốt-nghiệp, thời sẽ bãi không dạy học nữa ; kể từ ngày 1 tháng 11 năm 1917 giở đi, không được nhận học trò mới. Trong cái thời-kỳ dự bãi ấy thời hai trường trực-thuộc về quyền quan Giám-đốc Cao-đẳng-học kiêm-đốc.

Trường Y-học Đông-dương (*Ecole de Médecine de l'Indochine*) vẫn theo nghị-định ngày 29 tháng 12 năm 1913, và trường Thú-y Đông-dương (*Ecole Vétérinaire de l'Indochine*) theo nghị-định ngày 15 tháng 9 năm 1917.

Các lớp dạy luật (*Cours de Droit*) đặt theo nghị-định ngày 29 tháng 3 năm 1910 thời bỏ.

Trường Công-chính (*Ecole des Travaux Publics*) cải-lập theo nghị-định ngày 15 tháng 1 năm 1913 thời trực-thuộc về quyền quan Giám-đốc Cao-đẳng-học kiêm-đốc.

Quan Giám-đốc cao-đẳng-học do quan Toàn-quyền bổ-nhiệm, và chọn trong hàng các giáo-viên bên Pháp hoặc bên này có bằng tiến-sĩ (*Docteur*) và đã từng dạy học trong các trường Nhà nước ít ra là 15 năm. Quan Giám-đốc cao-đẳng-học có quyền giám-đốc cả các giáo-viên, học-sinh cùng ti-thuộc các trường cao-đẳng, coi sóc việc dạy học, việc trị-sự, thương-thuyết bàn-định với quan Toàn-quyền về các kế-hoạch có ích-lợi cho bậc cao-đẳng-học. Lương quan Giám-đốc mỗi năm từ 24.000 đến 30.000 quan tiền tây, lại được phụ-cấp mỗi năm 4.000 đồng bạc nữa.

Trường cao-đẳng tức là các nhà dạy cao-đẳng-học, do quan Toàn-quyền chiếu nhời bẩm của quan Giám-đốc cao-đẳng-học mà ký nghị-định đặt.

Nghị-định đặt ra trường cao-đẳng nào thời định mục-đích và chương-trình về sự học cùng các thể-thức riêng của trường ấy. Mỗi trường có một ông đốc-học có trách-nhiệm coi sóc việc học và trông nom cho học-trò học-hành tấn-tới. Chức đốc-học ấy phải lấy những người có bằng cao-đẳng-học bên Pháp ngang với bằng luật-khoa-cử-nhân (*licence en droit*) hay là khoa-học-cử-nhân (*licence ès-sciences*) và đã làm việc Nhà nước được mười năm. Lương mỗi năm từ 15 đến 20.000 quan tiền tây. Chức đốc-học nếu chưa có người thực-thụ, có thể cho người quyền-lĩnh. Người quyền-lĩnh cũng phải có đủ tư-cách như trên kia, nguyên làm chức gì lĩnh theo lương chức ấy, nhưng được phụ-cấp mỗi năm là 800 đồng-bạc.

Giáo-viên các trường cao-đẳng có ba hạng : thực-thụ giáo-viên (*professeurs titulaires*), lĩnh-khóa-giáo-viên (*chargés de cours*) và giảng-thuyết-giáo-viên (*maîtres de conférences*). Hạng thực-thụ giáo-viên do quan Toàn-quyền bổ-nhiệm. Hai hạng dưới do quan Giám-đốc Cao-đẳng-học ủy-nhiệm có kỳ-hạn, hết lại tái-nhiệm được. Muốn được bổ-nhiệm thực-thụ-giáo-viên phải là những người vốn đã có chân trong cao-đẳng-học bên Pháp, hoặc có đủ tư-cách như trên kia đã kể về chức đốc-học. Những người sung chức lĩnh-khóa và giảng-thuyết giáo-viên cũng phải có một cái văn-bằng nào như các giáo-viên thực-thụ. Trừ những khóa đặc-biệt hoặc những khóa dạy tiếng (như tiếng tàu, tiếng nhật, v. v.) thời có thể lấy người bản-xứ sung vào cũng được. Lương-bổng những người ủy-nhiệm như thế thời mỗi người mỗi khi sẽ định riêng.

Quan đốc-học mỗi trường đến kỳ cuối năm làm một sổ dự-toán các khoản kinh-phí thuộc về trường mình đệ lên quan Giám-đốc Cao-đẳng-học. Mỗi trường có đặt một hội-nghị (*Conseil de l'Ecole*), quan đốc-học làm chủ, các giáo-viên làm hội-viên để bàn-định về phương-pháp dạy học, cho học-trò lớp dưới lên lớp trên, cùng liệt những sách giáo-khoa cho học-trò học.

Học-trò các trường cao-đẳng thời có những học-sinh ăn lương (*boursiers*) và « bàng-thính-học-sinh » (*auditeurs libres*). Học-sinh ăn-lương mỗi năm lấy bao nhiêu do quan Giám-đốc tư quan Toàn-quyền định số trước, chiếu theo số tiền trong sổ dự-toán và chiếu theo sự cần-dùng người làm trong các sở Nhà nước phải kén người ở chân học-sinh tốt-nghiệp các trường cao-đẳng. Bàng-thính-học-sinh người ngoài thời do quan Giám-đốc nhận, chiếu theo cái số học-trò mỗi trường có thể dạy được bao nhiêu là nhiều nhất mà tùy-liệu cho vào học phụ.

Học-sinh ăn lương trước khi vào học phải thi. Muốn ứng-thí phải tuổi từ 18 đến 25, và phải có một cái văn-bằng trong mấy hạng kể sau này : bằng tú-tài, bằng trung-học, bằng cao-đẳng-tiểu-học, « bằng cao-đẳng » Pháp (*brevet supérieur*). Người nào có bằng tú-tài được thêm 20 điểm. Học-trò thi đỗ được vào học ăn lương phải ký-kết tình-nguyện làm việc Nhà nước trong 10 năm, kể từ ngày nhập-học, không thời phải hoàn lại tiền lương của Nhà nước đã cấp cho. — Trừ lớp năm 1917 là năm đầu, học trò vào học không phải thi.

Bàng-thính-học-sinh không phải thi vào học, nhưng các tư-cách khác phải giống như học-sinh ăn lương. Duy có một khoản niên-hạn thời trừ ở trường Y-học, Thú-y và Dược-học, còn các trường cao-đẳng khác cho rộng đến 30 tuổi.

Học-sinh ăn lương được ăn ở nhà trường không mất tiền. Bàng-thính-học-sinh ăn ở ngoài và tiền học-phí phải chịu lấy. Muốn vào học các khoa thực-nghiệm thời phải giả tiền, mỗi khoa sẽ đinh giá-ngạch riêng.

Bàng-thính-học-sinh cũng được phép thi tốt-nghiệp như học-sinh ăn lương.

Học-sinh ăn lương thời được trừ thuế thân, trừ binh-dịch cùng các tạp-dịch.

Các công việc trong ký-túc-xá (*internat*) giao cho một viên quản-lý (*économe*), quan Toàn-quyền bổ-nhiệm.

Nghị-định đặt ra trường nào sẽ đinh số tiền phụ-cấp mỗi tháng cho học-sinh trường ấy để chi tiêu việc riêng. Học-sinh nào vô-cớ bỏ học hoặc bỏ chức trong khi chưa hết hạn ước 10 năm, phải giả lại công-khố những tiền học-phí của Nhà nước đã chịu cho.

Mỗi năm đến kỳ nghỉ hè học-sinh được phép về nhà, đi tàu không mất tiền.

Mỗi năm đến tháng 6 quan Giám-đốc họp các giáo-viên làm hội-đồng, xét những số điểm của học-sinh đã được trong năm học mới qua và chiếu theo nhời tư của quan đốc-học trường, định những người nào cho lên lớp trên. Người nào không được dự sổ thời phải cách, trừ những người được đặc-cách cho học lại một năm nữa.

Khi học tốt-nghiệp thời các học-sinh trong mỗi trường phải ra thi để lấy bằng « Cao-đẳng-học văn-bằng » (*Brevet d'études supérieures*), thuộc về khóa chuyên-môn mình đã học. Chương-trình cùng thể-thức sự thi ấy mỗi trường cao-đẳng sẽ đặt riêng.

Bài thi thời phê như sau này : Bất-túc (*insuffisant*), thứ (*passable*), bình (*assez bien*), ưu (*bien*), tối-ưu (*très bien*). Phải một chữ « bất-túc » là hỏng.

Học-sinh thi trúng-cách được một cái bằng của quan Toàn-quyền ký, quan Giám-đốc Cao-đẳng học và quan đốc-học trường ký phụ.

Người học-sinh nào khi ứng-thí được hội-đồng ban khen thời trong bằng sẽ đề thêm một câu : « Được Hội-đồng chấm thi ban khen » (*Félicitations du Jury*).

III

Sự dạy học bằng tiếng Pháp

Nay ta đã kể cái cơ-quan của bộ Tổng-qui mới, có mấy vấn-đề ta nên bàn kỹ hơn, vì nó quan-hệ đến sự giáo-dục dân ta nhiều lắm.

Cái vấn-đề thứ nhất là sự dạy học bằng tiếng Pháp, ngay từ bậc tiểu-học giở lên (bắt đầu từ lớp thứ ba).

Trong tờ chu-tri quan Toàn-quyền nói rằng :

« Từ nay phải hết sức làm cho chữ Pháp thông-dụng trong các trường tiểu-học, bắt đầu ngay từ lớp thứ ba. Điều 134 trong « Học-chính-tổng-qui » (đã dịch trên kia) đã định rõ ràng về sự đó. Vả từ xưa đến nay vẫn thi tiểu-học-tốt-nghiệp

bằng chữ Pháp thời đủ biết sự dạy học bằng tiếng Pháp ở các trường tiểu-học đã là một sự cố-nhiên rồi. Nhưng trước vì các trường sơ-đẳng và trường tiểu-học xếp-đặt thất-cách, nhất là ở Nam-kỳ, nên sự học chữ Pháp chưa bành trướng ra được mấy.

« Làm những sách giáo khoa bằng tiếng bản xứ để dạy các trường sơ-đẳng, là một sự hay, một sự cần nữa, điều đó đã cố-nhiên rồi. Song nếu các trường tiểu-học ngày nay mà chỉ dạy bằng chữ quốc-ngữ hay bằng chữ cao-man mà thôi, thời học-trò ở đấy ra không có cái cách gì trực-tiếp để quan-sát về thế-giới, thành ra cái nhỡn-giới của những bọn đó tức là cái giới-hạn nơi mình sinh-trưởng, không có cách gì mà nhìn rộng ra ngoài được nữa. Vì những thứ chữ như chữ quốc-ngữ, chữ cao-man ấy đã thành ra văn-tự gì có tiếng trong thế-giới đâu, vả ai cũng biết rằng hãy còn khuyết-điểm nhiều lắm, chưa có đủ những danh-từ về khoa-học để diễn các môn học mới của Thái-Tây.

« Vậy thời ngày nay những bọn thiếu-niên ham học chỉ học tiếng Pháp là một cách tuyệt-diệu để mở-mang tri-thức. Như thế thời chẳng nên đem tiếng Pháp mà dạy rộng khắp trong các trường tiểu-học, để cho ai ai cũng học được, nhất là ngày nay ta đã định mở rộng các sở Nhà nước cho người bản-xứ vào làm ru? Khi xưa đứa con dất Nam-Việt bắt đầu học chữ tàu từ trường thầy-đồ trong làng, trong mấy mươi năm rùi mài kinh sử mãi mới thi hương thi hội được. Ngày nay chữ tàu học không còn có ích-lợi gì nữa. Cái tiếng học mới tức là tiếng Pháp, phải đem ban-bố khắp chốn kẻ chợ nhà quê để giục-giã những bọn thiếu-niên chăm chỉ mà học mới có đường nơi lên bậc Đại-học được. »

Ngày nay dân ta đã quyết-chí theo đòi học-thuật nước Pháp, thời sự dạy học bằng tiếng Pháp là một sự tất-nhiên, không phải nói ai cũng rõ. Cũng tức như xưa ta theo đòi học-thuật nước Tàu thời dạy học bằng chữ hán là một sự cố-nhiên rồi. Lại từ xưa đến nay tiếng quốc-âm ta chưa từng bao giờ được cái danh-dự làm tiếng học, nên bây giờ mới nghèo-ngặt thiếu-thốn như vậy, cũng là một điều quốc-dân ta ai ai cũng đã hiểu vậy. Vậy thời cái tình-thế đã thế, ngày nay phỉ học bằng tiếng Pháp thời học bằng gì? Vả Chính-phủ đã mở trường Đại-học để dạy cho ta những khoa cao-đẳng, học những khoa cao-đẳng ấy phải thông tiếng Pháp mới có thể được; như thế thời nếu từ trường tiểu-học đã không chuyên học tiếng Pháp ngay, làm thế nào mà lên tới được trung-học, rồi từ trung-học lên đại-học? Ba bậc học liên-tiếp với nhau, bậc trên đã lấy chữ Pháp làm một món cốt-yếu, tất bậc dưới phải dự-bị sẵn mà không thể nhãng bỏ được. Ấy bởi cái lý-do như thế mà Chính-phủ định từ bậc sơ-đẳng giở lên nhất-luật phải dùng chữ Pháp dạy học, không kể chữ Pháp mỗi ngày ban-bố ra lại còn ích-lợi nhiều đường nữa, vì nhân đó mà văn-minh tư-tưởng nước Pháp mỗi ngày lan khắp sang cõi Đông-dương này vậy.

Song chữ Pháp là một thứ chữ rất hay, rất đẹp, rất cao-thượng, vì như cái máy cực huyền-diệu để truyền-bá tư-tưởng trong khắp thế-giới. Nhưng phàm những văn-tự cao-thượng như thế phải học cho thâm mới thấu được hết cái tinh-thần. Nếu học nửa chừng thời không những không biết được cái hay mà lại sợ hiểu nhầm dùng nhầm nữa. Cho nên cứ như ý riêng người bàn dây thời sự dạy học bằng tiếng Pháp trong suốt các trường tiểu-học hiện nay e còn chưa được tiện-lợi lắm, dù xét về phương-diện Chính-phủ hay xét về phương-diện quốc-dân cũng vậy. Vả Đại-học là bậc học cao nhất trong nước, chắc chỉ có một bọn thiếu-niên anh-tuấn mới lên được đến đấy, không phải là cả học-trò trong nước đều có cái hi-vọng tới được. Vậy thời những kẻ bị đào-thải từ trung-học, từ

tiểu-học — mà cái số ấy là vô-số, tất mỗi ngày một nhiều lên — trong mình chỉ mới có một cái túi pháp-tự cỏn-con, tất thành một bọn người vô-dụng, tức cũng như một bọn thầy-đồ tân-học, cái tệ chẳng kém gì các thầy-đồ cựu-học khi xưa. Gương cựu-học hãy còn đấy chưa xa...

Nhưng đó là một sự lo xa mà thôi. Chính-phủ đã quyết-định dùng chữ Pháp dạy học từ bậc sơ-đẳng, ta nên đợi xem cái kết-quả sau này thế nào. Ta cũng hết sức mong rằng sự kết-quả ấy được thập-phần-lương-hảo, cho khỏi phụ cái lòng châu-đáo của Chính-phủ đã chăm-chút về việc giáo-dục dân ta như thế.

IV

Cái tương-lai của hán-học và chữ quốc-ngữ

Một cái vấn-đề quan-trọng nữa là về cái tương-lai của hán-học và chữ quốc-ngữ.

Hán-học là gốc của luân-lý xã-hội nước ta, quốc-ngữ là quốc-văn của dân ta ngày nay. Vậy thời trong thể-lệ học mới này dành cho hai mối đó một cái địa-vị thế nào? Từ khi nghe Chính-phủ cải-định việc học, quốc-dân ta tất ai ai cũng tự hỏi đến cái vấn-đề ấy.

Nay cứ trong chương-trình mới thời hán-văn cùng quốc-văn đều có dành một phần riêng, không hậu mà cũng không bạc, nếu biết khéo dùng cũng có thể ích-lợi được nhiều.

Nước nào cũng có một nền học cổ-điển, là cái học đã từng dào-tạo ra tinh-thần nước ấy từ đời trước. Như các nước Âu-châu thời có những cổ-văn Hi-lạp La-mã, tức là cái học cổ-điển của các nước ấy. Dầu ngày nay không thiết-dụng về đường thực-học, mà người ta vẫn nghiên-cứu; làm một khoa khảo-cổ cũng là một cách tập-luyện cho trí khôn trí nghĩ và giúp cho cái tư-tưởng về cương-thường đạo-lý.

Cái học cổ-điển ấy có ích-lợi cho nhân-cách người ta nhiều lắm. Nên tiếng Pháp gọi cái học cổ-điển là « *les humanités* », nghĩa là cái học làm nên người, làm cho người văn-vẻ, khôn ngoan, tốt đẹp ra. Ở nước ta thời cái học cổ-điển ấy là nho-học, là hán-học, không những ở một nước ta, ở cả phương Á-đông đã chịu văn-hóa của nước Tàu vậy. Như thế thời hán-học là trọng mà không thể bỏ hẳn được. Trước kia ta mê-man về đường ấy quá, hiếu-cổ quá mà thành ra quên cả đời nay, cho nên mới đến nỗi chậm bước trên con đường tiến-hóa. Ngày nay ta đã tỉnh-ngộ ra rồi mà quyết theo về đường học mới. Song cũng không nên quá mê mới mà quên hẳn cũ. Phải nên giữ lấy cái học căn-cốt trong nước. Nhưng quyết là không thể giữ theo lối cũ được. Ngày nay ta phải học chữ hán như người Âu-châu học chữ Hi-lạp La-mã vậy. Chính-phủ cũng thâm-hiểu nhẽ đó nên trong chương-trình học mới có đặt một khoa « cổ-văn-tự Á-đông » (*humanités extrême-orientales*) ở bậc cao-đẳng-trung-học và ở đại-học, tức là để dạy văn-chương cũ của nước Tàu nước ta theo phương-pháp mới, như các trường Cao-đẳng bên Tây dạy cổ-văn Hi-lạp La-mã vậy. Sự cải-cách đó thực là một cái đặc-sắc trong bộ Học-chính mới này. Nếu ông giáo nào Nhà-nước cử vào dạy khoa « cổ-văn-tự Á-đông » ấy mà biết khéo dạy thời lớp ấy thành một lớp rất hay rất có ích không những cho bọn tân-học-sinh ta mà cho cả cái tiền-đồ sự giáo-dục ở nước Nam ta vậy.

Nhưng không những ở bậc Cao-đẳng, các bậc dưới cũng có dạy hán-tự. Đó cũng là một sự tất-nhiên, vì ở bậc Cao-đẳng đã lấy hán-văn làm một khoa chuyên-môn thời các trường dưới tất phải dạy dự-bị sẵn cho học trò lên đến Cao-đẳng đủ sức mà học chuyên-môn. Nhưng không những thế mà thôi, hán-tự lại là một

món yếu-cần cho học-trò An-nam về một phương-diện khác nữa, vì có biết hán-tự mới thông được quốc-văn, hán-tự cùng quốc-văn có cái mật-thiết-quan-hệ với nhau vậy. Nhưng phép dạy hán-tự ở các trường trung-học tiểu-học cũng phải dùng cách mới mới được. Hán-tự ở các trường đó cốt vị quốc-văn mà phải dạy, thời phải dạy thế nào cho có ích lợi cho quốc-văn, nghĩa là cốt nhất dạy lấy những chữ, những câu, những điển cần-dùng trong khi làm văn quốc-ngữ; rồi dạy dịch hán-văn ra quốc-văn, quốc-văn ra hán-văn, dạy đọc những sách thường thường, v. v. Còn học rộng hơn nữa, cao hơn nữa thời để lên bậc trên.

Đến sự học quốc-văn thời mới thực là đệ-nhất quan-trọng, nhưng cái vấn-đề này muốn nói cho hết ý phải cả bài luận-thuyết cũng chưa đủ. Sau này ta sẽ có dịp bàn kỹ hơn. Chỉ xin khuyên các ông giáo dạy văn quốc-ngữ ở các trường nên cho là một môn yếu-cần, phải hết sức dạy cho được ích-lợi, chớ nên coi là sự thường. Thứ nhất là phải làm cho học trò yêu mến tiếng nước mình, gắng sức mà học-tập như học chữ Pháp vậy.

V

Kết-luận

Sự học đã là một sự cần trong nước thời cái học-chính phải phân-minh, có điều-độ, có trật-tự, cho kẻ học người dạy đều biết cái đường-lối phải theo, cái mục-đích phải tới, như thế thời sự học mới gọi là chỉnh-đốn và có thể đều-đặn tiến-bộ được. Ngày nay Chính-phủ ban-hành bộ Tổng-quy ta bàn trên kia, thế là từ nay có một cái học-chính phân-minh vậy. Phàm các công-cuộc bởi tay người kiến-thiết không thể một ngày mà hoàn-toàn ngay được. Phải đem ra ứng dụng rồi mới biết dở hay thế nào. Cốt là khi dựng đặt phải dự-tính mọi đường cho chu-đáo, rồi sau dẫu có sửa đổi ít nhiều trong các bộ-phận mà cái toàn-thể đã thành vậy. Cái toàn-thể của học-chính nước ta có thể nói là từ nay đã thành rồi, sau này chỉ có những sự khuyết-điểm phải bổ-cứu, những điều sai-nhầm phải chữa-đổi, còn cái đại-cương thời còn lâu ngày chưa phải di-dịch đến. Như thế cũng đã là hay lắm vậy.

Phải là một tay chính-trị quả-quyết như quan Toàn-quyền ta mới dám đặt cho sự giáo-dục trong nước này một cái phương-châm nhất-định như thế, khiến cho tất cả mọi sự dị-nghị, tiệt hết mọi sự mâu-thuẫn, từ xưa đã làm cho việc học ngưng-trệ trong bấy nhiêu năm. Bất-luận cái phương-châm ấy đã là thập-phần chính-đáng hay chưa, miễn là có một cái phương-châm nhất-định cho kẻ trên người dưới biết đường mà đi, thế là đủ. Rồi đến khi đem ra ứng-dụng mới biết sai nhầm ở đâu mà sửa-đổi vào đấy. Huống chi cái thể-lệ mới ban-hành đây, hiện nay đối với phương-diện nào cũng là ổn-thỏa cả, không những giải-quyết được các vấn-đề hiện-thời mà lại dự-liệu cả việc tương-lai nữa, như thế thời ta chẳng nên hết lòng tin cậy mà an-tâm rằng việc giáo-dục trong nước từ nay đã có chủ-trương rư?

Nếu cái hậu-vận một nước hay dở thế nào là phần nhiều ở sự giáo-dục, thời cái cách Chính-phủ bố-trí việc học cho dân ta bây giờ cũng đủ khiến cho ta vững lòng mà trông mong về tương-lai, không đến nỗi phải lo vậy. Ta chỉ ước ao cho cái kết-quả được như lòng ta sở-nguyện, được như bụng Chính-phủ kỳ-vọng, cho khỏi phụ cái ơn giáo-dục của người trên và khỏi uổng cái lòng nhiệt-thành của kẻ dưới.

Con đường tương-lai còn dài, ta cứ vững bước mà đi, tất có ngày công-phu thành-tựu vậy.

PHẠM QUỲNH

Biểu dịch các danh-từ về học-chính

NGUYÊN TÊN PHÁP	DỊCH RA QUỐC-NGỮ
I. Các tên thông-dụng	
Règlement général de l'Instruction publique.	Học-chính tổng-qui.
Instruction générale.	Học phổ-thông.
Instruction professionnelle.	Học thực-nghiệp.
Ecoles françaises.	Trường Pháp.
Ecoles franco-indigènes.	Trường Pháp-Việt.
Programme.	Chương-trình.
Matières du programme.	Học-khóa.
Pensionnat, internat.	Nhà ký-túc, ký túc-xá.
Boursiers.	Học-sinh ăn lương.
Auditeurs libres.	Bàng-thính-học-sinh.
Honorariat (de l'enseignement complémentaire).	Danh-dự-giáo-viên (trung-học).
II. Các bậc học, các trường học, các lớp học	
Enseignement primaire.	Tiểu-học.
Enseignement complémentaire.	Trung-học.
Enseignement secondaire local ou franco-indigène.	Cao-đẳng-trung-học.
Enseignement secondaire français.	Trung-học Pháp.
Enseignement supérieur.	Cao-đẳng-học.
Ecoles primaires élémentaires.	Trường sơ-đẳng tiểu-học.
Ecoles primaires de plein exercice.	Trường cụ-thể-tiểu-học.
Ecoles d'apprentissage.	Trường tập nghề.
Ecoles ménagères.	Trường gia-chính.
Ecoles agricoles.	Trường canh-nông.
Ecoles d'art industriel et décoratif.	Trường kỹ-nghệ và mĩ-nghệ.
Ecoles professionnelles de plein exercice.	Trường cụ-thể-thực-nghiệp.
Ecoles normales primaires.	Trường tiểu-học-sư-phạm.
Cours normaux.	Ban sư-phạm
Ecoles supérieures.	Các trường cao-đẳng.
Universite.	Trường Đại-học.
Cours enfantin.	Lớp đồng-ấu (lớp năm).
Cours préparatoire.	Lớp dự-bị (lớp tư).
Cours élémentaire.	Lớp sơ-đẳng (lớp ba)
Cours moyen.	Lớp trung-đẳng (lớp nhì).
Cours supérieur.	Lớp cao-đẳng (lớp nhất).
Cours d'adultes.	Lớp dạy người lớn.
Cours de perfectionnement (dans les écoles professionnelles)	Lớp dạy thợ (ở các trường thực-nghiệp).
Cours de droit.	Lớp dạy luật.
Ecole supérieure de Pédagogie.	Trường Cao-đẳng-sư-phạm.
Ecole de Médecine.	Trường Y-học.
Ecole Vétérinaire.	Trường Thú-y.
Ecole des Travaux Publics.	Trường Công-chính.

NGUYÊN TÊN PHÁP	DỊCH RA QUỐC-NGỮ
III. Các tòa, các quan, các hội-đồng	
Inspection générale de l'Instruction publique.	Học-chính Tổng-giám đốc sảnh.
Direction de l'enseignement supérieur.	Cao-đẳng-học Giám đốc-sảnh.
Inspecteur général de l'Instruction publique.	Quan Tổng giám-đốc Học-chính.
Directeur de l'Enseignement supérieur.	Quan Giám đốc Cao-đẳng-học.
Directeur de l'Enseignement primaire.	Quan Giám-đốc Tiểu-học.
Inspecteurs	Các quan Thị-học.
Inspecteur de l'Enseignement général.	Quan Thị học Phổ-thông học.
Inspecteur de l'Enseignement professionnel.	Quan Thị-học Thực-nghiệp-học.
Inspecteur de l'Enseignement du dessin.	Quan Thị-học Đồ họa-học.
Inspecteurs primaires	Quan Thị-học Tiểu-học.
Conseil consultatif de l'Instructon publique.	Học-chính-cố-vấn-nghị-hội.
Conseil de perfectionnement de l'enseignement franco-indigène.	Cải lương-Pháp-việt-học ủy-viên-hội.
Conseils d'administration des internats.	Hội-đồng trị-sự các ký túc-xá.
Conseils des écoles supérieures.	Giáo-viên-hội-nghị (các trường cao-đẳng).
IV. Các hạng giáo-viên	
Directeurs d'écoles.	Đốc-học (các trường).
Professeurs titulaires des écoles supérieures.	Thực-thụ-giáo-viên (các trường cao-đẳng).
Chargés de cours (—)	Lĩnh-kì óa-giáo viên (—)
Maitres de conférences (—)	Giang thuyết-giáo-v ên (—)
Professeurs de l'enseignement complémentaire.	Trung học-giáo-viên.
Professeurs principaux.	Trung-học thượng-hạng giáo-viên.
Professeurs stagiaires.	Trung-học thí-sai-giáo-viên.
Instituteurs de l'enseignement primaire.	Tiểu-học giáo-viên
Instituteurs hors classe.	Tiểu học siêu-đẳng-giáo-viên.
Instituteurs principaux.	Tiểu-học thượng hạng giáo-viên.
Instituteurs titulaires.	Tiểu-học thực thụ giáo-viên.
Instituteurs auxiliaires.	Tiểu học bổ-trợ-giáo-viên
Instituteurs stagiaires.	Tiểu-học thí-sai-giáo viên.
Moniteurs et monitrices.	Tiểu học trợ-giáo và nữ-trợ giáo.
Economes.	Quan-lý nhà ký-túc.
Surveillants.	Xá-giám.
Répétiteurs	Phụ-giáo.
Contre-maitres ou chefs d'atelier (comme professeurs des écoles professionnelles)	Đốc-công (sung dạy các trường thực-nghiệp).
V. Các văn-bằng	
Certificat d'études primaires franco-indigènes.	Bằng tiểu-học tốt-nghiệp.
Diplôme de fin d'études complementaires.	Bằng trung-học-tốt-nghiệp.
Baccalauréat local.	Bằng tú-tài Pháp-Việt.
Diplôme d'études supérieures.	Cao-đẳng-học văn-bằng (hay là Đại-học văn-bằng).
Certificat d'études primaires (français).	Bằng tiểu-học-tốt-nghiệp (Pháp)
Brevet d'enseignement primaire supérieur	Bằng cao-đẳng-tiểu-học (Pháp).
Brevets de capacité de l'enseignement primaire (*brevet élementaire et brevet supérieur*)	(Tiểu-học sơ đẳng văn bằng (Pháp). (Tiểu-học cao-đẳng-văn-bằng (Pháp).
Certificat d'apitude pédagogique.	Sư-phạm-văn-bằng.
Baccalauréat (*français*).	Bằng tú-tài Pháp.

VĂN-HỌC

KINH-TẾ-HỌC

(*Cours d'économie politique*)

Kinh-tế-học là một khoa rất cần trong thời buổi này. Phàm những kế-hoạch làm cho nước mạnh, dân giàu, người khôn, của khéo, đều là thuộc về đường kinh-tế cả. Phàm các hiện-tượng trong xã-hội, việc chiến-tranh, sự hòa-bình, nguồn-gốc cũng ở đường kinh-tế mà ra. Như thế thời cái phạm-vi của kinh-tế-học to rộng biết chừng nào!

Nay quan Touzet, *luật-khoa-tiến-sĩ, dạy Kinh-tế-học ở trường Pháp-chính-cao-đẳng-học Hà-nội* (Ecole supérieure de droit et d'administration) *mới xuất-bản một tập những bài ngài dạy từ đầu tháng 10 năm 1917, đề là « Kinh-tế-học tổng-luận ». Xin dịch ra quốc-ngữ trong bản-báo để giúp cho các nhà hiếu-học trong nước ta dụng-công mà nghiên-cứu một khoa-học rất hay, rất cần, rất có ích-lợi ở cái đời sinh-tồn-cạnh-tranh này. Chắc những bài học như bài này đọc không vui bằng bài thơ bài văn, nhưng buổi này là buổi thực-học, phải trọng sự học-vấn hơn cái hư-văn mới được. Các ban đọc báo là những người kiến-thức hiếu-học, tưởng cũng đã hiểu nhẽ đó vậy.*

Chúng tôi dịch đây cố cho thật đúng và hết sức tìm tòi các danh-từ mới, vì diễn về những khoa-học cao-đẳng như thế này không thể nói hàm-hồ được, chữ nào nghĩa nấy phải cho nhất-định. Chưa dám chắc rằng đã được hoàn-toàn, nhưng chữ quốc-ngữ mình mà đã đem ra dịch được những sách như sách kinh-tế-học, triết-lý-học, thời đủ biết chữ quốc-ngữ có thể dùng để truyền-bá sự học được, chớ không phải là một thứ tiếng chỉ để ngâm-nga như xưa vậy.

Các tiếng mới dùng trong bài này đều có giải nghĩa tường ở dưới trang.

Ph. Q.

* * *

Mục-đích và lược-sử của kinh-tế-học [1]

I. **Thích-nghĩa kinh-tế-học.**—Người ta thường thích-nghĩa kinh-tế-học là học về « tài-hóa » (*la richesse*); thích thế cũng chưa có nghĩa lắm, vì lại phải thích-nghĩa chữ « tài-hóa » là gì. Ông Gide trong sách *Kinh-tế-học* của ông đã thành một bộ giáo-khoa-thư nói rằng mục-đích kinh-tế-học là « học những sự giao-tế (*rapports*) của người ta ở trong xã-hội, giao-tế để thỏa-mãn những sự cần-dùng về đường vật-chất và thêm sự sung-sướng cho mình ».

(1) **Phụ-chú.** — Dịch sách mới thế-tất phải dùng chữ mới. Quốc-âm ta phần nhiều ở chữ Tầu mà ra, vậy đặt chữ mới thế-tất phải dùng hán-tự. Xem ngay như tiếng Pháp là một tiếng phong-phú nhất trong thế-giới, mà những danh-từ về khoa-học phần nhiều cũng phải lấy ở cổ-văn Hi-lạp La-mã mà đặt ra, thì đủ biết. Điều đó tưởng các nhà học-giả ai cũng đã biết và đã hiểu rõ là một sự cần vậy. Nay chỉ nên dùng chữ gì giải nghĩa cho rất phân-minh, để người đọc được thật hiểu và người dùng về sau khỏi nhận nhầm. Sau này xin giải nghĩa những tiếng mới trong bài Kinh-tế-học này. (Xem ở phần dưới các trang sau).

Nay ta thích-nghĩa giản-dị hơn mà nói rằng *cái mục-đích kinh-tế-học là nghiên-cứu những phép-tắc làm chủ việc sinh-sản và việc tiêu-dùng các tài-hóa.*

II. Kinh-tế-học là một khoa-học. — Kinh-tế-học là một khoa-học (*science*), không phải là một nghệ-thuật (*art*). Ta bàn đây là bàn kinh-tế-*học*, không phải bàn kinh-tế-*thuật*.

Khoa-học là học các hiện-tượng chủ tìm lấy những mối quan-hệ trong các hiện-tượng ấy với nhau, mối nào là nhất-định là tất-yếu; những mối quan-hệ nhất-định và tất-yếu ấy gọi là những « phép-tắc » (*lois*). Nghệ-thuật thời không thế: nghệ-thuật là học các hiện-tượng chủ tìm lấy những cách điều-hòa để mưu thành một sự kết-quả gì. — Khoa-học nghiên-cứu « cái hiện có » (*ce qui est*). Ví-dụ như vật-lý-học (*la physique*), hóa-học (*la chimie*), bác-vật học (*l'histoire naturelle*), là nhân các hiện-tượng bao giờ cũng nhất-định như thế mà dự-đoán cái sẽ ra sau này thế nào; những mối quan-hệ biểu ra trong phép-tắc của các khoa ấy bao giờ cũng nhất-định, cũng tất-yếu như thế. Nghệ-thuật thời nghiên-cứu « cái nên có » (*ce qui doit être*): như họa-học (*la peinture*), điêu-khắc-học (*la sculpture*), âm-nhạc-học (*la musique*), nhân cái hiện có, là những hình, sắc, thanh, âm, điều-hòa lại để chủ diễn ra một cái lý-tưởng gì.

Những hiện-tượng thiên-nhiên nhiều cái xuất-hiện rất có tuần-tự, và hiển-nhiên, từ xưa đến nay người ta ai cũng đã từng nhận biết: như mặt giăng khi khuyết khi tròn, nước triều khi lên khi xuống, các vật-thể bị trọng-lực rơi xuống, thời tự đời thượng-cổ đến nay, từ thiên-vạn-niên đến giờ, người ta vẫn nhận thấy như thế.

Trông thấy thế, người ta mới khởi ra cái quan-niệm rằng phàm các hiện-tượng đều có một cái trật-tự nhất-định. Cái quan-niệm ấy dần dần lan sang cả các công việc của người ta, rồi đến cả cái sức động-tác của người ta nữa. Những người có danh-dự xướng ra cái thuyết rằng « các sự-vật đều theo một thể-thống thiên-nhiên » (*le gouvernement naturel des choses*) là ông MONTESQUIEU (tàu dịch là Mạnh-đức-tư-cưu) và các nhà thuộc về phái « Chủ-nông » (*école physiocratique*, là một học-phái lấy nghề nông làm trọng. Sẽ giải kỹ về sau).

Nếu các hiện-tượng thuộc về kinh tế cũng có một cái trật-tự nhất-định và

Kinh-tế 經濟. *Kinh* nghĩa là quản-trị sửa-sang, *tế* nghĩa là cứu giúp sự ích-lợi. Gồm hai chữ mà hội cái nghĩa chung thì là chỉ cái phép, cái thuật xếp-đặt sửa sang trong xã hội để cứu giúp cho nhân dân được mọi đường sung sướng ích-lợi. Ấy cái mục-đích của Kinh tế-học tức là thế. — **Tài-hóa** 財貨. *Tài* là tiền bạc của cải, phàm vật gì có giá-trị thì gọi là tài. *Hóa* là phàm vật gì có thể đem trao đổi buôn bán mà làm ra tiền bạc của cải được. Hai chữ tài hóa gồm lại cũng dịch được đủ cái nghĩa chung của chữ Pháp *richesse*. — **Giao tế** 交際. Người no người kia đi lại với nhau, hội hợp với nhau, chịu dụng lẫn nhau, cùng làm công nọ việc kia với nhau thì gọi là giao-tế. Chữ Pháp là: *rapports*. — **Vật-chất** 物質. Phàm cái gì có đứng trong khoảng không, người ta cảm được, xét được, biết rằng có thì gọi là « vật-chất » (*matière*). Vật-chất mà có hình thể, có một cái địa-vị nhất định trong khoảng không thì gọi là « vật-thể » (*corps*). Thí dụ như nói vàng, nói nước, là chỉ cái vật chất mà nói. Như nói cái vòng vàng, cái chén nước là nói cái vật-thể. Dùng nghĩa rộng hơn nữa thì vật-chất là cái gì có hình, đối với tinh-thần là cái vô-hình, vật-chất là thuộc về phần thân-thể, tinh thần là thuộc về phần linh-hồn. Như trong bài này nói « sự cần-dùng về đường vật chất » (*les besoins matériels*), tức là ăn, uống, mặc, v. v. cần cho sự sống của thân-thể người ta. — **Khoa học** 科學. Phàm cứu xét một hạng sự-vật gì nhất-định, chủ cho được biết đích-xác, cầu cho có thống-hệ, thì gọi là khoa học (*science*). Tức là sự học chia ra thành khoa. Lấy cái nghĩa rộng mà nói thì phàm sự tri thức có thống hệ, có nguyên-lý, đều gọi là khoa-học. Cho nên triết-học (*la philosophie*),

có điều-độ như các hiện-tượng khác, thời nhận được một cái hiện-tượng nào tất đoán được cái hiện-tượng kế sau thế nào, ấy tức là cái đặc-tính của mọi khoa-học như thế. — Nhưng xét ra không thế, những việc sẩy ra trong xã-hội không liên-tiếp nhau một cách sắc-hợp như thế, bởi thế nên có người không chịu công-nhận kinh-tế-học là có tính-cách một khoa-học.

Người ta thường bác ba điều như sau này : điều thứ nhất lấy rằng người ta có quyền « tự-nhiệm » (*l bre arbitre*) làm cớ ; điều thứ nhì lấy rằng những hiện-tượng về kinh-tế hay phiền-phức làm cớ ; điều thứ ba lấy rằng những hiện-tượng ấy hay biến-dịch trong không-gian thời-gian làm cớ.

Nay xét nhời bác thứ nhất lấy ở cái quyền tự-nhiệm của người ta. Nhời bác rằng : Những việc thuộc về kinh-tế-học nghiên-cứu là những việc của người ta ; phàm việc của người ta là những việc tùy-ý, việc tự-do cả ; đã tùy-ý tự-do, sao lại có theo phép-tắc được ?

Nhời bác ấy mới xét tưởng là nặng, mà có thể suy-lý, có thể chứng-thực mà phá được.

a) Suy-lý thì như thế này. — Túng-sử người ta chỉ biết theo cái ý-chí bất-thường của mình mà thôi, kinh-tế-học cũng vẫn là một khoa-học, vì chính ngay sự ngẫu-nhiên cũng có phép-tắc. Chẳng có người đã dùng phép độn mà tính sự được thua trong bàn cờ bạc rư ? — Nhưng quyền tự-nhiệm không phải là cái ý-chí bất-thường. Người ta, dẫu người điên nữa, cũng không có quyết-định việc gì là vô-cố. Nhiều việc của người ta phải theo cái định-mệnh trong vũ-trụ (*déterminisme universel*). Tạo-vật bắt người phải mấy sự yếu-cần, như sự ăn, sự mặc, v. v. ; muốn sung-mãn những sự yếu-cần ấy thì người ta phải lao-động. — Lại còn những phép-tắc về tâm-lý (*lois psychologiques*) làm chủ tinh-tinh trong người ta. Như cái phép gọi là phép « tối-thiểu xuất-lực » (*loi du moindre effort*), chắc là một phép chung cho cả loài người. Phép ấy do ở cái nghĩa khoái-lạc (*principe édonistique*) mà ra, và lấy rằng người ta lúc nào cũng cầu làm thật ít mà được sướng thật nhiều. Lại cái tính di-truyền (*héréditié*), tính bắt-chước, cũng là những phép-tắc về tâm-lý chung cho cả loài người, dù ta không muốn theo cũng phải theo.

---

sử-học (*l'histoire*) cũng là khoa-học cả. Lấy cái nghĩa hẹp mà nói thì khoa-học là đối với triết-học và sử-học. Khoa-học xét các sự-vật *thế nào*, triết-học giải cái nhẽ nó *làm sao*, sử-học thuật những sự *đã qua rồi*. — **Quan-hệ** 關係. Sự-vật cái nọ đối với cái kia thế nào, cái nọ dính-dáng với cái kia thế nào thì gọi là quan-hệ (*rapport*, dans le sens de relation, connexion entre deux choses). — **Hiện-tượng** 現象. Phàm cái gì trình bày ra cho tai mắt người ta trông thấy, tinh-thần người ta cảm được thì gọi là hiện-tượng, tức là nhất-thiết các sự các vật, hữu-hình vô-hình, sinh-thành biến-hóa trong giới đất. Tiếng Pháp là : *phénomène*. — **Quan-niệm** 觀念. Nhân xem xét các sự-vật ở ngoài mà khởi lên một cái ý-tưởng ở trong bụng về các sự-vật ấy, gọi là quan-niệm. Nghĩa rộng thì phàm cái ý-tưởng gì về một sự một vật gì cũng gọi là quan-niệm. Tiếng Pháp là : *conception, notion* (qu'on a d'une chose). — **Tự-nhiệm** 自任, là cái quyền của người ta tùy ý muốn kén chọn, muốn quyết-định thế nào cũng được. Chữ Pháp là : *libre arbitre*. — **Không-gian** 空間 là khoảng không, **thời-gian** 時間 là thời-giờ. Chữ Pháp là : *l'espace et le temps*. Như nói « trong không-gian thời-gian » nghĩa là khắp các phương các nước, gồm đời xưa đời nay. — **Định-mệnh** 定命, là cái vận-mệnh, cái phép-tắc đã nhất-định tự giời, người ta thế-tất phải tuân theo, không thể cưỡng được. Cái học-thuyết lấy rằng người ta không có quyền tự-do, nhất-thiết phải theo những phép-tắc nhất định của giời, gọi là « định-mệnh-thuyết » (*le déterminisme*). — **Sở-hữu-quyền** 所有權, là cái

b) Chứng vào sự thực thì như thế này. — Cứ lấy một người, một « cá-nhân » (*individu*) mà xét thì người ấy quyết-định việc gì bởi nhiều duyên-cớ, không thể biết cái duyên-cớ nào là ảnh-hưởng mạnh hơn cả. Nhưng dự-đoán về một người không được, mà dự-đoán cho một đám đông người thì được. Nay nghiệm vào sự thực cũng thấy như thế. Như cái số người cưới, người đẻ, người chết, người phạm-tội, người mắc tai-nạn bất-kỳ, đã xét ra đại-đề bao giờ cũng vẫn nhất-định ; cho đến cái số những bao thơ bỏ giấy thép không đề chỗ ở, những đồ vặt bỏ quên trên xe, v. v. cũng vậy. Như thế cũng đủ cho kinh-tế-học, vì phàm kinh-tế-học dự-đoán là cốt lấy cái số trung-bình làm cứ.

Lại xét nhời bác thứ hai lấy rằng các hiện-tượng về kinh-tế là phiền-phức. Nhời bác rằng : Người ta quyết-định việc gì có khi bởi nhiều duyên-cớ, như thế thì khó định được cái mối quan-hệ về nhân-quả (*rapport de cause à effet*) thế nào, khó biết được cái duyên-cớ nào là cái đã quyết-định ra việc ấy.

Nhời bác này không được mạnh bằng nhời trên. Bác thế thì có thể bác cả các khoa sinh-vật-học (*sciences biologiques*) cũng được. Ta chỉ đáp rằng hiện đã có phép « trích-biệt » (*méthode d'isolement*) từng việc mà xét, xét mỗi việc tìm ngay được cái « quyết-định-nguyên-nhân » (*cause déterminante*) thế nào.

Lại xét đến nhời bác thứ ba lấy rằng các hiện-tượng về kinh-tế thường hay biến-dịch. Nhời bác rằng : Những hiện-tượng về kinh-tế mỗi xứ mỗi thời biến-dịch khác nhau, thế nào định phép-tắc chắc-bằng được ?

Nhời bác này thật là không có giá-trị chút nào. Người ta đã từng nghiệm rằng dù ở dân nào ở đời nào cũng vậy, các hiện-tượng về kinh-tế bao giờ vẫn có một cái mối quan-hệ nhất-định với nhau. Hiện-tượng có biến-dịch mà mối quan-hệ không thay-đổi. Ta lấy một cái thí-dụ như sau này. Mới xét thì tưởng cái thể-chế về gia-tộc (*la famille*) với cái thể-chế về quyền sở-hữu (*la propriété*), hai đằng không có quan-hệ gì với nhau ; thế mà xét kỹ ra mỗi lối gia-tộc có một lối quyền sở-hữu riêng. Như cái lối gia-tộc về đời chưa có lịch-sử là một bọn người họp nhau lại dưới quyền một người tù-trưởng để cùng nhau đi đánh giặc ; không có họ hàng gì về bên đàn ông cả ; lối ấy gọi là « mẫu-thống chế-độ » (*régime du matriarcat*). Trong những gia-tộc cùng mẹ khác cha ấy thời cái quyền sở-hữu bao giờ cũng là của chung mà không có chuyển-dịch. Đến như lối gia-tộc thuộc

---

quyền có của cải, có tiền bạc, tuộng nương, có cái lợi-quyền gì. Tiếng Pháp là *la propriété*. — **Suy-diễn-pháp** 推演法 (gọi nữa là « ngoại-trừu-pháp » 外籀法) là phép lý-luận do một cái nhẽ thông-thường mà đoán-định các việc riêng. Thí dụ như do một cái nhẽ thường ai cũng đã biết rằng phàm giống sinh-vật có sống đều có chết, mà suy-diễn ra từng giống riêng một, nói rằng giống chim, giống cá, giống cây, giống cỏ, đều là sinh-vật, đều có chết cả, thế là phép suy-diễn. Chữ Pháp là : *déduction, méthode déductive*. — **Qui-nạp-pháp** 歸納法 (gọi nữa là « nội-trừu-pháp » 內籀法), là phep trái lại với suy-diễn-pháp, do những việc riêng gom góp lại làm một nhẽ chung. Thí-dụ như do những việc riêng là trông thấy con chim, con cá, cái cây, cái cỏ, đều có sống mà đều chết cả, kết-luận lại thành một cái nhẽ chung mà nói rằng phàm giống sinh-vật có sống đều có chết cả, thế là phép qui-nạp. Chữ Pháp là : *induction, méthode inductive*. — **Trừu-tượng** 抽象, là tiếng về tâm-lý học, chỉ một sự như sau này : các hình-tượng trình bày ra cho tai mắt, cho tâm-trí người ta nhiều lắm, tinh-thần khó mà nhận, mà nhớ được cả ; bèn do những hiện-tượng ấy trừu lấy một cái ý-tưởng chung để gồm được cả cái phần công-đồng trong bấy nhiêu hiện-tượng, thế gọi là trừu-tượng, nghĩa là lôi cái hình-tượng ở trong tư-tưởng ta, chớ vốn nó không có. Thí-

về « phụ-thống chế-độ », hay nhất-danh là « tộc-trưởng chế-độ » (*patriarcat*), thời người cha có quyền nhất-thống trong nhà ; bấy giờ cái quyền sở-hữu vừa chung vừa riêng, và ít khi chuyển-dịch. Kịp đến cái lối gia-tộc ngày nay thời lấy huyết-thống làm họ-hàng, nhưng mỗi người trong họ vẫn có quyền tự-chủ. Cái quyền sở-hữu là riêng của từng người, Nhà-nước chỉ khi nào vị một sự lợi chung mới hạn-chế được cái quyền ấy.

Muốn chứng rằng những luật-pháp về kinh-tế là những luật-pháp thiên-nhiên, có thể lấy một cái chứng-cớ gián-tiếp như sau này — Nếu thực có những luật-pháp thiên-nhiên về kinh-tế thời khi nào những luật-pháp ấy bị luật-pháp của người ta ngăn-trở lắt phản-động lại. Xét quả-nhiên như thế : luật-pháp thiên-nhiên không mấy nỗi thắng-đoạt được những luật-pháp của người ta. Trong lịch-sử chép nhiều những khi luật-pháp thiên-nhiên phản-động lại với luật-pháp của người ta như thế. Như nước La-mã có ông Diocletien, nước Pháp về đời Dân-ước-Chính-phủ (*la Convention*) hạ-lệnh muốn định cái giá tối-cao cho các đồ hóa-vật cần dùng nhất ; lệnh ấy không thi-hành được và gây nên những sự nhiễu-loạn trong xã-hội. Lại những pháp-luật của người ta đặt ra mà phạm-hại đến cái quyền sở-hữu (*droit de propriété*), đến các quyền-lợi thuộc về nhân-thân người ta cũng vậy : bao giờ cũng thấy phản-động lại kịch-liệt nhất-quyết như thế.

Nhà làm luật khi nào muốn làm trái lại với luật-pháp thiên-nhiên, là làm kinh-tế-thuật, không phải là kinh-tế-học. Kinh-tế-học không có bày mưu lập kế cho người ta ; kinh-tế-học không hay mà cũng không dở. Nhà kinh-tế-học không phải là một nhà nghệ-thuật, không chủ thực-hành một lý-tưởng gì, chỉ quan-sát các hiện-tượng liên-lạc nhau thế nào, tìm cái phép-tắc thiên-nhiên thế nào, rồi nhân đấy mà kết-luận.

III. Phương-pháp của kinh-tế-học. — Phương-pháp (*méthode*) là gồm những phương-kế dùng để mà tìm cho được cái chân-lý. Có hai thứ phương-pháp : một là « suy-diễn-pháp » (*méthode déductive*), hai là « qui-nạp-pháp » (*méthode inductive*).

Suy-diễn-pháp là do một cái « ý-tưởng tiên-thiên » (*concept a priori*) rồi kết-luận thành một cái phép-tắc. — Thí dụ suy-diễn-pháp như thế này. Người ta vẫn biết rằng người thợ hễ cần tiền nhiều thời phải làm nhiều. Bèn suy-diễn mà nói rằng muốn cho người thợ làm nhiều mãi thời phải giả rẻ công mới được. Cái phương-pháp ấy tự phái « Chủ-nông » (*les Physiocrates*) dùng trước nhất, rồi đến phái « Cổ-điển » (*école*

---

dụ như ta thường trông thấy những người ăn ở tử tế với cha mẹ, khi mạnh-khỏe phụng dưỡng, khi già yếu thuốc thang, đêm ngày trông nom chăm chút ; ấy bấy nhiêu việc đều là những tình trạng của một người con xử với cha mẹ. Nay ta muốn gồm bấy nhiêu việc lại mà trừu lấy một cái ý-tưởng chung nó biểu, nó gọi được cái bụng người con ở với cha mẹ như thế ; ta bèn gọi nó là bụng *hiếu*. Chữ *hiếu* ấy tức là một cái trừu-tượng vậy. Chữ Pháp là : *abstrait, abstraction*. Trái với trừu-tượng là cụ-tượng 具象, nghĩa là có đủ hình-thể hiển-nhiên. Chữ Pháp là : *concret*. — **Điều-tra** 調查, cũng nghĩa như là khảo-sát, tra tìm trong dư-luận, trong sách vở, cầu hỏi kẻ nọ người kia, v. v., cho biết cái chân-tình một sự gì một vật gì. Chữ Pháp là : *enquête, faire une enquête*. — **Trại-hội**, 賽會. Chữ *trại* nghĩa là bày ra để so sánh hơn kém được thua. Trại-hội tức ta thường gọi là hội đấu-sảo, nhưng chữ đấu-sảo nghĩa khí hẹp và không được đúng lắm. Còn tên nữa là « bác lãm-hội » 博覽會, nghĩa là hội bày cho nhiều người xem. Chữ Pháp là : *exposition*. — **Thống-kế-học** 統計學, là một môn học họp nhiều các việc cùng một hạng lại với nhau rồi tính ra số mà so sánh cho biết ít nhiều hơn kém. Chữ Pháp là : *statistique*.

classique) là phái ông RICARDO kế theo dùng nhiều hơn cả; phái này lấy cái nghĩa khoái-lạc làm một công-lý, nói rằng người ta cần phải làm cực nhiều cho được sướng cực nhiều, rồi nhân đấy suy-diễn ra nhiều mối khác nữa.

Qui-nạp-pháp thời lấy tài-liệu ở ngoại-giới, tập-hợp các hiện-tượng lại, rồi kết-thành một cái phép-tắc chung. Thí-dụ phép qui-nạp như thế này: Người ta thường nhận thợ hễ công cao thì làm được việc nhiều; vậy muốn cho thợ làm được việc nhiều phải tăng công cao lên. Phương-pháp ấy là phương-pháp của phái « lịch-sử », nhất danh là phái « thực-tế » (*école historique ou réaliste*).

Cái khởi-điểm của suy-diễn-pháp là một cái ý-tưởng (*concept*), cái khởi-điểm của qui-nạp-pháp là sự thực-nghiệm (*observation*). Suy-diễn-pháp thông-dụng cho đến thế-kỷ thứ 18: bấy giờ là hoàng-kim-thời-đại (*âge d'or*) của những học-thuyết huyền-không hư-tưởng, không có căn-cứ gì ở sự-thực. Đến cuối thế-kỷ thứ 18 phép qui nạp lấy sự thực-nghiệm làm cốt, dần-dần đem thay vào phép suy-diễn. Kinh-tế-học ngày nay dựng thành luật-pháp nhớn cũng là sở-đắc ở phép qui-nạp nhiều. Song, tuy qui-nạp-pháp có chắc-chắn hơn suy-diễn-pháp, mà có nhẽ sáng-kiến không được nhiều bằng, vì sự quan-sát, sự thí-nghiệm vốn là khó, cho nên sợ rằng qui-nạp-pháp thành ra một lối thuần tự-thực (*méthode purement descriptive*).

Vậy thì về kinh-tế-học cũng vậy, về khoa-học nào cũng vậy, không nên chỉ chuyên-dùng một phương-pháp mà thôi, phải dùng đối cả hai cái mới được. Ông CHEVREUL đã nói: « Cái sự-thực nào cũng là cái trừu-tượng cả » (*Tout fait est une abstraction*), là lấy cái nghĩa rằng muốn quan-sát một sự-thực nào phải « trừu » nó ra, nghĩa là phải trích-biệt nó ra ở trong đám nhiều sự-thực khác. Nhà kinh-tế-học trước quan-sát các hiện-tượng, thế là dùng phép qui-nạp; rồi tìm phép giải-nghĩa những hiện-tượng ấy theo một cái chủ-ý nào, thế là dùng phép suy-diễn; rồi lại thực-nghiệm xem sự giải-nghĩa ấy có đúng không, thế là lại dùng phép qui-nạp.

Qui-nạp-pháp là quan-trọng hơn nhiều, vậy ta xét xem cái cách dùng thế nào. Có hai cách: một là quan-sát (*observation*), hai là thí-nghiệm (*expérimentation*).

1° *Quan-sát.* — Về kinh-tế-học phải quan-sát nhiều, nhưng cũng có nhiều cách quan-sát. Có cách trực-tiếp-quan-sát (*observation directe*), có cách quan-sát bằng sự điều-tra (*enquêtes*), bằng các hội-nghị (*congrès*), các hội chợ (*foires*), các trại-hội riêng một nước hoặc gồm nhiều nước (*expositions nationales et internationales*), bằng lịch-sử đời xưa đời nay, bằng những sách kỹ-thuật của các nhà du-lịch, các nhà thám-hiểm; sau nữa lại có thống-kế-học (*la statistique*).

a) *Trực-tiếp-quan-sát.* — Trực tiếp-quan-sát là riêng mỗi người tự mình tìm-tòi lấy. Nhà kinh-tế-học nước Mĩ WALKER xướng ra cái luật về tiền công thợ (*loi des salaires*) là dùng cách ấy. Ông lập ra những thống-kế-biểu (*statistiques*) mà chứng rằng cái sức làm việc của mỗi người thợ tùy theo tiền công cao mà tăng lên. Rồi sau người ta đã nghiệm ra ở xứ nào cũng vậy cái sức sinh-sản của các công-nghệ với giá-ngạch cao của tiền công-thợ có một mối quan-hệ nhất-định.

Nhời bàn. — Phép trực-tiếp-quan-sát có nhiều điều bất-tiện. Người ta ai cũng có thiên-kiến, có thể nhầm-lẫn được; vả cái phạm-vi mình quan-sát có hạn, và những phương-kế mình

dùng để quan-sát cũng có hạn mà thôi. Như thế thì cách tự mình quan-sát chưa đủ.

b) *Điều-tra.* — Điều-tra là quan-sát chung. Bởi cái tính-cách chung nên không phải những sự bất-tiện của cách trực-tiếp-quan-sát. Lợi hơn cách ấy là thế.

Nhời bác. — Nhưng cách điều-tra cũng có sự khuyết-điểm. Thứ nhất là chỉ biết nghiệm mà không biết nghị-luận. Thứ nhì là chỉ riêng cho từng địa-phương, từng xứ; ở nước này thì thực mà sang nước kia thì sai. Có nhiều điều ở bên nước Pháp là phải mà sang Đông-dương này lại không phải, cũng có điều ở Đông-dương này phải mà sang nước Pháp lại không phải. Nhưng cứ họp-tập được nhiều việc thời có thể loại ra những việc nào là việc dị-thường. Ngày nay thường nhiều người mỗi người điều-tra một đường, mỗi người chuyên-trị một môn (như những bài chuyên-khảo về các nghề-nghiệp đã giúp cho kinh-tế-học tiến-bộ được nhiều lắm), rồi đem những sự điều-tra riêng ấy đối-chiếu với nhau xem khác hợp thế nào, tự khắc biết được cái chân-lý ở đâu. Những sự điều-tra của Nhà-nước làm thời vừa rộng hơn và vừa chắc hẳn hơn các cách điều-tra trên kia, và giúp cho kinh-tế-học được những tài-liệu rất quí báu.

c) *Hội-nghị một nước và nhiều nước.* — Hội-nghị là nhiều người họp nhau lại để nhận cái kết-quả của những sự điều-tra mà bàn-bạc mỗi người một khác cho kết-luận được đích-sác, và bổ-cứu lại những sự khuyết-điểm của cách điều-tra (như sự chỉ biết nghiệm không biết nghị-luận, như những thiên-kiến người ta khó lòng mà tránh khỏi được). Những hội-nghị ấy ngày nay mỗi ngày một nhiều, đã thành lệ trong việc nghiên-cứu những vấn-đề nhớn về kinh-tế. Nhờ có những hội-nghị ấy mà các nhà kinh-tế-học đã có thể trích-biệt được những hiện-tượng nào là những hiện-tượng cốt-yếu về đường kinh-tế.

d) *Trại-hội một nước và nhiều nước.* — Trại-hội là để như biểu cái tổng-mục trong một thời-kỳ nào về tình-trạng việc canh-nông, công-nghệ, thương-nghiệp các nước. Mục-đích của trại-hội là tìm tòi và phát biểu ra những sự kết-quả hay của một cách tổ-chức, của một cái phương-pháp nào. Thực là những tài-liệu rất đều-đủ để mà quan-sát, mà so-sánh; thực là những « bài sự-vật » (*leçons de choses*) rất qui-hóa vậy. « Vạn-quốc-trại-hội » bắt đầu có từ trung-diệp thế-kỷ thứ 19. Vạn-quốc-trại-hội to nhất là trại-hội của nước Pháp ở thành Paris năm 1900. Hà-nội cũng có trại-hội năm 1902.

Từ đấy người ta đã từng nhận rằng những trại-hội chung ấy có nhiều điều bất-tiện, và vì to quá ngày nay mở ra cũng khó, nên bây giờ chỉ thấy mỗi ngày mở nhiều những trại-hội riêng, thuộc về từng bộ-phận đặc-biệt trong trường động-tác của người ta: trại-hội về nghề hàng-hải, về thuộc-địa, về xe ô-tô, về tàu bay, v. v.

Hội-chợ là những trại-hội nhỏ, thường thường mỗi năm họp một kỳ, và chỉ chủ việc buôn-bán. Như hội-chợ thành Lyon (nước Pháp), thành Leipzig (nước Đức), thành Nijni-Novgorod (nước Nga), có tiếng khắp trong thế-giới.

e) *Lịch-sử.* — Các cách quan-sát như trên kia chỉ mới hình-dung được cái hiện-tại mà thôi. Nhưng cũng nên biết cái kỳ-vãng để dự-đoán sự tương-lai. Nhờ lịch-sử mà ta biết rằng các dân đời xưa sinh-hoạt ra làm sao, những sự cải-cách trong xã-hội đời trước kết-quả ra thế nào. Nhờ lịch-sử mà ta như

phóng một cái nhỡn-tuyến gồm được cả cuộc sinh-hoạt của loài người trong ba mươi thế-kỷ. Lịch-sử là một cái nguồn khảo-vấn rất quan-trọng, cho nên cái phạm-vi mỗi ngày một rộng. Lịch-sử biểu cho ta rõ rằng các mô-dạng hình-thức trong xã-hội đời đời cũng vẫn thế, và các phép-tắc nhơn của xã-hội bao giờ cũng vẫn có ; nhiều cái chế-độ ngày nay ta tưởng là mới thực là những chế-độ cổ, xưa đã cho là mất rồi, mà nay nó lại biến-đổi đi cho thích-hợp với thời-thế. Lịch-sử lại dạy cho ta biết rằng những chế-độ về chính-trị tiến-hóa thường chậm lắm, và những sự cải-cách trong xã-hội phải tuần-tự mới được. Các xã-hội không có biến-hóa bằng lối « cách-mệnh » được, nhưng phải đổi dần dần, hết bậc nọ đến bậc kia; các hình-thức trong xã-hội cái nào đã suy-biến thì mất dần đi, để cái khác thay vào. Như đất Đông-dương này không phải nhất-đán mà thâu-nhập ngay cái văn-minh của Thái-Tây được; phải mấy đời mới đổi được tính-tình phong-tục người dân, cho được an-toàn mà không đến nỗi vấp-váp. Thời-giờ là một cái yếu-kiện cho sự tiến-hóa về đường kinh-tế, cũng như mọi sự tiến-hóa khác vậy.

Nhời bác. — Song khảo-cứu lịch-sử cũng phải cẩn-thận mới được, vì có thể xét nhầm được, hoặc vì không có sách vở, hoặc vì sách vở sai nhầm.

f) *Sách kỷ-thuật của các nhà du-lịch.* — Sách kỷ-thuật của các nhà du-lịch có thể dùng để bổ-cứu cho lịch-sử được. Nhờ có những sách đó mà ta biết cái trình-độ văn-minh của các dân các nước. Như trong những dân tiến-hóa còn kém lắm mà cũng thấy những chế-độ giống như chế-độ các dân đời xưa, thời rõ là cái chứng-cớ rằng các xã-hội đều có những phép-tắc thiên-nhiên bất-dịch. Người ta đã từng nghiệm thực quả thấy như thế.

Nhời bác. — Đọc những sách kỷ-thuật của các nhà du-lịch, khi kết-luận phải cẩn-thận lắm mới được, vì người làm sách thường thuật theo phương-diện mình, hoặc có khi lại lấy sự tưởng-tượng của mình thêm vào nữa. Như thuộc về xứ Ai-lao hiện có rất nhiều những sách kỷ-thuật hùng-hồn, mà cái chân-giá-trị của xứ ấy về đường kinh-tế vẫn chưa biết rõ thế nào. Nhưng đại-đề thời càng có nhiều người du-lịch, càng có nhiều sách du-ký càng hay, vì có thể đem người nọ đối-chiếu với người kia, sách nọ sát-hạch với sách kia, cũng đủ mà biết chắc được.

(Kỳ sau nói về « Thống-kế học » (*statistique*).

PH. Q. *dịch*

Bản-báo đến kỳ này là hết hạn một năm. Xin các bạn đọc báo ông nào không muốn mua năm nữa viết giấy cho bản-báo biết. Ông nào muốn mua nữa thời bản-báo cứ việc gửi báo như thường, các ngài gửi tiền về sau cũng được.

NAM-PHONG.

NAM-ÂM THI-THOẠI

(Tiếp theo kỳ trước)

XI

Các người thền-bối giao-du với nhau, hoặc đưa nhau thơ-từ, thường thường lấy nghĩa-lý thánh-hiền mà cùng nhau khuyến-miễn. Cho đến những câu đùa bỡn nhau nghe cũng tao-nhã. Ta xem đấy cũng đủ biết cái phong-thú người xưa.— Ông HOÀNG UYNH, người Huế, làm thị-lang Ông NGUYỄN ĐĂNG GIAI, người Quảng-bình, bấy giờ làm bố-chính Bắc-ninh. Hai người chơi thân với nhau. Ông HOÀNG ở Kinh gởi một bài *tứ-tuyệt* cho ông NGUYỄN rằng:

Bố-chính Giai ! bố-chính Giai !
Có chi cho mỗ một đôi vài !
Gan ruột Quảng-bình ai nọ biết. (1)
Trong ni thiếu-thốn biết nhờ ai !

Ông NGUYỄN đáp rằng:

Thị-lang Uỵnh ! thị-lang Uỵnh !
Tiền bạc thiếu chi của bố-chính.
Ưu nghĩa Thừa-thiên chẳng dám quên,
Chỉ ngại đường xa không ai gánh.

XII

Thơ Tàu có nhiều cách. Thơ nôm ta như cách *hồi-văn*, *liên-hoàn*, *thủ-vĩ-ngâm*, *yết-hậu*, đều là bắt chước Tàu. Còn có nhiều cách tự ta chế ra mà Tàu vẫn chưa từng có, ấy cũng là một cái đặc-sắc của thi-giới ta ! Như người ta truyền-tụng những bài này:

Tai nghe gà gáy tè-tè-te,
Bóng ác vừa lên hè-hè-hè.
Non một chòng cao von-vót-vót.
Hoa năm sắc nở lòe-lòe-loe.
Chim tình bầu-bạn kìa-kìa-kìa,
Ong nghĩa vua tôi nhẹ-nhẹ-nhe.
Danh lợi mặc người ti-ti-tỉ,
Ngủ trưa dậy khỏe-khỏe-khoe (2).

Cách ấy nên gọi là *vĩ-tam-thanh* (3), vì ba chữ ở cuối câu phát âm cùng một vần, một giọng.

Còn như bài này:

Thấy gái hồng-nhan bỗng chốc mà...
Hỏi thăm có ấy chửa hay đà...
Hình dung yểu-điệu in như thể...
Diện-mạo phương-phi ngỡ tưởng là...
Ăn-mặc ra tuồng người ở chốn...
Nói-năng phải lẽ giống con nhà...
Cơ chi (4) *ta được mà ta để,*
Ta để đem về để nữa ta...

Toàn bài câu nào nói cũng không hết ý, mà ý đã đủ nấy ra. Cách ấy nên gọi là *triết-hạ*.

Còn như bài này:

Vất-vất vơ-vơ cũng nực cười !
Căm-căm cùi-cùi có hơn ai ?
Nay còn chị chị anh anh đó,
Mai đã ông ông mụ mụ rồi.
Có có không không lo hết kiếp.
Khôn khôn dại dại chết xong đời.
Chi bằng láo-láo lơ-lơ vậy,
Ngủ ngủ ăn ăn nói chuyện chơi.

Mỗi câu hoặc đầu câu, hoặc giữa câu, đều có dùng hai cặp điệp-tự. Cách ấy nên gọi là *song-điệp*.

Còn cách này nữa nên gọi là *tứ-tuyệt-liên-châu*. Thơ Tàu có cách *liên-châu* hay là thể *bách-lương* (5), nghĩa là một bài trường-thiên dùng nguyên một vần, mà mỗi câu mỗi bỏ vần. *Tứ-tuyệt-liên-châu* cũng như thế mà khác nhau là vì đàng này chỉ có bốn câu thôi. Cái bài lôi sắp kể đây là của một người *nho-bối* hầu quan công-sứ cũ ở Tourane, học khá, hay làm thơ, có ngâm đùa rằng:

---

(1) Người ta thường nói *gan ruột Quảng-bình* là có ý nói người tỉnh ấy tính hay bỏn-sẻn.

(2) Bài này có người nói của quan án-sát TÔN-THẤT MỸ.

(3) Danh-từ của thi-giới Tàu có chữ *song-thanh*, như chữ *lâm-ly*, *mộng-mị*, *tinh-tinh*, v. v. phát âm cùng một giọng. Chữ *vĩ-tam-thanh* của tôi là do đấy mà đặt ra.

(4) Tiếng đàng trong nói cơ chi cũng như đàng ngoài nói ước gì.

(5) Vua Hán Vũ-đế lạc thành nên *Bách-lương*, bắt các từ-thần làm thơ mừng theo lối ấy. Về sau người ta gọi thể ấy là *bách-lương-thể*.

Làm thân con gái chẳng biết lo,
Bồi bếp không lấy, lấy học-trò.
Bùi-gì bi-tết bỏ xỏ lỏ,
Còn hơn kinh sử chín mười pho.

Cái thể thơ thì thật mới, nhưng khí mạt-sát nhà nho ta quá! Hay là anh bực mình giận đời mà nói thế chăng? Tên cậu bồi là Bồi Ba, người Bắc-kỳ.

XIII

Thơ làm ra cốt để tả cái tâm-tình của mình mà cũng có ích cho người xem. Thường ta xem câu thơ có lý-thú, có tình-tính thì lòng ta cảm-động mà hưng-khởi. Cho nên Đức-Thánh có nói : *Thi khả-dĩ hưng* ; lại nói : *Hưng ư thi*. Đạo thơ ta bây giờ ngó như thạnh mà kì thực là suy, bởi vì phần nhiều trái hẳn với thi-giáo. — Cụ Nguyễn Đảnh-Ngọc, người Hưng-yên, đỗ cử-nhơn đời Tự-đức, làm đến giáo-thụ, về nhà hơn 20 năm nay. Cụ hay thơ chữ, nôm cũng sành. Tôi có trực-tiếp mà xin Cụ được bốn bài để vào Thi-thoại. Các ngài đọc thử xem, tất phải cho là có ích! Hai bài đầu-bài là *« Ngũ-thập-ngũ tự-thuật »*. Thơ rằng :

I

Vừa mới ngày nào tóc chấm vai,
Đốt tay bấm đã ngoại năm mươi.
Nặng nề chưa dễ đền ơn nước,
Khuôn thép còn may trọn cách người.
Học cũ thế mà tư-tưởng mới,
Nhà nghèo nhưng vẫn nói cười vui.
Họa-sơn một giấc say chưa tỉnh,
Đã chắc hơn ai chắc kém ai?

II

Chân đi còn khỏe mắt chưa mờ,
Thanh-phúc trời cho nghĩ quá thừa.
Tơ trúc thú còn e tại trẻ, (1)
Gió trăng nợ chửa xóng làng thơ. (2)
Vin then quả đất theo trời chuyển,
Khép cánh cung mây hẹn phật chờ.
Đã gác chơn ra ngoài cuộc đứng,
Còn toan theo đuổi với ai giờ?

Một bài đầu bài là *« Đọc-sử »* :

Giải bể ngàn đông bui tít mù,
Trải qua chớp mắt bốn nghìn thu.
Thành Loa vừa thấy xây vua Thục,
Ải Lạng quanh co đuổi giặc Ngô.
Giấc mộng chẳng lâu mà chẳng chóng,
Cuộc cờ ai được lại ai thua!
Còn non còn nước còn thơ thẩn,
Chén rượu Trung-sơn hãy gật gù. (3)

Một bài đầu-bài là *« Dạy con »* :

Đã chắc là con thép tính cha,
Thế tình âu cũng dạy qua loa.
Ngoài năm ba quyển còn bận việc,
Trong ức muôn người nhẻ thiếu ta.
Chưa mở trí khôn đừng giở dại,
Muốn xong việc nước phải êm nhà.
Năm châu rộng rãi đường phăng phẳng,
Trăm tuổi lai nhai hẳn chửa già.

Hai bài trên tỏ ra ý an-bần-lạc-đạo, đạm-bạc-vô-cầu, nhưng dẫu không nịnh đời mà cũng không chán đời. Bài *Đọc-sử* thì cực kỳ siêu-thoát. Bài *Dạy con* kỳ-vọng cho con một cách rất cao-thượng. Bọn thanh-niên chúng ta nên đọc thuộc lấy để làm một bài tự-châm.

(Còn nữa) Chương-Dân

(1) Ông Tạ-An nhà Tấn có nói : « Lúc giở về già, thường khi xa cách bầu-bạn, thấy bực cả người độ năm ba ngày. Muốn mượn tiếng tơ tiếng trúc làm vui, thì e lũ con trẻ hay được mất cả thú hoan-lạc. »

(2) Xóng là xong. Làng thơ là Thi-xã.

(3) Rượu Trung-sơn là rượu uống say đến ngàn ngày mới tỉnh

TRIẾT-HỌC

TRIẾT-HỌC NƯỚC PHÁP (1)

IV

Ấy là đại-khái cái lịch-sử triết-học nước Pháp trong hai thế-kỷ thứ 17 và 18. Ta mới gọi là thuật lại qua-qua đó mà thôi, không thể kể được hết các nhà tư-tưởng của nước Pháp, chỉ nói đến những người trước-danh nhất mà thôi. Thế mà cũng đã được bấy nhiêu tên rồi. Đến thế-kỷ thứ 19 này thì còn nhiều biết bao nhiêu ! Vì trong thế-kỷ này không có một nhà bác-học, một nhà văn-sĩ Pháp nào là không có phần trong cái công triết-học của nước Pháp vậy.

Ba thế-kỷ trước là dề-xướng ra các khoa-học thuần-lý cùng các khoa-học thuộc về « vô-cơ-vật-chất » (*matière inorganique*) — như số-học, trọng-học, thiên-văn-học, vật-lý-học, hóa-học, — thế-kỷ thứ 19 này lại nghiên-cứu thêm các khoa-học thuộc về sự sinh-hoạt nữa : không những sự sinh-hoạt của cái « hữu-cơ-vật-chất » (*matière organique*), mà đến cả sự sinh-hoạt của các xã-hội nữa. Về các môn học ấy người Pháp cũng là người khởi-xướng ra đầu. Cái phương-pháp học là do người Pháp đặt ra ; một phần kết-quả của sự học cũng là bởi người Pháp gây nên. Hai nhà tư-tưởng Pháp trước-danh nhất trong thời-kỳ này là ông CLAUDE BERNARD (1813-1878) và ông AUGUSTE COMTE (1798-1857).

Ông CLAUDE BERNARD có làm một bộ sách đề là « Thực-nghiệm Y-học tổng-luận » (*Introduction à la médecine expérimentale*) : sách ấy đối với các khoa-học thực-nghiệm cái giá-trị cũng chẳng kém gì sách « Phương-pháp-luận » (*Discours de la méthode*) của ông DESCARTES đối với các khoa-học thuần-lý vậy. Tức là sách của một nhà sinh-lý-học đại-tài tự hỏi mình về cái phương-pháp học của mình, lấy sự kinh-nghiệm riêng mà đặt thành phép-tắc để giúp cho việc thí-nghiệm nghiên-cứu về sau. *Sự nghiên-cứu về khoa-học như ông Claude Bernard đã định như thế, thực là một bài vấn-đáp của người ta với tạo-vật vậy. Người ta hỏi tạo-vật thế này, tạo-vật đáp lại thế kia, khiến cho người ta lại phải hỏi ra thế khác, tạo-vật cũng lại đáp ra thế khác nữa, càng ngày càng kỳ, càng ngày càng lạ, cứ mãi cho đến vô-cùng.* Vậy thì khoa-học không phải là bởi sự-thực, không phải là bởi tư-tưởng mà thành ra ; thực là bởi tư-tưởng của người ta cùng với sự-thực của tạo-vật giúp lẫn nhau mà làm thành ra, nên khoa-học bao giờ cũng vẫn là chỉ cái hiện-tượng mà thôi. Cái tôn-chỉ trong phép học của ông CLAUDE BERNARD là lấy rằng cái lý của người ta với cái lý của tạo-vật thực là cách xa nhau lắm (2). Về phương-diện ấy thì ông thực là khai đường mở lối cho phái « thực-vụ » (*pragmatisme*) ngày nay.

Sách « Thực-nghiệm-triết-học » (*Cours de Philosophie positive*) của ông AUGUSTE COMTE là một cái công-trình to lớn

(1) Xem *Nam-Phong*, số 9, trang 155-157.

(2) Người ta trong những lúc tự-cao tưởng rằng lấy một cái lý-tính của mình mà thông-quan được cả sự-vật, không biết rằng tạo-vật cũng có cái lý của tạo-vật, có cần gì đến cái lý của người ta. Người ta phải tùy theo sự-thực của tạo-vật, tạo-vật chưa từng tùy theo cái tư-tưởng của người ta bao giờ. Nên các nhà thực-học không hề dự-tưởng về sự-vật, chỉ đợi cho sự-vật phát-hiện ra, rồi nhân đấy mà suy-diễn ra thôi. Muốn lấy lý suy mà nói rằng giời tròn hay đất vuông, thì giời đất có hề gì, giời đất không có bao giờ muốn theo cái ý của ta mà đương tròn hóa ra vuông, đương vuông hóa ra tròn được ! Cho nên nói rằng lý người với lý giời không giống nhau là thế. Người ta cho cái lý của mình phải là khi nào nó tiện cho mình mà thôi.

nhất trong triết-học đời nay. Từ ông COMTE xướng lên cái lý-tưởng rằng các khoa-học phải có trật-tự, bắt đầu tự số-học mà cùng-tận đến xã-hội-học, thì cái lý-tưởng ấy đã thâm-nhập vào trong trí-não ta mà thành một cái chân-lý tuyệt-đối. Tuy cái xã-hội-học của ông có một đôi chỗ ngày nay có thể biện-bác được, nhưng ông thực là đã có công sáng-tạo ra môn học ấy, đặt cho có chương-trình, có phạm-vi, để người sau cứ thế mà theo. Ông cũng là một nhà cải-cách trong tư-tưởng giới như ông SOCRATE ngày xưa, ông cũng lấy cái câu của ông SOCRALE : « Ngươi nên tự biết lấy mình ngươi » (*Connais-toi toi-même*) làm câu châm-ngôn của ông, nhưng ông không dùng câu ấy đối với mỗi người ta, mà lại dùng đối với các xã-hội, lấy rằng cái mục-đích tối-cao của sự học-vấn, nhất là của triết-học, là phải nghiên-cứu cho biết cái cách người ta ăn ở trong xã-hội thế nào. Ông tuy là người khởi-xướng ra cái triết-học gọi là « thực-nghiệm-triết-học » (*positivisme*), ông tuy tự xưng là phản-đối với mọi sự học-vấn siêu-hình, nhưng cái tâm-hồn trí-não ông thực là cái tâm-hồn trí-não một nhà siêu-hình-học, hậu-thế tất cho ông đã phá đổ các thần-thánh, các tôn-giáo cũ là chỉ để lập ra một tôn-giáo mới, đặt ra một vị thần mới là cái thần « Nhân-loại » vậy. Ông yêu mến sùng-trọng loài người ta đến thế là cùng vậy. (1)

Mới xét thì tưởng cái triết-học của ông RENAN (1823 1892) không giống gì với cái triết-học của ông COMTE. Nhưng thực ra thì ông RENAN cũng một lòng thờ nhân-loại như ông COMTE, duy thờ ra một cách khác mà thôi. Ông cảm-hóa người đương-thời một cách rất đằm-thắm mà rất sâu-xa, là bởi nhiều nhẽ. *Một là bởi cái văn-chương ông thực là tuyệt-đích, cái văn-chương ấy không biết có còn gọi là văn-chương được nữa không, vì đọc đến cái văn ấy tựa-hồ như quên cả rằng trong văn có dùng đến nhời đến chữ, mà tưởng như cái tư-tưởng của ông tự nó rót vào cái tư-tưởng của ta vậy.* Lại cái lạc-quan-chủ-nghĩa về lịch-sử (2) của ông cũng là thích-hợp với cái thế-kỷ thứ 19 này, là cái thế-kỷ đã khôi-phục cùng phát-đạt các khoa-học về lịch-sử. Ông nói rằng lịch-sử là để biên-chép cái công tiến-bộ của loài người, sự tiến-bộ ấy từ xưa đến nay không bao giờ dứt, mà từ nay về sau cũng không bao giờ cùng. Ông lại xướng lên rằng sử-học có thể đem mà thay vì triết-học, thay vì tôn-giáo được. Bởi thế mà cái ảnh-hưởng ông trong thế-kỷ thứ 19 này thực là sâu-xa vô cùng vậy.

Có một nhà triết-học nữa, cái ảnh-hưởng ở trong nước Pháp cũng mạnh bằng cái ảnh-hưởng của ông RENAN, mà ở ngoài nước Pháp có lẽ lại mạnh nhiều hơn nữa. Nhà triết-học ấy là ông TAINE (1828-1893). Ông cũng một lòng tín-ngưỡng sự học-vấn, nhất là các môn học về người ta. Ông muốn đem những phương-pháp của nhà bác-vật, nhà lý-học mà dùng về sự học những công-nghiệp của loài người ta, về đường văn-chương, mĩ-thuật, lịch-sử. Ông lại cảm-hóa cái học của các tiền-triết nhiều; ông cũng tin cái lẽ tất-nhiên trong vũ-trụ như ông SPINOZA, ông cũng tin cái sức tư-tưởng của người ta như ông ARISTOTE và ông PLATON ngày xưa. Như thế thì ra ông cũng

(1) Bởi ông sùng-trọng loài người ta như thế, nên ông tin rằng loài người là cái công hoàn-toàn nhất, cái mục-đích tối-cao của Tạo-vật. Cứ nghiên cứu một loài người ta cũng đủ giải được cái lẽ cùng của tạo-vật, còn mượn đến thần-quyền làm chi nữa ? Nhưng ông tự-xưng là không tin thần-quyền, mà ông lại biến nhân-loại thành thần, thì chẳng phải là đặt một cái thần-quyền lối mới ư ? Nên nói ông COMTE tuy là tỏ phái thực-nghiệm mà vẫn là chưa ra khỏi siêu-hình-học.

(2) Lạc-quan-chủ-nghĩa về lịch-sử (*optimisme historique*), là cái chủ nghĩa lấy lịch sử làm cái gương để chứng cho sự tiến-bộ của người ta. Ông RENAN tin loài người có cái sức tiến-bộ vô cùng, nên ông tin cả đến lịch-sử là sự biên chép những công-nghiệp của loài người.

thiên về cái siêu-hình-học cũ. Nhưng ông hạn cái siêu-hình-học ấy trong vòng nhân-loại cùng những việc thuộc về nhân loại mà thôi. Cái học của ông cũng không giống cái học của ông COMTE như cái học ông RENAN. Thế mà người ta thường liệt ông vào phái « thực-nghiệm » cũng như ông RENAN, không phải là không có lẽ vậy. *Vì cái « thực-nghiệm-triết-học » (le positivisme) tuy có thể định-nghĩa ra nhiều cách được, nhưng rút lại cũng chỉ là một sự quan-niệm về thế-giới lấy loài người ta làm trung-tâm* (1). Xét thế thì dù ông COMTE, dù ông RENAN, hay dù ông TAINE cũng cùng có một cái quan-niệm như thế cả, nên tuy không giống nhau mà đều là thuộc về cái « thực-nghiệm-triết-học » vậy.

Ta đã xét cái sinh-lý-triết-học (*philosophie biologique*) với cái xã-hội-triết-học (*philosophie sociale*), trong thế-kỷ thứ 19, một phần nhiều là bởi tinh-thần người Pháp gây dựng lên. Ngoài hai môn học ấy, còn có một môn nữa, riêng cho thế-kỷ thứ 19 này, là môn tâm-lý-học (*psychologie*). Không phải rằng các thế-kỷ trước, nhất là ở nước Pháp, nước Anh cùng đất Ecosse, không đã từng có nhiều nhà tâm-lý-học sâu-sắc. Nhưng mà sự quan-sát về nội-tâm người ta, từ xưa đến nay chỉ chủ xét những cái thường-trạng mà thôi, nên chưa vào sâu được khắp các vùng trong tâm-giới, nhất là cái vùng xa-xôi u-ám gọi là vùng « tiềm-thức » (*subconscience*) (2). Đến thế-kỷ thứ 19 thì tuy vẫn còn giữ cái phép nội-tâm-quan-sát cũ, nhưng lại dùng thêm hai phép nữa: một là cái phép đo-lường của các nhà thí-nghiệm, hai là cái phép thuộc về bệnh-học để nghiên-cứu những sự biến-trạng trong tâm-tinh. Trong hai phép ấy thì phép thứ nhất là phép đo-lường dùng ở nước Đức nhiều hơn cả ; tuy cũng là một phép hay, nhưng cái phần thực ích-lợi cho sự học không được mấy tí. Đến như cái phép thứ nhì là phép thuộc về bệnh-học thì hiện nay đã thành-hiệu được nhiều lắm, sau này còn có nhẽ kết-quả được nhiều hơn nữa. Vậy mà xét ra cái phép sau ấy cũng là căn-nguyên tự nước Pháp, cũng là thịnh-hành nhất ở nước Pháp. Khởi-xướng ra tự mấy nhà y-học Pháp chuyên-môn những bệnh thần-kinh về đầu thế-kỷ thứ 19, đến ông MOREAU DE TOURS thì cái phái tâm-lý-học ấy mới thực là lập-thành, tự bấy đến nay ở nước Pháp vẫn có những bậc danh-sư chuyên-trị, hoặc là nhân bệnh-học mà chuyển sang tâm-lý-học, hoặc là nhân tâm-lý-học mà đổi ra học các bệnh thuộc về tinh-thần. Có mấy nhà trước-danh nên nhớ tên là mấy ông CHARCOT, RIBOT, Pierre JANET, Georges DUMAS.

(Còn nữa) PH. Q. *dịch.*

---

(1) Tiếng tây là *conception anthropocentrique de l'univers*. — Theo cái thực-nghiệm-triết-học thì người ta là giống hoàn-toàn nhất trong thế-giới, phàm quan-niệm về thế-giới phải bắt đầu tự người ta, lấy người ta làm chủ. Nên các nhà triết-học về phái ấy như ông COMTE, ông RENAN, ông TAINE trọng nhất là những khoa-học về người ta, như xã-hội-học, lịch-sử-học, v. v., thực là khác với các nhà triết-học đời trước chỉ bàn về nguyên-lý, bản-thể.

(2) Trong tâm-hồn người ta có hai phần : một phần trên là « ý-thức » (*conscience*, là cái phần cảm biết trong người, gồm những tinh-ý rõ ràng phản minh ; một phần dưới là « tiềm-thức » (*subconscience*) là cái ý-thức ngầm, cái phần gồm những tinh-ý tích-lũy di-truyền, u-ám hỗn-độn, tuy chưa thành-hình mà có sức ngầm rất mạnh. Các nhà tâm-lý-học ngày xưa chỉ nghiên-cứu một cái ý-thức mà thôi. Các nhà ngày nay mới phát-minh ra rằng cái phần ý-thức ấy chưa đủ làm chủ-động cho tâm-tinh người ta, thực chủ-động là cái phần tiềm-thức. Nhưng cái tiềm-thức ấy không dễ mà biết, lúc bình-thường thì nó không lộ ra, chỉ khi bệnh trung mới có thể nghiên-cứu được nó. Bởi thế môn học về các bệnh thần-kinh ngày nay giúp được cho tâm-lý-học nhiều lắm.

VĂN-UYỂN

THƠ VĂN CŨ

Cụ Thượng Trứ

Than nghèo

I

Chửa chán ru mà quấy mãi đây,
Nợ nần dan-díu mấy năm nay.
Mang danh tài sắc cho nên nợ,
Quen thói phong lưu hóa phải vay.
Quân-tử lúc cùng thêm thẹn mặt,
Anh-hùng khi gấp cũng khoanh tay.
Còn giời còn đất còn non nước,
Có nhẽ ta đâu mãi thế này ?

II

Có nhẽ ta đâu mãi thế này,
Non sông lẩn-thẩn mấy thu chầy.
Đã từng tắm gội ơn mưa móc,
Cũng phải xênh-xang hội gió mây.
Hãy quyết phen này xem thử đã,
Song còn tuổi trẻ chịu chi ngay.
Xưa nay xuất xử thường hai lối,
Mãi thế rồi ta sẽ tính đây.

III

Mãi thế rồi ta sẽ tính đây,
Điền-viên thú nọ vẫn xưa nay.
Giang-hồ bạn lữ câu tan hợp,
Tùng cúc anh em cuộc tỉnh say.
Tòa đá Khương-công đôi khóm trúc,
Áo xuân Nghiêm-tử một vai cày.
Thái-bình vũ-trụ càng thong thả,
Chẳng lợi danh chi lại hóa hay.

IV

Chẳng lợi danh chi lại hóa hay,
Chẳng ai phiền lụy chẳng ai rầy.
Ngoài vòng cương-tỏa chân cao thấp,
Trong thú yên-hà mặt tỉnh say.
Liếc mắt coi chơi người lớn bé,
Vểnh râu bàn những chuyện xưa nay.
Của giời giăng gió kho vô-tận,
Cầm hạc tiêu-dao đất nước này.

Cụ Yên-đỗ

Du Ẩn-lão-sơn

Mặt nước nênh-nông nổi một hòn;
Núi già nhưng tiếng vẫn còn non.
Mảnh cây thơ-thớt đầu như trọc,
Ghềnh đá long-lay ngấn chửa mòn.
Một lá về đâu xa thẳm-thẳm,
Nghìn làng trông xuống bé con-con.
Dẫu già đã hẳn hơn ta chửa ?
Chống gậy lần cao bước chửa chồn.

Đăng Long-đội-sơn

Hai mươi năm cũ lại lên đây,
Phong-cảnh nhà chiền vẫn chửa khuây.
Chiếc bóng giăng giời am các quanh,
Mảnh bia thủa trước bề dâu đầy.
Le-te nghìn xóm quanh ba mặt,
Lố-nhố muôn ông lẫn một thầy.
Nghĩ lại bực cho dòng nước chảy ;
Đi đâu mà chảy cả đêm ngày,

Ngũ-thập-ngũ-tự-thọ (1)

Năm mươi nhăm tuổi hãy mừng ta,
Còn bốn mươi nhăm nữa đó mà.
Đội đức hải-sơn ngày tháng rộng,
Ngẫm mình râu tóc tuyết-sương pha.
Cung đàn chị nguyệt dầu yêu trẻ,
Chén rượu làng quê vẫn kính già.
Xiêm-áo cùng chung nhờ lộc nước,
Được riêng mạnh khỏe phúc riêng nhà.

Kiếm-hồ

Bóng tháp lô-nhô lớp sóng cồn,
Dịp cầu nho-nhỏ ghếch sườn non.
Nước trong chưa vẩn tăm thần-kiếm,
Đường rộng còn trơ dấu pháp-môn.
Kim-cổ treo chung tranh thủy-mặc,
Tang-thương chớp nhoáng bóng hoàng-hôn.
Nghìn thu suy thịnh gương còn đó, hỡi.
Coi thử vầng giăng khuyết lại tròn.

---

(1) Bài này của quan Thượng-thư Dương-Khuê.

Đề Nam-âm-thi-tập

Ngả-ngà chén cúc tựa tây-hiên,
Chọt giở nam âm đọc mấy thiên.
Vơ-vẩn tơ vương hồn Đại-Việt,
Thanh-tao thép lột giọng Hàn-Thuyên.
Ngỡ rằng đã chán phường phong-nhã,
Ai biết còn đeo nợ bút nghiên.
Chẳng chữ thời nôm thôi cũng được,
Ấy hay con tự hãy còn duyên.

Vô-danh-thị

Văn-tế cha

(Nghiệp làm thuốc)

Than ôi !

Mưa sa ngàn tử-thảo, giọt cường-thường tuôn bể thảm mênh-mông ;

Gió thổi dặm hồng-hoa, mây đỉnh-hồ đắp thành sầu chất-ngất.

Trên phú-bồn dầu quyết ý hẹp-hòi ; trong cốt-khí biết bao giờ khuây-khuất.

Nhớ thủa ký-sinh nơi trần-cảnh, giữ nghiệp nhà mà nối dấu đao-khuê ;

Từ ngày ích-trí chốn bồng-môn, yên phận-mệnh chỉ chăm bề y-dược.

Dòng hạnh-nhân thêm rạng tiếng cơ-cừu ; lòng hậu-phác đã vững nền âm-chất.

Bài bảo-mệnh ra tay độ-thế, mái non đoài còn đặm khí tráng-sinh ;

Thuốc hoàn-đồng quyết chí điều-nguyên, dải thành-bắc đã lừng hơi khương-hoạt.

Quyết-minh tỏ nghĩa quân-thần ; viễn-chí nhiều phương mưu-lược.

Viên trị-khí giở mùi quốc-lão, chế hoàng-kỳ mà dẹp chúng thiên-ma ;

Bài trừ-tà chọn mặt tướng-quân, đem tế-giác để ngự loài mộc-tặc.

Lũ hài-nhi trinh-nữ cũng nhờ ơn ; kẻ thương-nhĩ bạch-đầu còn mến-đức.

Bỗng thấy sự đời tang-hải, sương in nhà ích-mẫu đầm-đìa ;

Xui nên thời-vận sâm-si, gió lọt trướng phù-dung hiu-hắt.

Ruột khương-tầm dường chín khúc vò tơ ; mộng hồ-điệp những năm canh lần-quất.

Nhà cần-kiệm lo phương hoạt-mệnh, vững can-tràng chống chỏi lúc gieo neo ;

Thủa hàn-vi tìm thế bảo-anh, hết tâm-huyết vỗ-về loài trứng-nước.

Những ước được tròn câu « thiêm thọ », xủ-xỉ qui-giáp cõi đền xuân ;

Nào ngờ chưa chẵn chữ « vi-kỳ », dan-díu tiên-đẳng sông nước nhược.

Chốn thiên-môn đã cách cõi trần-hoàn ; ngày nắng-hạ hãy đương tuần viêm-nhiệt.

Hay thủy-phủ có người lên dậu hiểm, trỏ long-đình rén hạc-tất vào xem ?

Hay thiên-tào cho sứ rước lương-y, vâng phụng-chiếu giục mã-đề thẳng bước ?

Lối sơn-xuyên lộ cách biết đâu chừng ; nỗi phụ-tử tình thâm khôn kể xiết.

Trước đã gặp hồi xao-xác, nghĩ thù ân chưa cạm-toại niềm đan ;

Nay càng cảm nỗi khúc-nhôi, cũng tòng-tục dám nhân-trần lễ bạc.

Ba tuần bạch-tửu khuyên mời ; một triện trầm-hương ngào-ngạt !

VÔ-DANH THỊ

Kính-diễn bài thơ Ngự-chế cho Nam-Phong

Bản-chí từ khi đăng bài thơ Ngự-tứ đến nay, được hải-nội chư-quân-tử gửi những thơ diễn nôm tới rất nhiều. Cái đó cũng là một cớ rằng quốc-dân yêu mến Triều-đình, tôn kính Hoàng-đế, chắc các ngài cũng không phải là vì một phần báo thưởng nhỏ nhen của bản-quán mà dụng công diễn-tả ra những lời văn-tự ấy, lòng các ngài chỉ muốn lấy tâm-huyết mà giãi bày lời Thánh-thượng đó mà thôi. Bản-báo rất là hoan-nghênh lắm. Bài gửi đến nhiều quá, bản-quán hãy xin lựa chọn mươi lăm bài nhận được trước đăng kỳ này, rồi còn từ kỳ sau cứ đăng tên báo lần lượt kỳ hết mới thôi, đợi công-luận xem bài nào hay nhất thời bản-quán sẽ xin gửi phần-thưởng biếu.

BẢN-CHÍ cẩn-khải

* * *

I

Gió huân đưa lại nửa năm vừa,
Một góc giời nam khúc hát ưa.
Sương móc vun giồng mầm giống mới,
Mây mù tan sạch mối sầu xưa.
Sợi tơ vạc Hán tên ghi đó,
Ngòi bút lân Chu nghĩa tỏ chưa ?
Nước biếc non xanh lầu thỏi khắp,
Những đâu ngoan bạc mới nên chừa.

Trước-tác trí-sĩ

Quế-hải NGÔ VI-LÀM

II

Khúc hát Nam-huân giạo bấy lâu,
Tiếng đàn ran khắp cõi Nam-châu.
Móc mưa đem tưới mầm tân-học,
Mây bụi bay tan khối cựu-sầu.
Chân đỉnh tơ giăng nền vững Hán,
Kinh lân bút chép nghĩa vì Châu.
Non sông mát mặt đâu là chẳng,
Nào những người ngoan kẻ bạc đâu !

Tú tài NGUYỄN HỮU-TIẾN

III

Khúc hát Nam-phong mới giở chầu,
Tiếng huyền đã dậy chốn Thần-châu.
Móc mưa đầm thấm nền tân-hóa,
Khói bụi tan bay mối cựu-sầu.
Phù Hán danh thơm tơ một đoạn,
Tôn Chu nghĩa cả bút và câu.
Non cùng nước thẳm lâu dần khắp,
Ngoan bạc xa gần chẳng thiếu đâu.

NGUYỄN ĐỨC-NHUẬN

IV

Giạo khúc Nam-phong mới nửa thâu,
Tiếng giây vang khắp một phương cầu.
Kẻo cơn mưa ngọt vun mầm mới,
Thổi đám mây đen lấp mạch sầu.
Se sợi tơ danh giăng vạc Hán,
Vẫy ngòi bút nghĩa chép kinh Chu.
Non xanh nước biếc đâu là chẳng,
Há một ngoan-phu với bạc-phu ?

NGUYỄN VĂN-HIẾN

V

Gió nồm mới thổi nửa năm thừa,
Dìu dặt cung đàn khắp cõi ưa.
Xanh tốt chồi non mưa móc dượm,
Buồn rầu nỗi cũ khói mây đưa.
Dương-cừu phẳng-phất dây tơ đó ;
Cổn-phủ theo đòi nét bút xưa.
Còn nước còn non còn gió mát,
Kẻ ngoan nên đổi bạc nên chừa.

NGÔ HUY-DU

VI

Mới nửa năm nay gió phải thời,
Hát hay đàn ngọt thỏa lòng người.
Chồi non hòa lẫn mây mưa nhuận,
Sầu cũ tan cùng khói bụi rơi.
Phẳng-phất đài câu tơ kéo vạc,
Phân-minh non nhạc bút thay giời.
Nước non mát mẻ vui vì gió,
Nghe gió ngoan chừa bạc cũng thôi.

NGUYỄN NGỌC-MINH

VII

Vừa nửa năm nay gió thổi ù,
Đàn Nam-phong gẩy tiếng êm rù.
Đưa ngay hóa mới sương dầm thấm,
Quét sạch sầu xưa khói mịt mù.
Cao tiết nắm tơ cầu vạc Hán,
Xuân vương ngọn bút đỡ giường Chu.
Non xanh nước biếc đầy hơi gió,
Chẳng những người ngoan bạc phải tu.

Hà-tĩnh Đốc-học TÔN-THẤT PHÁN

VIII

Vừa thổi Nam-phong được nửa chu,
Tiếng huyền dẫy rẫy một phương cầu.
Đem dần sương móc vun chồi mới,
Quét sạch mây-mù cởi mối sầu.
Chín vạc sợi tơ công giúp Hán,
Kinh Lân ngòi bút nghĩa tôn Chu.
Non xanh nước biếc gần đưa khắp,
Nào những ngoan-phu với bạc-phu.

Trước-tác trí-sĩ

Quế-hải NGÔ VI-LÂM

IX

Khúc Nam vừa giạo nửa năm thừa,
Tiếng dậy phương giời ngọn gió đưa.
Sương móc đượm nhuần vun cành mới,
Khói mây tan-tác phá sầu xưa.
Tơ giàng đỉnh Hán danh còn tỏ,
Bút chép kinh Lân nết vẫn ưa.
Nước biếc non xanh dâu chẳng tới,
Lọt tai ngoan bạc há không chừa?

Nhuệ-giang VŨ TIỀU-KHUÊ

X

Gẩy khúc Nam-phong mới nửa thu,
Tiếng đàn nghe dậy khắp Giao-châu.
Kéo cơn mưa ngọt vun màu đẹp,
Tan đám mây che sạch mối sầu.
Danh-giá Nghiêm-Lăng tơ giúp Hán,
Quyền-hành Phu-tử bút tôn Chu.
Non xanh nước biếc đưa dần khắp,
Chẳng những ngoan tham cảm-hóa đâu.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO

XI

Giạo khúc Nam-phong mới nửa thu,
Tiếng giầy giéo giắt một phương cầu.
Sới đem móc trắng vun màu tốt,
Thổi sạch mây đen phá khối sầu.
Danh ở tơ Đồng giàng vạc Hán,
Nghĩa còn bút Khổng chép lân Chu.
Non xanh nước biếc lâu dần khắp,
Há những ngoan-phu với bạc-phu.

GIỤ-LONG

XII

Khéo đem khúc hát lựa đường tơ,
Nức tiếng giời Nam ngọn gió đưa.
Mưa ngọt tưới vun chồi nhỏ tốt,
Mây vần thổi tán mối sầu xưa.
Tơ chẳng vạc Hán tên còn đó,
Bút chép kinh Lân nghĩa chẳng ngờ.
Khắp nước non này nghe gió ấy,
Há còn dỗ-dại há còn mơ!

HOÀNG MẠNH-TUYÊN.

XIII

Vừa gẩy Nam-phong mới nửa chương,
Phương giời giéo giắt tiếng tơ vang.
Mưa nhuần móc thấm nền tân-hóa,
Khói cuốn mây tan khối đoạn trường.
Vạc Hán công cao tơ để tiếng,
Lân Chu nghĩa cả bút làm gương.
Non sông phong-hóa dần bay khắp,
Ngoan bạc còn đâu thói bất-lương.

TRẦN QUỐC-BÌNH.

XIV

Vừa nửa năm giời gió giục mau,
Khúc nam-huân dậy góc hoàn cầu.
Đưa sương móc lại vun mầu tốt,
Tản khói mây đi rẽ tấm sầu.
Chân đỉnh tơ giàng công giúp Hán,
Kinh lân bút chép nghĩa tôn Chu.
Non sông hớn hở hơi nồm thổi,
Há những người ngoan kẻ bạc đâu!

ĐỖ ĐỨC-ĐẠT.

(Bản-quán còn tiếp được nhiều bài dịch nữa sẽ lựa đăng dần sau)

Thơ cung-kỷ Ngự-giá Bắc-tuần

Ngày Thuấn mừng trùng-đán,
Năm Nghiêu hát cửu-như.
Tôi con cùng đất nước,
Kỷ-nghiệp một đồ-dư.
Dạo cảnh vui lòng Thánh,
Giao tình giữ ước-thư.
Trăm quan qui giá-ngọc,
Muôn họ rước cờ giư.
Gió thổi mây bay quạt,
Hương lồng khói quẩn lư.
Xem dân trong ruộng đất,
Hỏi tục ở thơ tư.
Cõi Việt chung mưa móc,
Giời Nam một quĩ sơ.
Tôi đành yên phận nhỏ,
Lòng mến buổi kinh-sư.

Trước tác trí-sĩ.

Quế-hải NGÔ VI-LÂM.

Mừng ngự-giá Bắc-tuần

Hai mươi năm trước đến bây giờ,
Dân Bắc-kỳ ta lại thấy Vua.
Tám tỉnh quan-phong rừng kiếm bội
Mười hôm nghênh-giá rợp tàn cờ.
Công-thương pháp-luật mừng nay mới,
Thành-quách non-sông chẳng khác xưa
Ân-điển thịnh triều lâu lại gặp,
Cố-đô đều thỏa bụng mong chờ.

Nghĩa-viên NGUYỄN VĂN-ĐÀO
Trí-huyện Hưng-nhân
(Thái-Bình)

Cung chúc Hoàng-thượng bắc-tuần

Đời người mấy lúc gặp Vua ra,
Mừng rỡ dua chen khắp trẻ già.
Mưa gió dù pha Âu-Mĩ mới,
Uy-nghi vẫn thấy nước non nhà.
Màu cờ bay lẫn màu dương-liễu,
Tiếng trống vang lừng tiếng khải ca.
Du-dự ngửa trông khơi lượng bể,
Ân-ba đầm thấm khắp gần xa.

NGÔ HUY-LINH
Ký-lục Tòa-án (Haiphong)

THƠ VĂN MỚI

Vịnh sử

NGUYỄN-TRÃI

Ông TRÃI *người làng Nhị-khê, huyện Thượng-phúc, nghe vua* LÊ-TỔ *dấy binh, ông ấy trượng sách yết ngài ở sông Lỗi-giang (tức là sông Mã bây giờ), trước hết dâng một bài sách* Bình-Ngô, *ngài lấy làm khen, từ đó mà đi nhiều điều mưu-hoạch, trong quân bao nhiêu từ-ngữ đều ở tay ông* TRÃI *làm cả. Kể trong công việc mười năm bình-định, thì là một kẻ công-thần đệ-nhất ; đến sau ông* TRÃI *đã già, về ở núi Côn-sơn, vì chưng phải con hầu tên là* THỊ-LỘ *vào hầu vua* LÊ THÁI-TÔN, *vua bị bệnh mà mất, người ta nói rằng nó là con yêu rắn báo lại cho ông ấy, vậy nên chi phải tội, ai nấy cũng lấy làm oan !*

I

Rồng mây gặp gỡ thủa trần-ai,
Trượng sách *bình-ngô* hiến một bài.
Văn-tự khác người bày tám vế,
Giang-sơn cùng chúa gánh hai vai.
Non xanh bạn cũ đành vui thú,
Mà phấn yêu đâu khéo hại đời.
Miệng đọc cáo [1] này tay tính đốt.
Năm trăm vận hội sẽ sinh tài.

II

Nước non không cạn, đá không mòn,
Bài cáo *bình-ngô* chữ hãy còn.
Sự-nghiệp văn-chương hai gánh nhớn,
Tình-duyên oan trái một hầu non.

(1) Bài đại-cáo là ông TRÃI làm.

Ong cuồng trách kẻ dâng hoa rữa,
Rắn độc ngờ đâu bán chiếu gon.
Nếu biết một đêm vườn Lệ thế,
Trăm năm đầu bạc với môi son.

*
* *

Mạc Đăng-Dong

Đăng-Dong người ở Cổ-trai, ông bầy đời là Mạc Đĩnh-Chi đỗ Trạng-nguyên đời nhà Trần, trước ở làng Đông-cao huyện Bình-hà. Đăng-Dong nhà nghèo, chỉ làm nghề đánh cá, nhưng mà có sức mạnh, thi đỗ Đô-lực-sĩ, đời vua Uy-mục-đế, đã làm đến Đô-chỉ-huy-sứ, đời vua Tương-Dực phong làm Vũ-xuyên-bá, đến đời vua Cung-đế, tiếm lên làm vua, sợ vì lòng người ta nhớ nhà Lê, nên cho các việc đều giữ phép-tắc nhà Lê, rồi lại lục dụng các quan công-thần, nhưng mà kẻ thì trốn vào trong rừng, người thì lánh ra ngoại-quốc, cũng có kẻ thì đổi họ đổi tên, nghĩa là không ai phục tòng vậy. Bèn cho người sang nói dối với nhà Minh rằng nhà Lê đã tuyệt rồi, giao quyền lại cho nhà Mạc, xin quyền coi việc nước ta và xin dâng đất châu Qui, châu Thuận, và các đồ vàng bạc. Nhà Minh phong cho Đăng-Dong làm chức Đô-thống-sứ nước An-nam, không được phong vương như khi trước nữa. Lúc ấy những cựu-thần nhà Lê như Trịnh-Ngung, Trịnh-Ngang trốn sang kêu với nhà Minh ; bởi vì nhà Mạc đem của cải cho quan nhà Minh, nên chi nhà Minh cũng bỏ lời đi, hai người chết ở nước Tàu cả. Đăng-Dong tiếm ngôi được ba năm, truyền ngôi cho con là Đăng-Doanh, đổi niên-hiệu là *Đại-chính*, buổi ấy nước Nam ta đã là thuộc về nhà Mạc rồi, vì chưng Đăng-Dong đã phạm vào tội thoán-nghịch, và cha con Đăng-Dong làm vua mới được sáu năm, thời vua đời Hậu-Lê là vua Trang-tôn đã nối dòng dõi mà trung-hưng, nên chi theo dòng nhà Lê mà chép, rồi phụ việc nhà Mạc vào sau vậy.

I

Than rằng : Vẫn nghề đánh cá, gặp vận hóa rồng. Lòng gian đã quen thói trộm đồ, sức mạnh cũng ngừa nghề thi vật, Và trăm dặm dâng châu Qui Thuận, trông non sông mà thẹn mặt muôn đời. Tám mươi năm giữ đất Cao-bình, dù vua chúa cũng nhọc lòng một góc.

II

Xem đây mới biết sự đời,
Những quân thoán-nghịch dễ ai phục lòng.
Thả mồi rỉ cá mặc lòng,
Ếch vồ hoa bụt cũng không người nào.

Thái-tử-thiếu-bảo, hiệp-tá-đại-học-sĩ
Quất-tầu Dương Mộng-Thạch
(Nguyễn Mạnh-Bổng *phụng-lục*).

Đề ấp Thắng-viên

Lũy dài ai đắp tự năm nào,
Ấp Thắng-viên ta rộng biết bao.
Cỗi đức tổ bồi sau được ấm,
Nền nhân gây dựng trước thêm cao.
Chiều nương bóng trúc thương làng Lệ,
Sớm dạo hồ sen nhớ lối Đào.
Quen việc nông tang xem cũng thú,
Giang-sơn có ước với anh-hào.

Hiệp tá đại-học-sĩ trí-sĩ Mỹ-hòa tử
Huỳnh Côn

Họa vần đề ấp Thắng-viên

Đào-nguyên lúc trước ở nơi nào,
Quanh lũy rầy xem suối nước bao.
Vườn chật bóng cây thường dải mát,
Lầu nhân đỉnh núi mới thêm cao.
Sau này quả phúc nhờ vun quén,
Kia nọ tràng danh mặc xát xao.
Lượm lặt lời quê xin gởi lại,
Phong lưu đâu dám gọi thi-hào.

Trưởng-tử Mai-thôn
Huỳnh Châu-Tích
Diên-khánh-phủ Tri-phủ.

Soi gương nói chuyện với bóng

Ta ngỡ rằng ai chẳng hóa mình,
Mặt càng nhìn mặt lại càng xinh.
Khi cười thân-thế câu chân-lạc,
Lúc khóc trần-ai nỗi bất-bình.
Mở mặt giang san ngần ngại bóng,
Trâu mày hoa thảo ngẫn ngơ tình.
Nỗi niềm tâm-sự cùng ai nói,
Mình biết cho ta ta biết mình.

Nhớ gửi cho anh Tùng-vân-trai

Ngo-ngẩn chiều hôm những nhớ ai,
Nhớ ai chăng nhớ bác Tùng-trai.
Non cao nước chảy cung đàn vắng,
Mây tối cây xuân giấc mộng dài.
Man-mác cỏ hoa tình cảm-biệt,
Bâng-khuâng giăng gió cảnh hoài giai.
Nửa tình nửa cảnh cùng ai nói,
Gửi dặm trường-đình nhắn một hai.

Liễu-viên Dương Mạnh-Huy.

Có tiền mua tiên cũng được

Chẳng lọ là hay chẳng lọ hèn,
Có tiền mua được cả nàng tiên.
Vô vàn trong túi đầy gang bạc,
Phấp phới trên giời phải kết duyên.
Lơ lửng cung mây khoe vẻ ngọc,
Mê man gác tía ngửi hơi tiền.
Nghĩ tiên là quỉ ma không quỉ,
Trông thấy tiền người lối mắt lên.

Khánh-vân Tô Trinh

Họa thơ vịnh Đường-Minh-Hoàng

Can chi dỗ tội giá nghiêng thành,
Nhi-nữ người ai chả nặng tình.
Ví chẳng lòng son tin dạ thú,
Có đâu lụa trắng bận người tinh.
Long đong nọn Thục cồng kêu vắng,
Vắng vẻ vườn Lê cỏ mọc xanh.
Hoa nở liền tay tay nỡ ngắt,
Liền cành không thẹn lúc đinh ninh.

Vịnh đời người

I

Ngẫm kiếp người ta cũng nực cười,
Bắt đầu nguyên có bộ xương thôi.
Biết bao bù đập bao vung phí,
Đến lúc giơ xương lại giả giời.

II

Đến lúc giơ xương lại giả giời,
Còn chi gầy béo chị em ơi.
Biết thân vay mượn sau đành giả,
Còn ở tay mình cẳng cứ chơi.

III

Còn ở tay mình cẳng cứ chơi,
Tha hồ năm sáu chín mười mươi.
Nợ ai giả sớm yên thân sớm,
Càng chịu càng thêm lắm tội đời.

IV

Càng chịu càng thêm lắm tội đời,
Giả buồn thà chẳng lúc vay tươi.
Giả vay vay giả luôn hồi mãi,
Chẳng thiệt thòi chi cũng chẳng lời.

Mai-khê Ngô Thúc-Tử

Bài hát đánh đu bát-tiên ở hội Hùng-vương kỷ-niệm

Mùng mười trong tiết tháng ba,
Là ngày giỗ tổ nước nhà Đại-Nam.
Hai mươi nhăm triệu da vàng,
Cùng là dòng dõi Hồng-bàng mà ra.
Giai lành gái tốt gần xa,
Đu-tiên lơ lửng tiếng ca dịu dàng.
Mừng nay bốn bể an nhàn,
Ái ân hai nước ta càng ra thân.
Vui mừng muôn họ trăm dân,
Ngựa xe như nước áo quần như nêm.
Năm năm nhớ hội chùa Đền [1],
Nhớ cha rồng với mẹ tiên lâu dài.
Dặn rằng ai chớ quên ai!

Đông-giang Phạm Hi-Nguyên

Sắm ả-đào anh giầy thép

Đi thì chẳng, chúng anh đây chỉ những đi thì chẳng, bốn phương giăng gió đố ai dằng cho ra. Mang giầy chăng khắp sơn hà, ông Thiên-lôi-xám chúng anh cũng chẳng tha ra nào. Biết bao tin tức xôn xao, sự đời hay dở mới lọt vào trong tay. Điều hay thì bảo cho hay!

Nguyễn Kế-Khoa

[1] Người ở tỉnh Phú-thọ vẫn gọi đền Hùng chùa Đền.

THƠ VĂN ĐÀN-BÀ

Hoạ bài đề ấp Thắng-viên của cụ Huỳnh-Côn

Ấp này gây dựng tự năm nào,
Công nghiệp làm nên kể xiết bao.
Thích chí trong veo dòng nước biếc,
Vui nhàn chót vót đỉnh non cao.
Đường liền bóng trúc thường râm mát,
Lầu thoảng hơi sen vị ngọt ngào.
Vườn sỏi non Kim nay gặp chủ,
Đất linh rồi cũng trỗ anh hào.

Vũ-thị Phú-Cơ
nguyên Hiệp-tá đại-học-sĩ
Mỹ-hòa-tử Chánh-thất

Đề sách Luân-lý

Non sông tính lẻ bốn nghìn thâu,
Mừng gặp ngày nay hội Á Âu.
Đôi chữ hiếu trung ghi tạc dạ,
Mấy lời luân-lý nhủ khuyên nhau.
Dân không nết xấu thì dân mạnh,
Nước có văn hay ấy nước giàu.
Con cháu tiên rồng nền nếp cũ,
Sao cho tỏ mặt với năm châu.

Nguyễn Thị-Quỳnh

VĂN XUÔI

Bài tựa sách Quốc-túy của quan đốc Ngô Thanh-Uyên

Ngọc lành ở tay ta, vì chẳng mảng nhẽ đâu biết ngọc; đèn ai rạng nhà ấy, từng tối tăm xin chớ phụ đèn. Nay tôi xin kể truyện nước Nam ta từ trước, chỉ có tiếng nôm, vốn không chữ học. Sách Sĩ-Nhiếp đem sang đời Hán, sách cắt nghĩa mới là nôm; thơ Nguyễn-Thuyên chép lại nhà Trần, thơ viết nôm thì khác chữ. Rồi ra bể thánh khơi dần, trường vua mở rộng; nôm dẫu có truyện này truyện khác, cha mách quê xem dẻ bùn ao; chữ thêm nhiều quấn nọ quấn kia, con nhà tông càng đông hội chợ. Cứ theo mãi nhà trò giữ dịp, mẹ hát con khen; chẳng biết thì thợ vụng mất kim, thầy nào tớ ấy. Tấp tểnh những thi thiên phú bách, khôn văn tế, dại văn bia; tranh dành nhau pháo bảy mã ba, thua cuộc này bày cuộc khác. Thảo hèn nào đường đi một bước, coi xa xăm tam thập lục đèo; sự vẫn ngoài tai, nghe choáng loạng mười hai con mắt. Này hãy xem kẻ chợ nhà quê, đàn bà con trẻ; điều hơn điều thiệt, nhẽ phải nhẽ chăng; dẫu ai tám vạn trí khôn, đố câu nào bỏ được; này của trăm nghìn năm trước, biết giá mấy mà mua. Phương chi bây giờ đổi cách văn-minh, bỏ đường mọi rợ; sách tây dạy theo bài Quốc-ngữ, dịch tiếng nôm cho dễ dễ nghe; nước Nam ta định lối trường-qui, nhiều chữ học cũng là phải biết. Thời buổi nào kỷ-cương ấy, quan cứ lệnh lính cứ truyền; anh em trước làng nước sau, ăn trông nồi ngồi trông hướng. May khéo gặp có quan nhà học, chữ nho xưa sẵn nếp gia truyền, lại nhặt trong những tiếng nước mình, sách nôm đặt là tên Quốc-túy. Chia sẵn từng chương từng mục, thực xét chưng chúng khẩu đồng từ; phỏng còn câu được câu chăng, không đến nỗi tam sao thất bản. Áo bả gặp ngày hội, của dẻ xin đừng bảo của ôi; thức lâu biết đêm dài, người tỉnh phải nhắc cho người mệt. Bởi vì trước thấy bở thì đào, thấy bùi làm mãi; bẻ thước mà đo núi Sở, ngồi trông chừng mấy nước buồn tênh; gánh vàng đem đổ sông Ngô, nắm nghĩ lại dặn dò quên hết! Thử tỉnh lại mà xem đường tắt đi gần, đò ngang tiền tốn; trèo non ngày mấy lúc, lấy chi mà đẹp mà dòn; tắm ao nước nhà ta, mặc sức dù trong dù đục. Chót đã dắt nhau xuống giếng, muốn sang thì phải bắc cầu; kể chi trở củi về rừng, năng nhặt thì hay chặt bị. Xin ta lại bảo ta, chuông không đánh sao kêu, dao hay mài thời

sắc; sáu mặt chia ra sáu chữ, con quay theo mặt ngả là hơn; hai tay vin cả hai cành, quả chín sẵn tay cầm thì bẻ. Thế mới gọi phất cờ lựa gió, chiều bắc qua nay giở chiều nồm; dã sẵn dây may, túi đựng vàng, một đồng của thực công một nén.

Cử-nhân NGUYỄN KỲ-NAM

Cái sầu

Sầu không có hình, không có sự, mà sao gọi là cái được? Sầu không có hình mà cái hình ở người sầu, sầu không có sự mà cái sự ở lòng người sầu. Thế thì gọi là cái cũng nên.

Sầu có nhiều hạng: Hoặc là anh em vợ con, hoặc là bạn bè, hoặc là trai gái, lúc ở cùng nhau, quen hơi quen tiếng, coi nhau như xương thịt, kết nhau như keo sơn. Vì ai xui nên, chim trời mặt biển, kẻ trông cuối bến, người chờ đầu gành, mưa gió ba thu, nhớ nhau đằng-đẵng. Ấy một hạng sầu, gọi là *ly-sầu*. — Một mình đi ra, quê người đất-khách, thân-thích chẳng có, cửa nhà chi đây, chẳng biết công-danh ở nơi nào, vì tìm mãi nó mà lần đường lạc lối, quay đầu cố-hương, bao giờ về được! Ấy một hạng sầu, gọi là *kỷ-sầu*. — Mình mang lấy tài, không gặp người tri-kỷ, nói không ai nghe, làm không ai giúp, đi buôn lỗ vốn, làm ruộng mất mùa, vào quán bị quản lừa, lên chùa bị sư gạt, phong trần bơ vơ, ít nữa mươi mười lăm năm, nhiều cũng đôi ba mươi năm cho đến trót đời, dưới đất trên giời, ta là ai tá? Ấy lại là một hạng sầu, gọi là *cùng-sầu*. — Chi như: thân không đến nỗi cùng khổ, cảnh không đến nỗi bần tiện, chưa nếm mùi ly-biệt, chưa làm khách giang-hồ, không cần gì với đời, có đâu thất vọng, không thủ-hiểm ai, sợ chi báo-phục. Thế mà: hờn giời, trách người, nhớ xưa thương nay; tính gần lo xa, thở dài than vắn. Vui đó, buồn đó, cười đó khóc đó. Tại cớ gì? hỏi ai, ai chẳng biết; hỏi mình, mình cũng chẳng biết. Ấy lại là một hạng sầu nữa, gọi là *nhan sầu*.

Sầu nhiều hạng, mà người ta ai cũng có cái sầu. Hễ không đúng vào mấy hạng trên, thì lại sầu riêng mấy hạng khác: Mười chín, hai mươi tuổi đầu, lứa đôi chưa có, nằm nghĩ mà sầu. Thân ta già rồi, hầu non con dại, ngồi nghĩ mà sầu. Được bữa mai, bữa chiều chưa có, ta sầu cho ta. Đã đầy rồi, còn cố nhận vào cho tràn ra, ta sầu cho đời. Dẫu lợi hại khác nhau, tư-tưởng khác nhau, nên sầu không giống nhau, nhưng ai cũng có cái sầu cả, ai cũng là người sầu cả.

Ai cũng sầu ai cũng muốn giải sầu. Giải sầu có lắm cách: Non cao nước biếc, mượn cảnh khuây tình; đàn ngọt hát hay, êm tai hả dạ. Câu thơ để ngâm sầu; chén rượu để phá sầu; nói chuyện nhảm, đi chơi dong, cũng là cách liều sầu của bọn kiết. — Thế là thiên-hạ nhầm cả! Xin hỏi những người toan giải sầu, có giải được không? Chắc ai cũng chịu là giải không được. Ừ! phải rồi! Vì cái sầu là cái không có thể giải được, nếu giải được thì không phải là cái sầu. Vì người ta ai cũng có một phần sầu, nếu mình giải đi thì trút cho ai? Vì người ta sống là nhờ cái sầu, nếu giải đi thì còn nhờ đâu mà sống? Thế thì sầu không thể giải mà cũng không nên giải.

Ta thử xem loài vật: cả ngày kiếm ăn, tối lại kiếm chỗ ngủ. Ăn no ngủ thẳng giấc, cạnh vườn xó bếp, đầy nước cành cây, tha hồ mà thích, có cái gì là sầu. Ta lọt lòng ra đã biết cái chết là khổ bao nhiêu, mà con lợn con gà chỉ đến khi chết mới biết; có con chết vội quá mà không kịp biết. Cho nên cái thế-giới của loài vật, thực là cái thế-giới vô-sầu mà cũng là cái thế-giới tối-hạ.

Loài người thì không thế. Người ta có ai đoán được rằng lúc ta chưa sinh ra là ta có ý sinh ra không? Hay là cha mẹ ta có ý sinh ta ra không? Thực là ta sinh ra ta mới biết có ta, cha mẹ ta sinh ra không phải bởi ý ta, cũng không phải bởi ý một người nào. Thực là ta sinh ra bởi cớ bất-đắc-dĩ. Cho nên lúc ta mới sinh ra đã khóc, tiếng khóc ấy là một cái biểu-hiệu tỏ ra rằng suốt cả đời ta phải sầu. Dần-dần lớn lên, tự biết mình đã bất-đắc-dĩ mà sinh ra, phải tìm cách bất-đắc-dĩ để mà sống. Thử nghĩ cho kỹ xem: giàu sang, danh-tiếng là những sự sướng thích của mọi người, nhưng lúc đầu khởi-niệm ra chỉ vì một cớ bất-đắc-dĩ. Vì muốn cho giàu sang, danh tiếng thì phải cực lòng nhọc sức, đua chen với đời. Đã đua chen thì tất có hơn, thua, được, mất. Không kể vì thua với mất mà mới có sầu, dầu hơn và được nữa, nhưng đã có đua chen, đã có cực lòng nhọc sức, thì mọi hạng sầu bởi đó mà sinh ra. Nào những thế thôi, lúc đã hơn đã được rồi, chưa chắc là hết sầu, bởi lòng người ta hay ham muốn, không bao giờ thấy no đủ, mà trong lòng không thấy no đủ thì cái sầu cứ còn mãi.

Thế thì vì sự đua chen ham muốn mà làm cho cái thân người cả đời ở trong cảnh sầu! Nhưng không thế, không được. Thế-giới của người không phải như thế-giới của vật. Người ta bất-đắc-dĩ mà sinh, bất-đắc-dĩ mà sống, thì thế-giới của người cũng bất-đắc-dĩ mà có, bất-đắc-dĩ mà còn. Nếu người ta không đua chen, không ham muốn, thì loài người đã diệt đi, thế-giới đã hoại đi từ đời nào; dẫu còn lại cũng khó mà tranh nhau với cái thế-giới tối-hạ. Nhờ loài người có đua chen, có ham muốn, mà thế-giới lại càng vẻ-vang mãi, lại càng vững bền thêm. Nói tóm lại, người ta đã bất-đắc-dĩ mà sống, thì ai cũng muốn cho được sướng thích. Ai nấy muốn đều được sướng thích, thì tất có sầu; ai nấy đều có sầu thì tất có sướng thích, mà thế-giới phát-đạt là nhờ đấy. Thế thì cái sầu lại là cái gì?

Ôi! trời có bốn mùa mà chỉ một mùa xuân là vui. Trên mặt quả đất, non sông hoa cỏ vui vẻ biết bao mà trong ruột vẫn nóng. Mở lịch-sử ra xem, từ xưa đến nay là một cái khoảng dài phiền-não. Lên núi cao trông xuống, sáu châu năm bể, là một cái vùng rộng tiêu-điều. Thế mà trời đất nhờ đấy mà còn được mãi; thế-giới nhờ đấy mà còn được mãi. Cái sầu có phụ chi ai!

CHƯƠNG-DÂN

Mưa dầm

Không có cái gì vui bằng mưa dầm, mà cũng không có cái gì buồn bằng mưa dầm; không có cái gì sướng hơn mưa dầm, mà cũng không có cái gì khổ hơn mưa dầm.

Cũng là mưa dầm, mà sao lại có cảnh vui, cảnh buồn, cảnh sướng, cảnh khổ khác nhau như vậy? Há tại cảnh mưa dầm nó làm được cho người ta vui, người ta buồn, người ta sướng, người ta khổ thế ru? Thiệt bởi cảnh-ngộ của con người ta cảm-xúc mà thành ra vậy.

Này như kẻ làm việc quan, gặp độ mưa dầm, công-đường rảnh việc, ngồi trong tư-thất, xum họp vợ con, cậu nọ mợ kia, tổ tôm tài bàn, suốt ngày suốt buổi, kẻ hầu người hạ, chạy trước chạy sau, nước dẫn cơm hầu, của ngon vật lạ, trẻ làu dấp giọng, thuốc lá cắm hơi, chuyện chuyện trò trò, cười cười nói nói; thế thì mưa dầm thật sướng mà thật vui!

Như người giầu có, gặp khi mưa dầm, khi giời mát mẻ, khách khứa ít vào, cửa nhà đỡ rộn, mở hòm mở tủ, kiểm bạc kiểm tiền, rồi thời rồi giờ, tính công tính nợ, ông be rượu cúc, bà

chén chè sen, nhà dột không lo, đường lầy mặc kệ ; mưa dầm thế cũng thật sướng mà thật vui !

Như người văn-sĩ, gặp buổi mưa dầm, năm ba người bạn, họp mặt tri-âm, chén rượu câu thơ, cuộc cờ vần kiệu, rung đùi nói một và câu chuyện phiếm, lên mặt bàn dặt những sự cao xa, giời tối mặc giời, đất lầm mặc đất, tiêu-giao hết buổi, yên-ổn tự-nhiên ; mưa dầm thế cũng thật sướng mà thật vui !

Như nhà làm ruộng, cấy cày mấy độ, nắng lửa dãi dầu, công việc vừa xong, mưa dầm sực tới, lúa đồng xanh tốt, thóc cót đầy khê, ruộng cạn không lo, mạ úa không ngại, ngô rang chộn mật, cơm nếp đậu đen, cầy béo rượu ngon, anh em xóm mạc, vợ con xum họp, nhà cửa linh-đình ; thế thì mưa dầm cũng vui sướng thật !

Lại như những người làm thợ, kẻ đi buôn, gặp ngày mưa dầm, nghỉ chán nghỉ tay, họp phường họp bạn, chén chè chén rượu, bỗ khi nước mắt mồ hôi, chuyện xa chuyện gần, thỏa lúc đầu sông ngọn suối ; mưa dầm thế cũng thật sướng mà thật vui !

Đến như những người bể hoạn mênh mông, quan san nghìn dặm, gốc phần xa cách, vò-vọ một thân, gặp cảnh mưa dầm, ra lầy vó ngựa, vào ướt bánh xe, gội tuyết tắm mưa, bên giời góc bể, rồi mà động lòng tha-hương cố-quốc, đường đi lối lại ngổn ngang, nghĩ ra ngõ lợi đường danh, gót mỏi chân chồn chán ngán ; như thế thời mưa dầm thiệt buồn !

Những nhà của ăn căn để, thóc đống tiền nươm, kẻ giả người vay, ra vào rộn rịp, gặp cảnh mưa dầm, vật biếu thưa vào, người qua ít thấy, rồi mà ăn xong lại ngủ, xuốt ngày dù dù trong nhà, ngồi chán lại nằm, ngắm cảnh rầu rầu mất thú ; như thế thời mưa dầm cũng buồn !

Lại còn những kẻ đi buôn đi bán, gặp cảnh mưa dầm mà đến nỗi hàng hóa không tiêu, mất cả lời này lời khác, tháng ngày ngồi rồi, ăn vào bạc vốn tiền lương ; những người làm ruộng làm nương, gặp cảnh mưa dầm, mà đến nỗi lúa mầu ngập lụt, chan hoa ruộng nọ bãi kia, đường xá bùn lầy, ra vào đầu ráo áo ướt ; thậm chí, những cảnh gạo hũ vừa khan, chạy bắc chạy đông chưa đặng, củi đun bị ướt, mớ tắt mớ đỏ nhập nhèm, con trẻ cằn nhằn, cha già gắt gỏng ; như thế thời cảnh mưa dầm lại càng buồn và càng khổ lắm !

Nhưng mà các cái cảnh buồn cảnh khổ như vậy, còn là những cảnh hiện ở bề ngoài, thiển mà dễ biết. Chưa bằng những bậc sẵn lòng đa cảm, ngó thấy mây sầu mờ mịt, âm thầm gợi mối sầu riêng ; những người sẵn món đa sầu, động trông mưa thảm dầm dìa, dàm đăm trạnh niềm thảm thiết ; rồi mà ngửa cổ ngóng giời, ngâm thơ Đỗ-Phủ, dẫm chân dẫn đất, đọc phú *Ly-tao*, hát ra giọng sầu, cười ra tiếng khóc, bút thần cũng không tả rõ, thợ khéo cũng khó vẽ ra, buồn thế mới gọi là buồn, khổ thế mới biết là khổ !

Than ôi ! Mưa dầm là cái cảnh thế nào mà nó khiến cho người ta cảm-xúc khác nhau vậy ! Nói đến lẽ, thời mưa dầm nó vốn không phải là cảnh vui, cũng không hẳn là cảnh buồn, không phải là làm cho người ta sướng, cũng không phải là làm cho người ta khổ. Chẳng qua chỉ vì sẵn cảnh vui sướng, thời dẫu gặp mưa sầu gió thảm, hễ chi đau đớn đến mình ; sẵn cảnh buồn rầu, thời gặp mây tối mưa mù tự khắc cảm thương đến dạ, đó thôi.

Tuy vậy, mưa dầm khiến cho người ta buồn khổ thường nhiều, mà khiến cho người ta vui sướng thường ít. Coi lúc mưa dầm, thời giời đất âm thầm, giăng sao mờ mịt, rồi non sông vì đó mà nhạt vẻ, cây cỏ vì đó mà kém tươi,

chim muông vì đó mà ủ ê, người ta cũng vì đó mà rầu-rĩ. Tục-ngữ có câu rằng : « Đại-hạn trăm ngày không tầy mưa dầm một cữ. » Cho biết xưa nay cảnh buồn cảnh khổ vẫn thường hay sinh ra trong lúc mưa dầm.

Độ này, âm khí nặng nề, mưa dầm xi xụt, đường xá lầy chơn, lúa mầu ngập lụt, kể ra than giời, người vào kêu đất, phong-cảnh như vậy, phỏng còn gì buồn hơn nữa chăng ! Có người bảo rằng : tối mãi có lúc sáng ra, mưa lâu có ngày nắng lại, lý thế chắc vậy, can gì buồn ? Nhưng ghét vì mưa quá ! Vậy cầm bút chép bài mưa dầm.

ĐÀM-XUYÊN.

Thưởng sen hồ Tây

Hồ Tây sản sen, năm năm cứ đến đầu hè, thời lá mới mọc đầy, nghìn vạn lọng xanh phấp phới, hoa vừa nở chiếng, năm ba bông trắng nhấp nhô. Mặt nước phô mầu, rực rỡ cảnh hồ thêm vẻ, gió nồm đưa mát, dập dìu gót khách tìm hương.

Trung tuần tháng tư, năm *mậu-ngọ*, giời mới sang hè, khí còn hòa, mưa mới tạnh, mành tương phần phật, gió huân thổi lại như đàn, án tuyết thảnh thơi, áo lụa bay lên tựa múa, thích ý quá, muốn đi chơi, đang ngồi nghĩ kiếm chỗ chơi, chưa được. Chợt có một ông khách lại, rủ đi chơi ! — Hỏi : Đi chơi chỗ nào cho thú ? — Ông khách rằng : Thú nhất hồ Tây. — Hỏi : Chơi hồ Tây có cái gì thú ? — Ông khách rằng : Có sen thú ! — Thưa rằng : Ờ, ờ ! phải, phải !, thú thật ! Giời gió mát như vậy, đứng trên bờ hồ, mà hóng hơi sen đưa lên, như thế thời thú thật ! Nhưng mà muốn chơi sen, thời hồ Bầy-mẫu, hồ Hoàn-kiếm chẳng được ư ? Can gì mà phải đến tận hồ Tây ! — Ông khách cười rằng : Thế thời anh còn quê thật, biết chơi hoa mà chưa sành ! Hồ Bầy-mẫu không phải là chỗ đất danh-thắng, hồ Hoàn-kiếm là một nơi huyên-náo. Nơi huyên-náo quá, thời dẫu có hoa thơm cũng mất vị ; không phải danh-thắng, thời những người du-lãm chửa từng qua, lấy gì làm thú ? Huống là ở hồ Hoàn-kiếm, nó gọi là quì, tuy cũng là loài sen, mà không phải thật là sen, hồ Bầy-mẫu tuy cũng có sen, nhưng lẫn giống lắt mùi hương phải tục, chơi có thú gì ? Vả tính sen không ưa nước đục, ở chỗ nước đục thời còn quí gì sen ? Anh chừng chưa đến hồ Tây bao giờ ? Vậy chỉ thấy hồ Bầy-mẫu, hồ Hoàn-hiếm, cũng đã lấy làm thích đó sao ?..... Này ! Hồ Tây mới thiệt là một nơi danh-thắng đệ-nhất ở trong đất Thăng-long này : bốn bề bát ngát, bờ rộng thênh thang, làn sóng êm-đềm, nước trong leo-lẻo, sen sinh ở đó, quí đã có tiếng, tới đó mà đón lấy hương vị ấy, thú tuyệt ! Chứ anh tưởng hồ Bầy-mẫu, hồ Hoàn-kiếm đã thấm vào đâu ?

Nghe nói, phong cảnh như vẽ hứng thú như bay, liền theo khách đi. Tới bờ hồ, ngẩng mặt lên nhìn, trông quanh bốn phía, quả nhiên : mắt ngoài mười dặm, ngó chẳng thấy bờ, nước phẳng một làn, hơi thành gợn sóng, trắng xóa một mầu, thấp thoáng lụa phơi mặt nước, xanh rì mấy đám, nhấp nhô lọng đứng trong dòng ; lá đón mặt giời, chiếc nghiêng chiếc ngửa, hoa chào trước gió, chiếc mỉm chiếc cười, mũi sực mùi hương, càng lâu càng thích, mắt nhìn sắc đẹp, mọi vẻ mọi xinh, thích tình thích tình, mát lòng mát dạ, nhơn nhơn coi chẳng khác gì như mình tới cảnh Giao-trì vậy.

Ông khách đoái lại mà cười rằng : Anh bảo thế có thú không ? — Ta gật đầu thưa rằng : — Thú thật ! nếu không có anh chỉ dẫn, em đâu được tới cảnh này ! thiệt là ngày nay phí một cái cao-hứng đi chơi của em.

Chốc thấy đoàn thuyền trốc sóng, đua lái đua chèo, tiếng hát trong sen, kẻ ngâm kẻ họa, điệu cao điệu thấp, giọng bổng giọng trìm, nghe rất là sảng khoái! Liền thuê một con thuyền, cùng khách dạo quanh khắp hồ, thời chỉ thấy ngoài thời ngư-phủ gieo cần, chẳng nề ngó non nụ mới, trong thời gái tơ hạ thủ, không kiêng hoa nhỏ hương to; ta thấy vậy, rất lấy điều làm ái ngại. Liền nâng lấy bông hoa mà phàn nàn cùng khách rằng: — Ôi! cổ-nhân gọi sen là « quân-tử trong hoa », ngoài phô nét trắng, trong chứa lòng vàng, sinh trong bùn mà không nhiễm, hương đưa xa mà càng thanh, cuống thẳng mà thông, lá tròn mà phẳng, tư-cách như vậy, phẩm-giá như vậy, em tưởng hoa ấy mà sinh ở hồ này phẩm hoa càng quí, hồ này mà có hoa ấy cảnh hồ thêm xinh, kể ra thời phong cảnh hiếm có thật! Chỉ quái sao chốn thủ nhường này, hiếm kẻ danh-nhân qua lại, phẩm tiên là thế, ít người quân-tử nưng niu, mà nỡ để những kẻ thôn-nữ ra vào, ngư-nhân đi lại, bẻ hoa bứt lá, bày chợ bán đong, lẫn cùng các thứ hoa thường, ai còn biết là phẩm hèn phẩm quí nữa?

Than ôi! ông Chu Liêm-Khê đã vắng, ai người đắp cảnh Hoa-phong, cụ Mạc Đĩnh-Chi qua rồi, ai kẻ phú câu Ngọc-tỉnh. Sen ôi! Sen ôi! Sen vui cùng ai? Sen mừng cùng ai? mà sen trơ trơ giữa giời, như nói như cười, nhan sắc vẫn tươi! Quân-tử thay! sen ơi! quân-tử thay! Sen ơi! — Khách cười, mà không nói.

ĐÀM-XUYÊN

Quand les poètes ne se considéreront plus que comme des ciseleurs de petites coupes en or faux, où on ne trouvera même pas à boire une seule pensée, la poésie n'aura plus d'elle-même que la forme et l'ombre, le corps sans l'âme : elle sera morte.

GUYAU

*
* *

Đến ngày những nhà làm thơ chỉ coi mình như người thợ trạm ngồi trạm những cái chén nhỏ bằng vàng giả, trong không có một giọt tư tưởng cho người ta uống, thời ngay ấy chỉ còn hình-ảnh thơ mà không còn thơ nữa, chỉ còn cái thân-thể thơ mà không còn cái tinh-thần thơ nữa : đến ngày ấy, thì thơ đi đời thơ vậy.

TẠP-TRỞ

TỒN-CỒ-LỤC (1)

Miếu Thanh-cẩm 清錦廟

Miếu ở xóm Đông-các, huyện Thọ-xương, thờ ông liệt-sĩ đời nhà Mạc, lên họ không tường. Ông đỗ tiến-sĩ đời Mạc, làm quan đến *đài-tỉnh* (2). Khi bấy giờ vua Triết-vương, đem quân nghĩa-sư ra đánh nhà Mạc, vua nhà Mạc bỏ thành chạy, quân đuổi gần kịp, việc đã kíp quá, ông mặc áo đeo đai, đi quanh hồ Thái-cực ra trước phố Đông-các, ung-dung mà nắm lấy cương ngựa chúa Trịnh. Chúa Trịnh rung chuông dừng quân để họp các tướng chém ông ấy, rồi lại đánh trống đi lên, thời vua nhà Mạc đã sang qua sông rồi. Đến khi nghĩa-sư giở về, nhà Mạc lại giữ được Long-biên, chính chỗ ông ấy chết, làm cái miếu để thờ, khói hương nghi ngút, ngày đêm không tắt. Đến đời vua Nhân-vương sai phá cái đền, thấy dưới đền có cái mả, đầu nguyên như sống, sai một cơ lính lung lay không chuyển, vì thế không dám phá nữa.

TÙNG-NIÊN.

Dịch sách *Tang-thương ngẫu lục*.

NHỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH. — Khi chúa Trịnh ở Thanh kéo ra, binh thế mạnh quá, như chẻ cây tre, đi đến đâu ngói tan đến đấy, vua Mạc phải chạy, trong một bước đường, hoạc nhanh hoạc chậm rất là can hệ, nào là văn-thần vũ-sĩ, lúc binh thời ơn vua lộc nước, cơm nặng áo dầy, đến khi gió cả cây cứng là ai? Ông liệt-sĩ để sự sống chết ra ngoài bụng, thung-dung nắm lấy cương ngựa, chỉ biết có vua, quên hẳn mình mình, ai ngờ nước ta cũng có ông Di 夷 ông Tề 齊, các quan đời bấy giờ có thẹn mặt không? Tôi ngờ rằng da cũng dầy lắm. Cụ Khổng nói rằng: « Tới nạn to mà không sợ, là mạnh bực thánh hiền. » Xin tặng ông liệt-sĩ câu ấy cũng đáng.

Miếu kia hương khói ngạt ngào,
Bây giờ gio lạnh ai nào thấy đâu?
Hơn nhau tiếng để về sau,
Tham sinh úy tử công hầu mà chi?

* * *

Ông Nguyễn Văn-Giai 阮文偕

Ông khi còn bé, vào học ông Thái-học-sinh cùng làng. Nhà nghèo lắm, nhưng có sức khỏe hơn người, vẫn đi gánh thuê, để lấy lương đi học. Một hôm đi gánh thuê về, giời nóng quá, lội xuống cái ao trước cửa nhà thầy để tắm. Đương khi vùng-vẫy dưới nước quần áo để cả trên bờ, phải quân vô-lại ăn cắp mất, đứng trần truồng dưới nước không dám lên. Bờ ao bên kia, có cô con gái ông giám-sinh ra ao rặt, trông thấy ông phải giở về. Lần sau ra cũng lại thế, cô ta biết ý, được một chốc lại ra quanh co trên bờ ao, giả cách bỏ quên một mảnh vải, độ vài mươi thước rồi giở về. Ông trong lòng lấy làm cảm ơn lắm, cầm lấy mảnh vải đóng khố mà về. Đến khi thi đỗ đến nhà ông Giám-sinh hỏi làm vợ hai. Ông Giám-sinh nói rằng: « Cháu thật vô-duyên, tôi đã trót nhận nhời

(1) Xem *Nam-phong* từ số 6.

(2) Đài-tỉnh 臺省 như là thượng-thư, tổng-đốc và ngự-sử.

rồi, ông ấy cũng là bạn đồng khoa với ông đấy, xin ông đừng có lòng ngờ.» Chợt lúc bấy giờ ông bạn cũng lại, hai ông tranh nhau mãi. Ông bèn nói rằng: « Tôi có vợ rồi, có dám mong lấy vợ đẹp, để ông chê cười đâu, chỉ vì khi còn hàn-vi, cô ả có lòng thương tôi, nên tôi ghi lòng, mong để giả ơn, thật là có giời, đất, quỉ, thần biết cho, có đâu tôi lại dám làm tối mất cái bụng ấy đi.» Rồi kể lại truyện cũ cho bạn nghe. Ông Giám-sinh vào nhà trong, hỏi lại cô ả, nói cũng như nhời ông đã nói, bèn gả người con gái cho ông, lấy làm thứ hai, ông quí ngang với vợ cả.

KÍNH-PHỦ

Dịch sách *Tang-thương ngẫu-lục*

NHỜI BÀN CỦA NGƯỜI DỊCH:— Người ta đang khi hèn hạ, gặp được người bạn tri-kỷ, biết thương mình yêu mình, và qui trọng mình, cũng đủ thỏa lòng hởi dạ, huống chi được cái đuôi mắt xanh của bà danh-hoa đưa đến biết thương đến mình mà chua xót cảnh ngộ-mình, thời cái cảm-tình chứa chan trong lòng, biết ngần hạn nào mà kể. Âu là ta phải gia công mài sắt, mong sao cho chóng nhẹ bước mây xanh, để cho thỏa lòng ơn giả nghĩa đền, về sau chóng làm nên, tuy bởi công khó nhọc của ông, thiết tưởng cái mắt xanh cô ả cũng có công một vài phần.

Đương khi cô ả để tấm vải, mà Nguyễn công cầm lấy tấm vải, thế là hai bên có tình với nhau, nhưng cô ả không chắc ông có biết là mình có tình không? mà ông cũng không chắc cô ả có biết mình có cảm tình không? Đêm năn nỉ bóng, ngay ân hận lòng, một mình mình biết, một mình mình hay, không giải bầy với nhau một nhời. Tình đến không nói, mới thật là chí tình, không phải người thâm tình, không thể si tình được như thế.

Đời bây giờ ai là người để vải, ai là người đáng cầm lấy vải, chẳng qua sô đẩy nhau trong cõi tình-dục!

Những tuồng trong bộc trên dâu,
Thời con người ấy ai cầu làm chi?

Tuyết-trang TRẦN VĂN-NGOẠN.

CÁCH-NGÔN TÂY

— Đàn bà không có ái-tình là cái thành không có linh giữ.

— Đời người là một cái sa-mạc ; người đàn bà là con lạc-đà để đi qua cái sa-mạc vậy.

— Sự thực như cái súng lục, chớ nên bắn vào mũi kẻ qua đường.

— Người ta thường vội sống quên cả cái lẽ sống.

THỜI-ĐÀM

VIỆC THẾ-GIỚI

Âm-mưu của người Đức ở Á-đông. — Ông Đại-úy-hầu-tước (Marquis Okouma) là một nhà đại-chính-trị và một bậc lão-thần của nước Nhật-bản ngày nay có nói truyện với ông chủ-bút báo « Cực-đông thời-báo » (*Information d'Extrême-Orient*) ở Đông-kinh (Tokyo) về sự âm-mưu của người Đức ở Á-đông, xin dịch những nhời của hầu-tước theo báo « Cực-đông » như sau này. Hầu-tước nói :

« Thiên-hạ xem ra có ý sợ có việc động-binh ở Tây-bá-lợi-á (Sibérie). Nhưng có gì mà sợ. Tùng-sử có việc binh sảy ra, nước Nhật-bản chúng tôi cũng có thể đương được. Tôi chỉ sợ nhất là cái thế-lực của người Đức nó ngấm ngầm sang đất Tây-bá-lợi-á, làm đối-loạn dân-trí nước Tàu, vì dân láng-giềng ta ấy là một dân rất dễ đánh lừa và dễ bị mắc lừa. Điều đó thiết-tưởng ai cũng đã rõ. Nước Đức trước khi chiến-tranh vẫn có cái dã-tâm muốn chiếm-cứ lấy đất Tàu ; hiện nay cái dã-tâm ấy, cũng vẫn chưa mất hẳn. Người Đức dùng đủ mưu kế, không sót tí gì, để quyến-dũ bọn đương đạo và các chính-đảng nước Tàu, hồi năm 1914 đã gần thành công. Những mưu-kế ấy chẳng khác gì những mưu-kế của người Đức đã dùng ở Thổ-nhĩ-kỳ năm xưa : như truyền-bá những tin-tức xằng, dùng những cách quảng-cáo rầm rĩ, mở những thương-hội rất to lớn, phóng tiền tài để thu-phục nhân-tâm, thậm-chí dùng cả cách dọa nạt nữa. Khi bấy giờ biết bao nhiêu nhật-báo ở Tàu là của người Đức : ông đọc một tờ báo Anh hay tờ báo Mĩ, không ngờ rằng chính là một cái cơ-quan cổ-võ cho người Đức... Người Đức dùng những mưu-kế như thế, lập thành một chính-đảng Tàu gồm rặt những phường yêu-hãnh, vô-sở-kỵ đạn, chẳng khác gì như bọn « Thiếu-niên-Thổ-nhĩ-kỳ (*parti Jeune-turc*) năm xưa. Nhưng quân Đức đắc-thắng nhất là khéo cảm-phục được người Tàu địa-vị cao nhất lúc bấy giờ, tức là Tổng-thống Viên Thế-Khải ! Tôi vẫn chắc trong bụng đã lâu rằng Viên Thế-Khải bị Đức-Hoàng lung-lạc. Rồi có ngày sẽ công-bố được cái chứng-cớ hiển-nhiên. Bao nhiêu những cố-vấn-quan người Tàu của Viên Tổng-thống bấy giờ đều là thuộc về đảng người Đức cả. Các võ-tướng trong quân cũng là phần nhiều về đảng Đức, người thì vị thành-tín với người Đức, người thì vị lợi. Bấy giờ nước Tàu không còn mấy nỗi mà vào tay người Đức. Khi ấy tôi đứng đầu chính-phủ nước Nhật, tôi biết rằng Viên Tổng-thống là cái ân tay của một nước ngoài, nước ngoài ấy lại là nước cừu-địch của ta, nên tôi hết sức công-kích. Đến sau quân Nhật đánh lấy Thanh-đảo, Viên Thế-Khải thì chết, cái mộng đế-quyền tan ; thế-lực của Đức ở Tàu sụt đi nhiều, song chưa phải đã tiệt-diệt được hết. Quân Đức vẫn còn âm-mưu, nước Tàu chưa thoát-nạn !

« Nước Tàu đương lúc nhu-nhược lắm, nếu ta không phòng-bị cho kỹ thời bọn chủ-cũ đất Thanh-đảo (tức là quân Đức) tất có ngày tìm truyện với ta. Quân Đức nó có cái tài yêu-hãnh lạ-lùng : nghề chỉnh-thám của chúng nó thì không ai bằng. Cái trí tưởng-tượng của chúng nó cũng ghê : mỗi ngày nghĩ được một kế khác để phân-lìa các nước Đồng-minh ta và làm cho ta yếu thế đi. Nước Pháp nước Anh thường không biết cái tay quân-địch nó phản mình, và bị lừa, không quen phòng-bị cái lối ngoại-giao quất-quéo của nước Đức. Là vì rằng nước Pháp và nước Anh là những nước dân-chủ, không có cái chính-sách hiểm-độc. Làm những sự hiểm-độc phải là kẻ cô-độc, xử-sự một mình, có quyền áp-chế, không ai dám ngăn-cản, tức như vua nước Đức mới được. Cho nên cái lối ngoại-giao hưu lối của Đức Hoàng lắm khi hại cho bọn mình là thế. Vậy-ta phải phòng-bị mới được. Như mới rồi Áo-Hoàng viết giấy cho Tổng-thống Poincaré nước Pháp, tức cũng là một cái mưu của lối ngoại-giao ám-muội của nước Đức đó ; nó muốn đánh lừa nước Pháp cho nước Pháp tin rằng Áo muốn lìa với Đức và muốn cầu-hòa. Nhưng chẳng qua là một kế gian-trá, một cái bẫy đó mà thôi.

« Cõi Á-đông này vẫn là một cái đất tốt cho sự âm mưu của người Đức. Trước khi chiến-tranh chính bọn Đức ở Mĩ châu nó làm cho nước Nhật với nước Mĩ không bằng lòng nhau ; không có những sự âm-mưu của Đức ở Cựu-kim-sơn (Californie), thì sự giao-tế của

Nhật và Mĩ có gì mà chẳng được hoàn-hảo. Lại ở các nơi khác ở Mĩ-châu cũng có người Đức vẫn âm-mưu để nhiễu-loạn cuộc hòa-bình. Cái ngoại-giao-thuật của Đức-Hoàng vẫn hết sức làm cho nước Nhật sung-đột với nước Anh, bảo người Nhật rằng cái chính-sách của nước Anh ở Trung quốc là chỉ chủ hại quyền-lợi nước Nhật. Nhưng nhất-diện thì thế, mà nhất-diện thì quân Đức vẫn mưu hại nước Nhật.

« Trước khi chiến-tranh một ít, ngoại-tướng Nga bấy giờ là ông Sazonov có đi sang Bá-lâm (Berlin), vào thăm Đức-Hoàng, gặp mặt mấy lần, Đức Hoàng bàn muốn kết-liên nước Đức, nước Nga, nước Tàu ba nước để phá-hoại cái thế-lực Nhật-bản ở Á-đông. Ông Sazonov lấy sự mưu đó làm quá-đáng, bèn lấy tình thành-thực mà cáo cho chính-phủ Nhật bản chúng tôi biết cái mưu Bá-lâm định hại chúng tôi như thế.

« Trong bốn năm chiến-tranh này, cái âm-mưu của Đức lại thay hình đổi dạng cho hợp thời, và lại vận-động hơn xưa nữa. Bao nhiêu người Đức ở Nam-Bắc Mĩ-châu đều vào cái đội âm-mưu ấy cả, chỉ tìm một dịp tốt mà khiến nước Nhật và nước Mĩ sung-đột với nhau. Ở Tàu, quân Đức cùng những kẻ về bè với Đức cũng không ngồi yên, chỉ cố kích-thích xui xiểm cho người Tầu phản-đối với người Nhật. Ngay ở Nhật-bản cũng có những quân Đức yêu-hành như thế. Các nước bạn vẫn trách chúng tôi rằng sao không đãi những người địch-quốc giam ở Nhật một cách nghiêm-khắc hơn. Nhưng cái lệ trong nước chúng tôi vẫn là trọng sự tự-do của bọn đó, miễn là bọn đó đừng có lạm-dụng cái tự-do ấy mà thôi. Hồi Nhật-Nga chiến-tranh chúng tôi đối với người Nga cũng thế. Cho nên nay đối với chiến-tù Đức cũng khoan-dung hơn các nơi khác. Đó cũng là một sự nhân-đạo vậy. Nhưng mà có lắm khi chúng tôi cũng bất-đắc-dĩ mà phải nghiêm khắc. Tôi cũng biết rằng chúng tôi khoan-dung với họ họ không biết ơn chút nào. Như bọn dân Đức ở Thanh-đảo, chúng tôi để cho đi lại tự-do, mà ra nó âm-mưu làm hại lợi-quyền của chúng tôi nhiều. Những người Đức kiều-cư ở Nhật-bản cũng muốn xuất-động lắm. Họ biết rằng trong quốc-dân chúng tôi không có cái lòng hiềm ghét gì người Đức, phần nhiều có người đã đi du-học qua ở nước Đức về nên họ lại càng nhơn nhơn lên lắm .. Họ nói rằng nước Đức cũng không ghét gì nước Nhật, không thù gì người Nhật, chỉ muốn kết-liên với nước Nhật mà thôi. Có ngày họ biếu chúng tôi đất Úc-châu, có ngày thì biếu đất Mã-lai của Hòa-lan, có ngày lại biếu một mảnh thuộc địa của nước Đồng-minh nào đó. Nhưng chúng tôi có phải lừa đâu ! Chúng tôi biết rằng những sự mưu-mô của bọn ngoại-giao Đức đó là lừa dối cả. Xin các bạn Âu-châu cũng đừng nên quá tin mới được !

« Cái nghĩa-vụ của chúng ta là phải đánh cho được nước Đức, đánh cho nó hết sức, đánh cho nó tiệt-diệt. Ta đừng nên làm nửa chừng. Tôi xin nói thực với ông, tùng-sử nước Đức thuận giả lại các ông ngay bấy giờ hai châu Á-tẩn Lô-liên, các ông cũng không nên hòa với, vì quân dịch hiện chưa quệ. Nó giả ông hôm nay, mai tất nó lại lấy lại. Phải đánh cho toàn-thắng mới được. Cuộc toàn-thắng ấy nước Pháp sẽ giúp một phần to cho các Đồng-minh có ngày được. Như thế thì sau khi chiến-tranh cái tình thế nước Pháp về đường thực-tế, đường tinh-thần lại tốt hơn trước năm 1914. Nước Pháp sẽ có một cái nhiệm-vụ đối với nước Nga, nước Pháp có thể giúp nước Nga khởi-phục lại. Nhưng mà tôi thiết-tưởng nước Pháp sẽ dựng đầu một cuộc đồng-minh cả các nước thuộc về giống Lạp-đinh (*alliance latine*). Tôi yêu-mến cái văn-minh Lạp-đinh lắm, để thương vì cái văn-minh đó có nhiều phần giống với văn-minh nước Nhật-bản tôi : như sự yêu mĩ-thuật, như cái tinh-thần thượng võ, như cái tính-thích những sự giao-tế trong xã-hội.

« Các dân Lạp-đinh mà kết-liên lại thì có một cái thế-lực rất mạnh. Nước Pháp số dân có ít thì nhờ nước Ý số dân nhiều. Nhưng tuy người Pháp ít mà cái cá-nhân-giá-trị (*valeur individuelle*) của người Pháp rất tốt, cứ xem từ khi ra chống-đối với quân địch thì biết. Ở Nhật-bản chúng tôi mang-nhiên không biết cái tư-cách tốt của người dân Pháp, của bọn nông-dân công dân khi ra trận can-đảm như thế. Người ta thường nói các ông là một dân lão-đại, thiết tưởng không phải : đầu người già của các ông cũng minh-mẫn hơn người trẻ. Như quan thủ-tướng Clémenceau còn người trai-trẻ nào bằng ! Tôi trông những việc ngài làm, nghe những nhời ngài nói mà cảm phục lắm. Tôi có một cái ý-kiến như thế này, không biết có phải không : tôi xét ra quan thủ-tướng Clémenceau lại còn tinh-anh minh-mẫn hơn quan thủ-tướng Anh Lloyd George. (1) Nước Pháp thực là một nước trai-trẻ không bao giờ cùng ! »

(Dịch báo *Information d'Extrême-Orient*)

(1) Thủ-tướng Anh còn ít tuổi hơn thủ-tướng Pháp nhiều.

VIỆC TRONG NƯỚC

Lễ Quốc-triều đại-kỷ-niệm ở Huế. — Kỳ trước bản-báo đã đăng lời dụ của Hoàng-Thượng đặt lễ Kỷ-niệm nước Nam vào ngày mồng 2 tháng 5 ta là ngày Đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế (tức là đức Gia-long) đăng-quang. Vậy ngày 2 tháng năm mới rồi (tức là ngày 10 tháng 6 tây), ở Kinh-đô có cử lễ trọng-thể lắm. Bản-báo tiếp được thư một người bạn Trường an thuật về các lễ-tiết rất tường-tận. Xin trích-lục và đăng sau này :

«.... Ngày mồng hai mới rồi đây là lễ Kỷ-niệm đức Thế-tổ Cao-hoàng-đế đăng-quang. Tôi chỉ tiếc rằng Đại-huynh không rảnh dặng vào mà xem cái lễ trọng-thể lắm. Ban đầu nghe rằng đức Hoàng-Thượng đặt lễ Kỷ-niệm này ra, thì ngờ rằng lễ ấy rồi cũng thường thường vậy, chớ cái cuộc vui khó lấp quá cái cuộc vui của lễ Chánh-chung đăng. Mà đến ngày lễ mới biết là rực rỡ, trang-nghiêm, sự-thể lắm !

« Buổi mai khi 6 giờ mai thì phát lịnh 7 tiếng. Đức Hoàng-Thượng, Tôn-nhơn-phủ, cùng các quan Văn Võ đình-thần đều qua yết và làm lễ bên Thái-miếu. Làm lễ xong thì phát lịnh 3 tiếng. Hoàng-Thượng ngự về điện Cần-thành, thiết thường-triều tại đó, vì điện Cần-chánh sửa chưa xong. Trong khi ấy thì phát lịnh 21 tiếng. Ấy là xong lễ trong đền.

« Tuy chánh-lễ là ngày mồng 2, mà tự mồng 1 đến mồng 3 thì trong thành ngoài phố, đâu đâu cũng đêm thắp đèn, ngày cắm cờ hết. Vẫn xưa nay, bất-kỳ lễ Chánh-chung hay là lễ lớn gì, thì nhà nào cũng treo cờ tam-tài, nên chi nhà nào cũng chỉ sắm một thức cờ ấy mà thôi, Vậy mà trong lễ Kỷ-niệm này tự quan đến dân đâu đâu cũng treo cờ vàng trên có đính tam-tài (*jaune écussonné de tricolore*) cờ ấy vẫn là cờ riêng của Nhà-nước ta, và thửa nay trừ ra nơi cột cờ, thì không sở nào, nhà nào dám treo. Thiệt nhà nào nghèo lắm cũng làm cờ vải ta nhuộm vàng mà treo ; ngó vậy thì biết cái lòng dân phục cái ý đức Hoàng-Thượng đặt lễ Kỷ-niệm này ra làm thế nào. Đò ghe dưới sông, đều cũng thắp đèn như trên bộ.

« Cái chỗ chè chén cũng là khéo lựa, nhằm em xem chợ lắm : hễ xưa nay, thường lễ chánh-chung các trò chơi đều bầy ra nơi đám cỏ rộng chợ Đông-ba, trước đường Paul-Bert, mà đây lại bày ra trước Phu-văn-lâu. Sau là cột-cờ (*Cavalier du Roi*) ngoài vừa cái thành, đến Phu-văn-lâu, đến đường Paul-Bert, vừa làm hai cái bằng để các quan Tây cùng quan An-nam xem hát. Đến ngay đó thì có bến Lương-tạ, ngoài hết thì đến cái sân tàu. Hai bên Lương-tạ, một bên có một cái nhà sẵn của lính thủy ở, một bên thì có làm một cái bằng nhỏ để phát giải cho những trải đua. Trong Lương-tạ và mấy cái bằng đều rực rỡ đẹp đẽ vô cùng, nào cờ-xí, đèn đuốc, ghế đẳng, toàn đồ trong Nội chở ra hết ; ghế thì gia màu lá cam đậm, có con rồng vàng đoanh (I) xiên xiên nơi chỗ lưng dựa, chân ghế thì chạm trổ theo kiểu « Trung-cổ-phục-hưng » (*Renaissance*). Cả cái khoảng đất tự cửa Thể-nhơn, đến cửa Quảng-đức dọn sạch bong như gương, có dựng đu bầu cho thiên-hạ chơi.

« Các dinh, điện, phủ, tòa, sở-công, sở-tư đường xá, cờ-xí đều trần-thiết đẹp đẽ vô-cùng. Các chỗ làm việc quan đều được nghỉ một ngày. Người đi coi rật rật những mấy ngày, đông như kiến-cỏ, trai thanh gái lịch, nhà quê hàng phố, ngó trên cầu Trường-tiền như đen đi nửa cầu ; thiệt là :

Ngựa xe như nước, áo quần như nêm !

« Dưới sông nhiều cái lâu thuyền rất đẹp đẽ : bốn năm chiếc thuyền kết lại, trên làm lầu đài trần-thiết, biết mấy công trình, hao tốn bao nhiêu mà kể ? Nào Tôn-phổ, nào Văn-ban-đình-thần, võ-ban-đình-thần, nào trường hậu-bổ, nào trường Quốc tử-giám, nào Thừa-phủ, đều kết lâu-thuyền như thế cả, Mỗi cái lâu-thuyền như vậy, tốn chừng 250 $ đến 400 $, chớ không vừa ! Như cái lâu thuyền của Tôn-phổ là trước có kết đầu rồng bằng đèn, thủng thỉnh rồng phun lửa ; cái lâu-thuyền của Thừa-phủ thì hai bên có hai con rồng thiệt lớn, miệng ngậm hai hột châu ; cái lâu-thuyền của Văn-ban-đình-thần thì làm hoành, làm liễn, toàn bằng hoa quả, cái bàn để đồ ăn thì có xây một cái lầu toàn bằng kẹo ; trường Hậu-bổ và Quốc-tử thì thuê riêng một chiếc ghe vẽ lại sơn lại, trên thì treo cờ-xí, như dáng một chiếc thiết-hạm, Võ-ban-đình-thần kết cái lâu-thuyền cũng dụng công lắm, lại có pháo bông mà đốt riêng nữa ; lâu-thuyền của Thừa-phủ cũng đẹp lắm, trên tầng trên để vọng một cái ngai vàng.

(I) Tiếng Kinh *đoanh*, tiếng Bắc là *lượn*.

« Còn người ngoài ai ai cũng đều thuê đò mà đi coi, đã tỏ đặng cái lòng thành với Nhà-nước, sau lại đặng hưởng một cuộc vui rất nhã và quí lắm. Đò nào cũng đều kết bông hoa, cờ-xí, đèn đuốc lòe loẹt hết sức ; như hội các thày, như hội nhạc Quảng-đông của Bùi Tiên-sinh.

« Khi 2 giờ rưỡi chiều thì trong thành kéo quân ra, độ 200 quân, cờ-xí, lọng tàn, trước hai voi, sau hai voi, ra cửa Thượng-tứ, qua đường Paul-Bert, đi ngang qua đường Phu-văn-lâu, rồi vô cửa Quảng-đức, trở về đóng tại Ngọ-môn. Cách ấy cũng như cách duyệt-binh. Đến khi đức Hoàng-Thượng ngự ra, thì rút những vệ cờ cửu-long, bát-tú, và cầm-y-thượng-trực đi đóng hầu tư bến tàu, đến Phu-văn-lâu.

« Đến 3 giờ rưỡi chiều thì các quan Tây quan An-nam đều đủ mặt. 4 giờ thì đức Hoàng-Thượng trong đền ngự xe điện ra cửa Thể-nhơn, quan Khâm-xứ-đại-thần bèn tỏa đến, quí-quan cùng quí-phu-nhận đều đông đủ. Khi 4 giờ 1/2 thì đua, đua đến ba lần, mỗi lần lộn ba vè. Đức Hoàng-Thượng, quan Khâm-xứ, các Cụ lớn, các quan tây đều ngồi trên bến tàu mà xem đua. Hai ngài Hoàng cùng hết thảy các Bà nội-cung đều đi chiếc Xà-lúc « Phú-xuân » có trải kéo ra giữa dòng Hương-giang mà xem, mặt xa-lúc trở quay vào trong bến tàu. Có long-thuyền và xa-lúc nhỏ canh tuần. Còn xung quanh thì nào trải, nào dò, nào xuồng của người đi coi không xiết kể, nam thanh nữ tú, ăn mặc mĩ miều, cũng luồn gió bẻ măng mà đua tài đua sắc ! Khi đó đua thì các lâu-thuyền đều đánh nhạc, đốt pháo bông. Đua rồi hai lần thì..., lạ thay,... đâu bên ngả Thừa-phủ có bốn con cá gáy rất to lớn, lững đững lên khỏi mặt nước, hai con vàng, hai con đỏ, thung thăng lội đến chỗ đức Hoàng-Thượng ngự, rồi đi ra một đoàn đều đặn lắm : bốn con cá ấy, té ra bốn chiếc xuồng nan, trong có người chèo, ngoài thì phất cốt cả. Rất khéo ! rất nhã ! Dưới nước thì có cá ! mà cá lại cá gáy ! Thiệt đã khéo ưa !

« Khi đua xong rồi thì vừa khởi-sự múa *lam-tinh*, múa *tứ-linh* cùng hát tuồng *Giang-đông phó-hội* trong rạp hát, con hát dùng con hát trường Thanh-bình. Các quan tây, quan An-nam đều ngồi trong hai cái bằng tả hữu mà xem hát. Đức Hoàng-Thượng có đãi đủ các thức rượu, bánh và thuốc. Khi 7 giờ tối thì đâu đâu cũng thắp đèn. nào trên bộ nào trong mấy cái bằng, mấy cái lâu thuyền và đò người đi coi, mặt nước dợn như vàng, đèn lóng lánh như sao ! Đốt pháo bông trên cột-cờ, và hai bên tả hữu Phu-văn-lâu. Khi ấy trong các cái lâu-thuyền thì thổi đàn địch, đánh chuông trống.

« Hai bên thiên-hạ, trên bờ dưới sông, lặng phắt như tờ mà nghe. ... — Đến khi đốt pháo phun hoa cải đỏ chói nửa lưng trời, khói hóa ra ngũ-sắc ngó như mây như rớn (1), phong trên ngai đức Hoàng-Thượng ngự. Sau thì ngọn cờ vàng bay phấp phới ! Đẹp thay ! xinh thay ! Dẫu lấy ngàn vàng mà mua cái cảm-giác trong cái cuộc ngoạn mục ấy thì cũng liều đi mà mua lấy. Ôi ! khi ấy mới biết tuy ở đó là mấy ngàn con người ta mà như một người ! một lòng ! ý hiệp tâm đầu, trong ngực nó cứ đánh phập-phồng... — Nín thở mà nghe nhạc một cách lễ phép nghiêm-trang... — Khi ấy như tuồng cái hồn to-tát của đức Tỉ-Tổ ta bay phưởng phất đâu trên khoảng trời xanh ấy, khiến cho lòng người phải chạnh tưởng đến công-đức của Bản-triều ! Thiệt ngó như một bức tranh vẽ thiên-nhiên ! Giá như cái cuộc vĩ-quan ấy mà bày ra nơi Đông-ba, thì tôi tưởng cái phong-thú nó mười phần cũng giảm đi bốn : bức tranh đẹp mà lồng trong cái khuôn khéo ấy là hoàn-toàn ! Bốn con cá thì khi ấy thắp đèn trong lòng mà cứ liệng đi liệng lại. Xinh !

« Mà quí thay ! đã tháng năm là tháng nắng trời không mưa, cờ xí áo xống lại càng rực-rỡ ; mà lại ngày mồng hai đêm không trăng đèn đuốc thêm rạng lòa ! Chẳng những là năm nay mà lại còn nhiều năm nữa, còn đời đời kiếp kiếp sau này, lễ Kỷ niệm sẽ thành ra một cái quốc-phong. là chúng ta đều đặng hưởng cái cuộc vui ấy, cuộc đồng-lạc ấy, trời cũng hùn phần vào : là giúp cho cái ngày không mưa, đêm không trăng đó.

« Tối lại khi 8 giờ thì đức Hoàng-Thượng ngự vào đền, quan Khâm-xứ đại-thần về phủ, và nội-cung về cung.

« Khi ấy trong mấy cái lâu-thuyền và các chiếc đò riêng của các Đức-ông, Đức-bà, các quan các thầy đều bày cuộc chơi ra, nào là nhà trò, nào là ca đờn hát xướng không thiếu thứ gì. Trong cái lâu-thuyền của Văn-ban. đình-thần thì hát nhà trò, các quan lên khi ấy đặt bài nhà trò, tôi có sao đặng biên sau này cho Đại-huynh xem cho vui.

(1) *Rớn* nghĩa là *giáng*, mây ngũ-sắc.

« Dưới Hương-giang thuyền liệng sáng như sao, thiệt là vui vẻ quá.

« Vậy mà đây mới một lần đầu chưa cồ-chung gì mấy, thiên-hạ chưa biết đến hết đầu đuôi, nhiều người đến nỗi chưa nghe đến cái tiếng « Kỷ-niệm, huống chi biết cái nghĩa sâu-xa của lễ « Kỷ-niệm » ? Vả chăng bên Mẫu-bang đương bối rối, cuộc vui chơi ấy cũng giảm bớt nhiều.

« Thiệt đức Hoàng-Thượng ta lập cái « Kỷ-niệm-đại-khánh-tiết » này, toàn cả quốc-dân lấy làm hoan hỉ sùng-bái lắm. Tuy là cái cuộc chơi, song cuộc chơi mà nuôi dưỡng đặng cái quốc-hồn cho công-chúng, cuộc chơi mà làm cho xui thiên-hạ nhớ đến cái công-đức xưa, cuộc chơi mà làm cho cái trình-độ của chủng-tộc ta tấn tới, cuộc chơi mà lấp đặng một điều khuyết-hám một trăm mười sáu năm, thì cuộc chơi ấy là một cuộc chơi có ích và đáng quí là bao !.....

« Sau này tôi xin sao bài nhà trò của các quan :

« Rỡ ràng ngọc-chúc kim giai
« Mừng nay an-lạc nhớ ngày gian-nan.
« Rượu sen dâng chúc chén vàng,
« Gọi ngày Kỷ-niệm Cao-Hoàng năm xưa.

« Ngày mồng hai tháng năm năm *nhâm-tuất*, ngày là ngày phục quốc tân hoan ! Ngửng trông xưa đức Thế-tổ Cao-hoàng, công-nghiệp với Võ Thang đều sánh ví. Kể từ thủa dựng cờ Nguyên-súy, bến Long-xuyên lăm chí rửa thù. Bến Sài-gòn lên chánh ngôi vua, mối nhất-thống mở mang từ bến Nghé. Trong quân đà nhiều vai kinh-tế, ngoại-thần thêm lắm kẻ tay chân. Khi Cần-giờ, khi Phú-quốc, khi Vọng-cát, khi Qui-nhơn, thuyền Long Phụng lấy lừng trên mặt bể. Trong hai mươi năm gian-nan chi xiết kể, gió xuôi buồm Thuận Huế thẳng vào. Giặc Tây-sơn khiếp vía bỏn đào, xuân kinh phút sùng-chiêu đem lại. *Hồng nghiệp phi khai thùy tức tải, chánh biên cung kỷ chiếu thiên thu.* Lịch vô-cương từ ấy chép năm đầu, thần thánh kế kim-âu vững đặng. Nhìn bờ cõi trong Nam ngoài Bắc, an-lạc rày chạnh nhớ lúc gian-nan. Trên chín tầng ban xuống chiếu vàng, ngày Kỷ-niệm xa gần đều vui mến. Phong-hóa đã một ngày thêm một tấn, có ngày xưa mới đến ngày rày. Tiệc vui xin nhớ hôm nay !..

.....»

C. . . .»

Lời Thánh-dụ cho dân xứ Bắc-kỳ.

— Hoàng-Thượng sau khi hồi loan có ban ra một đạo Thánh-dụ khuyên kẻ thần-dân xứ Bắc nên chăm-chỉ về đường học-hành tiến-hóa. Bản-báo cung dịch sau này, đồng bào ta nên cung-kính mà đọc, để nhớ lấy nhời vàng ngọc của Hoàng-Thượng :

« Dân là gốc nước, gốc có bền thì nước mới yên. Vua là chủ dân, chủ nếu suy thì dân phải loạn. Vì thế, bề trên phải lo toan trị đạo, đừng sai cái cách chăn nuôi, kẻ dưới phải nối giữ cương-thường, đừng quên cái lòng ưu ái. Vua dân nhất-thể, trên dưới đồng lòng, dốc một niềm về tư-tưởng quốc-gia, để cố lên tới chỗ văn-minh cực-điểm, thì trị yên giàu mạnh, tưởng không biết đến đâu là cùng.

« Nước ta là nước quân-chủ, văn-minh khai-hóa, kể cũng đã lâu đời rồi. Duy trong đó hồi thịnh cơn suy, vận-hội đã khác, người trên kẻ dưới, tình ý lại chia, đến nỗi bước đường văn-minh, sinh nhiều trở lực, có phải cái tiêu-dồ tiến-bộ chẳng ngang đến thế mà thôi đâu ! Đinh, Lê, Lý, Trần, mấy triều trước khi trị khi loạn, đã có chứng-nghiệm rõ ràng, lần đến cuối đời Hậu-Lê họ Trịnh chuyên quyền, nhà Mạc cướp ngôi, chỉ lo đoạt lợi tranh quyền, kể gì đến dân đến nước, cương-thường điên-đảo, nam bắc chia lìa. Kế đến Ngụy Tây-sơn gian-hùng thiết-cứ, liền năm binh-hỏa, dân khổ lầm-than.

« Đức Thế-tổ-cao-hoàng-đế ta, siêng lo việc nước, thương xót tình dân, ăn gió nằm sương, chẳng nài gian hiểm, nâu thân ở Vọng-các, gửi con ở Ba-lê, cờ nghĩa kéo lên, tới đâu vô địch, khi đó diệt hết loài gian, thu hồi nghiệp cũ, khắp tìm Lê-Hậu, lại giúp trung-hưng, không ngờ con cháu nhà Lê tìm khắp chẳng còn ai cả, thật lòng giời run rủi, khiến chân-nhân ứng-vận mà ra !

« Đức Thế-tổ ta thuận theo ý giời, lên ngôi Hoàng-đế, ba kỳ thống-nhất, đức hóa tuôn dào. Thần thánh rõi truyền, nước nhà thịnh-trị. Muôn nhà đan hát, trăm họ ấm no, công đức bình-thành, chầy ra đã khắp. Vậy thời quân-chủ-chính-thể chẳng phải là cái đặc-sắc văn-minh của nước ta mấy ngàn năm nay sao ? Chỉ hiềm cơ-sảo trí-hóa chưa được mở mang, như gấm chửa thêm hoa vậy. Chẳng may gặp cơn quốc-biến, vua bé tôi gian ; phần thời trong nước học chỉ theo Tàu, người còn thủ cựu, các khoa cách-trí hóa-học đều thua sút người ta ; gia-dĩ quyền thần bạt-hỗ trong triều-đình, không

nghĩ giao-thông cùng hoàn-hải, thú-mục tầm-thường ngoài các tỉnh, không lo dụ dắt cho nhân-dân. Nhờ Đại-Pháp là một nước văn-minh tiên-giác, sang khai-hóa cho nước ta, thực là cái cơ-hội rất tốt. Ngặt về đương lúc kiến-văn còn hẹp, không rõ tinh ý, sinh bụng nghi-ngờ, lại sợ là Đại-Pháp chiếm-đoạt nước ta, kháng-cự đề-phòng, cấm đến cả thông-thương truyền đạo, thành ra mấy trang nghĩa-sĩ, chấu chực đá voi, một bọn quyền-thần, trứng hòng chọi đá, đến nỗi giời long đất lở, nước phá dân tàn; nhầm một chút mà lưu-họa biết là nhường nào! May mà nước lớn rộng bụng nhân từ, dốc tình tín-mục, biết quân-chủ-chính-thể là cái đặc-sắc văn-minh của nước ta, không thể nào bỏ được, chỉ nhân cái văn-minh của nước ta sẵn có mà sửa-sang dần-dần, bèn đón lập đức Cảnh-tôn thuần-hoàng-đế (1) ta, cầm quyền nước để định lòng dân. Nhưng lúc ấy ngoài Bắc trong Nam, còn đương bối rối, chỗ xưng nghĩa-hội, chỗ xưởng cần-vương, đại cục chưa yên, bốn phương nhiều việc. Đức Tiên-đế ta đăng-cực buổi đầu, giáng-dụ trong Nam, đi tuần ngoài Bắc, thấy đều sợ oai mến đức, lần lượt dẹp yên. Đương cùng với quan cố Toàn-quyền đại-thần Bôn-Be hiệp-lực cùng lòng, lo toan mọi việc, sửa cũ thay mới, chung Âu Á lại một lò, để mở mang trí-thức cho nhân-dân, dìu dắt lên đường tiến-hóa, không ngờ thời giờ còn ít, công hiệu chưa nên, mà xe rồng vội đã thượng-tân, chẳng qua là lòng giời cũng chưa muốn cho dân ta được trị vậy. Thương ôi! Từ đó về sau, kể năm chốc gần ba chục, tuy ngôi thần có chủ, mà tượng gỗ làm vì, Chính-phủ Bảo-hộ vì thấy triều-cương bất-chấn như thế, nên việc cai-trị Trung Bắc mới tách làm hai, mà danh nghĩa triều-đình vẫn giữ không bỏ, dáng là sợ chủ suy thời dân phải loạn, có ý vị nước ta lo liệu giùm cho.

« Trẫm đã ỷ-thác tầm-thường, đức hiềm tài mọn, nhưng ở lâu trong phiên-phục, đường chính-trị cũng hơi biết đại-cương, một là phải theo phép-tắc của Liệt-Thánh đời xưa, hai là phải nương Chính-sách của Chính phủ Bảo-hộ, điều tệ bỏ bớt, điều hay sửa thêm, ấy là cái yếu-chước chính-trị nước ta bây giờ vậy. Đương muốn hạ thủ thực-hành, cùng với quan Toàn-quyền đại-thần Xa-Lộ hiệp sức cùng lòng, làm ra các việc ích-lợi cho dân, để khỏi phụ lòng dân trông đợi, lại sợ dân-gian kẻ ý này người ý khác, phụng-hành hoặc có chỗ sai, nên đăng-cực buổi đầu, ban ngay lời dụ, chia làm ba yếu-chính, hiểu trước cho dân hay, tuy ý nói cận thường, mà coi đó đủ rõ cái cơ tiến-hóa. Đến nay noi theo cổ-điển, đi quan-phong tới xứ này, xét biết lòng dân thân-thượng tôn-quân vạn ý như cũ, cái thành-ý hoan-nghênh, cái thâm-tình kính-mến, trong hoàn-cầu dễ không mấy nước dân ở với vua được như thế, bụng Trẫm rất lấy làm vui. Lại ngó bây giờ mà chênh nhớ đến ngày xưa, có vô-hạn-cảm-hoài lai-láng. Còn những quang-cảnh trong mấy ngày Trẫm kinh-lịch, nào là phố-xá đông-đúc như thế, ruộng đất mở mang như thế, việc buôn bán thịnh vượng là thế, việc biên-phòng nghiêm-mật là thế, cho đến các học-trò trường học, khôi-ngô tuấn-dĩnh là nhường nào, các núi sông hiểm-yếu, tứ-thông-bát-đạt là nhường nào, khắp xứ Bắc-kỳ thành một bức giang-sơn-cẩm-tú; mới biết Chính-phủ Bảo-hộ kinh-doanh ở xứ này, công-trình khai-hóa, thật là cái thủ-đoạn lanh giỏi bậc nhất. Sau này tiến-hóa còn chưa biết đến đâu là cùng. Tổng-chi cũng cốt biết nhân cái văn-minh sẵn có của nước ta mà sửa sang thêm, nên đến được thế. Coi thế thời cái cuộc Pháp Việt đề-huề, không khi nào mà lìa nhau được; nhân-dân nước ta cũng đều là dòng giống thông minh cả, tưởng lẽ đó đã thông hiểu hết, không đợi Trẫm phải nói nhiều lời. Chỉ khuyên dân ta gắng sức mà làm, tiến hóa đã có cơ hay, học hành lại thêm phấn chấn, thời thành-đạt chắc là chóng lắm, khác nào như mưa thuận gặp thời, cây cỏ thấy đều tươi tốt, còn lo gì tiều-tụy nữa ru? Nói về công-giới thời trước vụng mà bây giờ khéo; nói về học giới thời trước nệ mà bây giờ thông; nói về thương-giới, mối lợi đã thâu được một vài; nói về nông-giới, vật-sản thấy ngày thêm nảy nở. Cơ tiến-hóa rõ ràng như thế, đều nhờ có Chính-phủ Bảo-hộ làm thầy hướng-đạo cho ta. Trẫm khuyên dân ta cố học cho kỳ nên, bắt chước cho kỳ được, một ngày kia lên tới chỗ văn-minh cực-điểm, tiếng tăm lừng lẫy trong cõi Á-đông này, khỏi phụ công Chính-phủ Bảo-hộ tác-thành cùng lòng Trẫm trông cạy, vậy chẳng tốt lắm ru?

« Ôi! Cách-tệ cải-lương, vốn nên theo về thày giỏi; tiến tài rộng học, lại phải mong ở dân mình. Phàm con dân ta, nên gắng sức lên!

« Tờ dụ này chuẩn thông-lục cho mọi nơi đều biết. »

(1) Tức là đức Đồng-Khánh